EYMARD

An Mai Đỗ O.Cist.

NHÂN CÁCH ĐỜI TU

2015

MỤC LỤC

LỜI NGỎ 4
DẪN NHẬP 4
1.NHỮNG THÁCH ĐỐ CHO ĐỜI TU NGÀY NAY 6
1.1.Danh 7
1.1.1.Chủ nghĩa vô thần 7
1.1.2.Quyền lực 8
1.2.LỢI 9
1.2.1.Chủ nghĩa duy vật 9
1.2.2.Chiếm hữu 10
1.3.THÚ 10
1.3.1.Chủ nghĩa khoái lạc 10
1.3.2.Hưởng thụ 11
2.NHỮNG MẶT NẠ TRONG ĐỜI TU 11
2.1.Cái tôi vĩ đại 12
2.2.Cái tôi nhút nhát 13
2.3.Cái tôi nệ luật 14
2.4.Cái tôi hình thức 15
2.5.Cái tôi tích cực 16
2.6.Cái tôi tiêu cực 16
2.7.Cái tôi tự ái 17
3.NHỮNG CƠ CHẾ TỰ VỆ TRONG ĐỜI TU 18
3.1.Cơ chế tự vệ chối bỏ thực tế 18
3.2.Cơ chế tự vệ dồn nén 19
3.3.Cơ chế tự vệ đóng cửa 19
3.4.Cơ chế tự vệ thay thế 19
3.5.Cơ chế tự vệ gán ghép cảm xúc 20
3.6.Cơ chế tự vệ phản ứng 20
3.7.Cơ chế tự vệ nhập tâm 20
3.8.Cơ chế tự vệ hoài cổ 21
3.9.Cơ chế tự vệ hợp lý hóa 21
4.NHÂN CÁCH TÔN GIÁO 22
4.1.Thuật ngữ 22
4.2.Tiêu chuẩn đánh giá 22
4.3.Chướng ngại 23
4.4.Tiến trình hình thành nhân cách tôn giáo 25
4.4.1.Thần tượng 25
4.4.2.Cầu khẩn 26
4.4.3.Hiệp thương 27
5.NHÂN CÁCH ĐỜI TU 28
5.1.Chướng ngại 29
5.1.1.Không trung thực 29

5.1.2.Lệ thuộc 29
5.1.3.Cầu toàn 30
5.1.4.Ghen tị 30
5.2.Những giai đoạn đời tu 31
5.2.1.Bước đầu đời tu 32
5.2.2.Khấn sinh 37
5.2.3.Tuổi già 38
5.3. Tiêu chuẩn 39
5.3.1.Tự do đáp trả lời mời gọi 39
5.3.2.Ước muốn chiếm hữu 41
5.3.3.Con tim không chia sẻ 43
6.CỘNG ĐOÀN GIÚP HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH ĐỜI TU 43
6.1.Cộng đoàn là một hồng ân 44
6.2.Cộng đoàn yêu thương 45
6.3.Cộng đoàn hiệp thông 45
7.TRƯỞNG THÀNH ĐỜI TU 46
7.1.Cảm xúc 47
7.2.Lý trí 48
7.3.Ý chí 51
8.GIỚI TÍNH TRONG ĐỜI TẬN HIẾN 52
9.CẦU NGUYỆN 53
9.1.Cầu nguyện với Thiên Chúa nào ? 54
9.2.Cảm xúc an toàn 55
9.3.Chữa lành và giải thoát 56
10.SỐNG TRONG CHÚA THÁNH THẦN 58
10.1.Hiện hữu. 58
10.2.Thể lý 59
10.3.Tâm lý 61
10.4.Tâm linh 63
11.LINH ĐẠO ĐỜI TU 66
11.1. Thuật ngữ 66
11.2.Tự hủy 67
11.3.Niềm vui 68
11.4.Hiệp thông 69
12.CĂN TÍNH 71
13.NHÂN CÁCH ĐIỂN HÌNH 72
13.1.Thánh Phanxicô thành Assisi 72
13.2.Thánh Têrêsa HĐGS 74
KẾT LUẬN 75

LỜI NGỎ

Những suy tư trong tập sách này như một kết quả đánh dấu 20 năm kể từ ngày Tông huấn Vita Consecrata ra đời. Thật thú vị ! Đây cũng là dịp Đức Phanxicô công bố: Năm 2015 - Năm về Đời Sống Thánh Hiến. Điều này cho thấy sự quan tâm đặc biệt của toàn Giáo hội đến với những người sống đời thánh hiến. Những ưu ái ấy như là một nhắc nhở mỗi tu sĩ luôn dấn thân triệt để hầu làm vinh danh Chúa và đáp lại nguyện vọng của mọi người.

Nhưng làm cách nào hầu dấn thân triệt để nếu không phải là ra sức học hỏi và thi hành sứ vụ theo ơn gọi mình lãnh nhận từ Giáo hội. Một lối tiếp cận mà cuốn sách này đề nghị: theo nhãn quan tâm lý học. Ngày nay, tâm lý học đã đi vào từng sinh hoạt của đời sống con người; tuy nhiên, vẫn còn những giới hạn mà chỉ có trong lãnh vực siêu nhiên mới có câu trả lời thỏa đáng. Một khi nhìn nhận đời sống thánh hiến là một ân ban thì chiều kích siêu nhiên phải được ưu tiên trong sinh hoạt hằng ngày của tu sĩ. Nếu tâm lý học giúp con người khai thác tận tầng sâu của hữu thể mình (vô thức) thì nó vẫn không giúp con người được chữa lành hoàn toàn; điều này đòi buộc phải nại đến ân sủng. Theo nhà thần bí Tauler: *không ai có thể tự mình đi vào chiều sâu nội tâm lòng mình.* Chỉ có Thánh Thần, Đấng dẫn dắt, đồng thời, là Đấng chữa lành và thánh hóa chúng ta, Ngài khả dĩ giúp mỗi người sống đời thánh hiến cảm nghiệm chiều kích dài, rộng, cao, sâu của tình yêu Chúa.

Xác tín như thế, chúng ta sẽ tránh được thái độ *duy tâm lý*, và cẩn trọng hơn khi tiếp cận những khoa học của thời đại mà không sợ lạc đường, vì đã có Đấng dẫn đường đồng hành với chúng ta.

DẪN NHẬP

Có thể nói, từ khi con người hiện hữu cũng là lúc nhân cách mỗi người được biết đến. Thật vậy, mỗi người với những tài năng, tư chất… đều góp phần trong việc hình thành nhân cách cá nhân. Nhưng mỗi thời, người ta dùng một lối nói khác nhau. Khổng Tử đã đề cao con người khi nói *nhân linh ư vạn vật.* Đồng thời, ông đề ra các đức tính giúp sống đời nhân bản: *nhân, lễ, nghĩa, trí và tín.* Hay

Đông Phương có một câu nói khá phổ biến *sống theo luân thường đạo lý,* còn Tây Phương lại nói nhiều đến *đạo đức con người theo nhãn quan triết học*…và có cả một chủ trương nhân bản. Mãi đến thế kỷ XX, người ta mới sử dụng phổ biến thuật ngữ *nhân cách*. Chính nhân cách mới là một giá trị mà con người mọi thời phải cố công đào luyện để hoàn thành chính mình.

Hơn nữa, ngày nay con người càng muốn đề cao nhân cách vì xã hội đã có quá nhiều lạm dụng và lệch lạc, gây hư hại phẩm giá con người. Từ thời Phân Tâm Học ra đời (1) cho đến thế kỷ XXI này, đã có nhiều thuyết bàn về nhân cách dưới nhiều góc độ khác nhau: *nhân cách cái tôi, nhân cách hiện sinh*…Trong tập sách nhỏ này, người viết muốn nhấn mạnh đến *nhân cách đời tu.* Hay nói cách khác, người viết cố gắng phác hoạ chân dung người sống đời thánh hiến. Trong một xã hội phát triển đến mức chóng mặt như hiện nay, những người sống đời tận hiến chắc chắn không thể tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực. Vì thế, cần nêu lên những thách đố mà tu sĩ thời nào cũng đối diện, cách riêng những vấn nạn mới trong thời đại chúng ta.

Vào thời Trung Cổ, có thể nói xã hội và Giáo hội đang sống trong cảnh thịnh vượng, xa hoa (2), thì Thánh Thần đã gởi đến chân dung của thánh Phanxicô khó nghèo, một nhân cách điển hình sống trong thời đó. Ngài vốn xuất thân từ bậc trung lưu đã từng sống phóng túng như những người "sành điệu", sau đó được ơn hoán cải, ngài chọn Bà Chúa nghèo làm lẽ sống. Một người vốn giàu có lại chấp nhận và vui nhận sống nghèo để cách nào đó trả lời cho con người thời bấy giờ biết rằng: *hạnh phúc và niềm vui đích thực không hệ tại sự giàu sang sung túc nhưng là sự khó nghèo trong tâm hồn.*

Gần đây hơn, chúng ta biết đến chân phước Têrêsa thành Calcutta. Mẹ đã nhận được giải Nobel hoà bình của quốc tế năm 1979. Mẹ không những được Giáo hội biết đến mà còn được cả thế giới ngưỡng mộ bởi sự dấn thân triệt để cho người cùng khổ. Trong khi xã hội đạt đến đỉnh cao của sự phát triển kinh tế, người ta tôn vinh những người giàu có và quyền lực, Thánh Thần đã gởi đến cho Giáo hội một người đồng hành với người cùng khổ bị xã hội loại bỏ. Mẹ đã đến với những người hấp hối đang bị dòi bọ rút rỉa tại khu ổ chuột Calcutta với một ước muốn *họ chết như một con người.* Có thể nói, mẹ là một trong những người tiên phong trong việc hành động cụ thể nhằm bảo vệ phẩm giá con người. Thiết tưởng, đó là một nhân cách điển hình cho thời đại chúng ta.

Bên cạnh đó, cũng còn nhiều linh mục, tu sĩ bị xã hội lên án về việc lạm dụng tình dục, sử dụng tiền bạc quá mức qui định…đã làm cho Giáo hội phải đau lòng vì những phần tử sa phạm. Đó là những gì lộ ra bề mặt, bề trong vẫn không thiếu những lối sống phản chứng trong đời tu. Những biểu hiện tiêu cực ấy là dịp các

1 Các nhà chuyên môn nhìn nhận Freud là ông tổ của khoa Phân Tâm Học.
2 X. Jean Comby, *Để đọc lịch sử Giáo hội*, cuốn 1, tr.241-244.

nhà đào tạo phải đặt ra vấn nạn: *Đâu là những nét tiêu biểu làm nên nhân cách đời tu ?*

Như chúng ta đã biết: *nhân cách là một thực tại sống động*. Bởi đó, nó không ngừng được hội nhập và lột xác mỗi ngày. Nếu hiểu đời tu là một cuộc lội ngược dòng thì nhân cách mà một tu sĩ muốn xây dựng cho bản thân phải đáp ứng những thách đố của thời đại (Phần 1) nhưng nhờ ơn Chúa và gương lành của các thánh, họ tiến bước mà nắm chắc phần thắng trong hy vọng lớn lao.

Có nhiều cách tiếp cận vấn đề này, người ta có thể tìm hiểu bản chất đời tu để từ đó đề ra một dạng thức hiện hữu của một tu sĩ, xét như một nhân cách đời tu, hoặc có thể khởi đi từ lời mời gọi của Thiên Chúa đến việc đáp trả của cá nhân trong cung cách cá vị của mình. Chúng ta hãy khởi đi từ những thách đố của thời đại, từ đó, rút ra những kinh nghiệm giúp mỗi tu sĩ sống trọn ơn gọi của mình. Thách đố thì rất nhiều, chúng ta chỉ nêu lên 3 điều: *danh, lợi* và *thú*. Như thế, thách đố này không phải chỉ thời này các tu sĩ mới đối diện nhưng đã có từ khi con người hiện hữu; bởi đó, các tu sĩ cần nhận ra những hình thức mới từ những đặc tính cũ. Song song với 3 thách đố ấy, chúng ta muốn hướng đến 3 lời khấn, như cách đáp ứng đúng đắn cho một tu sĩ bước theo. Thật vậy, danh tiếng người đời thường đi tìm nơi tạo vật, các tu sĩ đi tìm trong Thiên Chúa (khấn vâng phục); lợi lộc người đời vẫn tìm nơi của cải chóng qua, các tu sĩ tìm cách chiếm được Chúa là phần gia nghiệp (khấn khó nghèo); lạc thú người đời tìm trong hưởng thụ xác thịt, các tu sĩ sống tình yêu phổ quát cho Chúa và cho mọi người (khấn khiết tịnh).

Những thách đó vừa kể trên quá tinh vi và phức tạp, nó đã ăn sâu trong mọi tư tưởng, lời nói cũng như việc làm của con người. Thế nên, bước vào đời tu, các ứng sinh cần tái khám phá những mặt nạ và các cơ chế tự vệ vẫn đeo bám mình. Xét về mặt tự nhiên, một khi đối diện với điểm yếu, mặt trái hay bóng tối này trong cuộc sống, xem ra là một bất lực; tuy nhiên, nhờ ơn Chúa, người được thánh hiến dễ dàng đối diện và vượt qua. Đó là giải pháp *đức tin* mà mỗi tu sĩ cần đến khi gặp những khó khăn trong đời tu. Theo một nghĩa nào đó, đây là hành trình xây dựng nhân cách tôn giáo với ý thức sự hiện diện của Chúa trong đời sống thường ngày. Cụ thể hơn, nhờ những gợi ý của tông huấn Vita Consecrata, các tu sĩ sống và thể hiện đời sống đức tin, cậy và mến qua 3 lời khấn dòng. Điều này đòi buộc người sống đời thánh hiến phải thấm nhuần linh đạo của Đức Kitô. Và qua những mẫu gương điển hình như một gợi ý cho hành trình ơn gọi của mỗi tu sĩ.

Những gì được trình bày trong tập sách này chỉ mang tính gợi ý và không tránh được những thái độ chủ quan, rất mong sự góp ý xây dựng của các bạn đọc.

1.NHỮNG THÁCH ĐỐ CHO ĐỜI TU NGÀY NAY

Đọc lịch sử linh đạo các dòng tu, chúng ta nhận ra rằng mỗi thời đều mang đặc nét riêng mà đòi hỏi người đương thời phải đọc ra được dấu chỉ thời đại nhằm

thích ứng, hội nhập và đảm nhận chính đời sống mình, để trong mọi thời luôn có những tâm hồn tận hiến phục vụ cho Nước Trời. Nhưng không tránh được những thách đố do yếu tố ngoại tại và nội tại tác động đến đời tu, chung qui, nó bao gồm 3 điểm: *Danh, lợi* và *thú.* Ba mối thị dục này luôn đeo bám con người nhưng nó lại mặc những hình thức mới. Đây là điều cần chúng ta làm sáng tỏ.

1.1.Danh

Danh được hiểu là danh tiếng, như việc được mọi người biết đến. Có bao nhiêu người thì cũng có bấy nhiêu cách thể hiện mình để mọi người biết đến. Ở đây, chúng ta chỉ đưa ra những mẫu số chung khi dựa vào những lập trường của một số nhóm đang thịnh hành mà chúng tạo nên làn sóng này, làm nên những thách đố cho con người ngày nay. Trước tiên, chúng ta bàn đến nhóm chủ trương vô thần.

1.1.1.Chủ nghĩa vô thần

Chủ nghĩa vô thần được hiểu là những người không tin có Thượng Đế hay thần thánh nào. Khi họ không tin rằng có một ai trên họ thì cách mặc nhiên họ là thượng đế cho chính mình. Từ đó, họ tạo uy thế và dùng mọi cách kể cả thủ đoạn để gây ảnh hưởng trong cộng đồng họ đang sống. Thái độ trịch thượng này cũng đi vào dòng tu với một hình thức đầy thánh thiện. Thật vậy, nhân danh sự thánh thiện, họ thể hiện hết tài năng mình có để phục vụ cộng đoàn nhưng trên thực tế, họ muốn mọi người nhìn nhận khả năng xuất chúng của họ và họ nghĩ rằng *không có mình thì chẳng có việc gì thành.*

Người theo chủ nghĩa vô thần chỉ đánh giá con người dựa trên những gì người khác làm được và chiếm hữu, thế nên, phẩm giá con người chỉ dựa vào tầm ảnh hưởng mà họ tạo nên. Với cách đánh giá ấy, họ đã tạo nên sự ngăn cách giữa người với người vì tôi là một người nổi tiếng, còn anh chỉ là dân nghèo. Lối sống ấy cũng xâm nhập vào cộng đoàn dòng tu như một cách thức đánh giá con người: *tôi xuất thân từ gia đình đạo đức truyền thống, còn anh chỉ là tên đạo theo.* Như thế, họ tìm mọi cách để nâng mình lên khi dựa vào những yếu tố ngoại tại mà quên rằng mọi người đều đáng tôn trọng vì mang hình ảnh Thiên Chúa. Ngoài ra, vì những tu sĩ này trông chờ sự đánh giá cao của mọi người nên không ngừng làm việc như thể đó là cách giúp họ khẳng định bản thân.

Một trong những hệ quả rút ra từ chủ trương này: *sự tự do.* Vì không tin có Thiên Chúa nên họ đưa con người đến tột đỉnh, tự do con người là tuyệt đối. Trong khi không tin có Thiên Chúa, họ lại tìm giết Ngài để con người hoàn toàn tự do. Đó là mâu thuẫn của những người chủ trương vô thần. Vả lại, thực tế cuộc sống cho thấy, con người hữu hạn không thể có tự do vô hạn. Bằng chứng là con người chết trong khi những dự phóng chưa được hoàn thành…Thế mà những nghịch lý

ấy lại đi vào trong dòng tu với một logic nhân danh nhân vị con người. Tôi phải thực sự sống tự do theo tư duy của bản thân tôi. Đó là cách duy nhất tôn trọng nhân vị con người. Chẳng ai ép tôi đi tu, nghĩa là tôi hoàn toàn tự do chọn đời sống này. Cứu cánh của tự do là nhằm đạt đến hạnh phúc mà họ không hạnh phúc là do đâu ? Tại bản thân hay tại cộng đoàn dòng tu ? Đây là một trong những thách đố lớn nhất của các tu sĩ thời nay.

Ngoài ra, ngày nay một số tu sĩ nhân danh cộng đoàn, để "đánh bóng" cái tôi của mình; họ nhân danh sự thánh thiện để loại trừ người anh em. Còn nói mạnh như cha Anthony de Mello: *họ nhân danh Thiên Chúa để giết chết Thiên Chúa.*

Tóm lại, *danh, danh dự, danh tiếng*... là những thách đố luôn đặt ra cho mỗi tu sĩ mọi thời cách riêng thời đại chối từ Thiên Chúa. Chúng ta cần ghi nhận lời quả quyết của Đức Bênêdictô XVI: " *Chủ thuyết nhân bản loại Thiên Chúa là một chủ thuyết phi nhân bản*".(3)

1.1.2.Quyền lực

Nếu danh tiếng giúp tạo tầm ảnh hưởng cho bản thân thì quyền lực là phương tiện họ dùng để thống trị. Quyền lực là lời phán quyết từ trên cao, thế nên, nó kèm theo một thái độ tự cao tự đại. Người cầm quyền trở thành trung tâm vũ trụ, trung tâm quyền lực mà không một đối thủ nào không chịu khuất phục. Điều này làm cho người dưới quyền tỏ thái độ "bằng mặt hơn bằng lòng". Thái độ giả dối này có thể dần dà làm băng hoại một tập thể tự bên trong. Nếu thói cậy quyền lại áp dụng trong một dòng tu thì cộng đoàn ấy không tránh những bất hoà chia rẽ. Thật vậy, khi quyền lực được ban bố cho một số kẻ kém tài yếu đức thì họ sẽ lạm quyền và hành quyền trên người khác vì chủ đích riêng của họ. Thay vì, dùng quyền để làm đấng trung gian giúp mọi thành viên trong cộng đoàn nhận ra ý muốn của Chúa, họ lại tìm mọi cách để khẳng định bản thân. Như thế, quyền lực trở thành một phương tiện giúp người ta "sống trên" kẻ khác.

Có thể nói, quyền lực là nỗi ám ảnh của mọi cộng đoàn. Do truyền thống gia trưởng, các cộng đoàn nam dễ bị cám dỗ về quyền lực hơn. Thay vì dùng quyền lực để *phục vụ* mọi người, họ lại nghĩ đến quyền lợi mà chức vụ mang lại nhiều hơn. Điều này khiến cộng đoàn thiếu sự hiệp nhất của một "đầu". Thay vì dùng quyền lực để giúp người khác *lớn lên*, bề trên lại dùng những "chiếc roi hà khắc" giáng mạnh trên đàn chiên. Như thế, sự sợ hãi đã làm thui chột phần nào tài năng của mọi người, và dần dà cộng đoàn mất đi tính sáng tạo và dấn thân triệt để.

Ngoài ra, một hình thức biểu dương quyền lực khác nằm nơi cửa miệng của những kẻ ngụy biện. Họ lấy ba tấc lưỡi mà lèo lái người khác theo ý riêng của họ. Họ vui thích vì sự thán phục của người khác mà không chút quan tâm sự tiến triển

3 Benedicto XVI, *Caritas in Veritate*, số 78.

của cộng đoàn. Xét cho cùng, quyền lực chỉ là phương tiện giúp họ khẳng định "cái tôi".

1.2.LỢI

1.2.1.Chủ nghĩa duy vật

Với chủ trương mọi sự đều từ vật chất mà ra, điều này kéo theo chủ trương con người sẽ tìm được hạnh phúc đích thực trên thế gian này (thiên đàng trần thế). Từ đó, con người ra sức tìm thoả mãn nơi vật chất vốn chóng qua. Chúng ta không khẳng định rằng họ đang đi tìm hạnh phúc giả trá nhưng hạnh phúc của họ chóng qua và vô thường như bản chất vốn có của sự vật vậy. Đúng thế, chúng ta chỉ cần đưa ra một lý luận đơn giản để thấy rằng sự bất tương xứng giữa hạnh phúc thực sự và bản chất của vạn sự hữu hình. Thật vậy, hạnh phúc thuộc giá trị tinh thần và nó chỉ tương xứng với khát vọng thuộc về tinh thần. Bởi đó, vật chất có cao cả đến đâu cũng không sao thoả mãn thích đáng cho khát vọng của con người. Ngay cả con người là tạo vật ưu việt nhất cũng không thể mang đến hạnh phúc đích thực cho con người. Như thế, chúng ta đã rõ *chủ nghĩa duy vật* đã nguỵ biện hầu xoa dịu những khát vọng sâu xa của con người bằng những sự đời này. Hậu quả là đã có những người tự vẫn trên chính đóng vàng kết xù của mình, bởi vì không tìm được hạnh phúc thực sự và ý nghĩa cuộc đời.

Quan sát kỹ trong các dòng tu, chúng ta cũng dễ nhận ra những người mặc nhiên theo chủ trương này khi họ lấy vật chất làm đủ và cảm giác an toàn khi được sống một ngày bình yên trong cộng đoàn. Sự an toàn tạm bợ này sẽ được vạch trần khi mà cộng đoàn không còn khả năng đáp ứng cho những yêu sách của họ nữa ! Họ tiếp tục ra đi để kiếm một nơi chốn với những con người nhiệt tình phục vụ cho những yêu sách của họ. Có những tu sĩ về già do thiếu đức tin, họ đi tìm sự an toàn trong vật chất. Mặc dù, bề trên không để họ thiếu sự gì hầu giúp họ sống sung mãn đời tu, nhưng sự nghèo đói của tuổi thơ vẫn đeo bám họ.

Cũng từ lập luận trên, khi coi mọi sự đều từ vật chất mà ra, những người chủ trương duy vật xác quyết rằng chỉ có thiên đường ở trần gian. Thật vậy, nếu vật chất có thể làm thoả mãn khát vọng hạnh phúc của con người thì cần gì đến đời sau. Bởi đó, người ta chỉ có một thiên đường tại thế. Lập luận đó, đã kéo trì họ trong sự tù túng của thế gian này. Và rồi họ cảm thấy bất lực khi đối diện với những vấn đề gai góc của cuộc sống như đau khổ, sự chết…Thái độ này chúng ta cũng nhận thấy nơi một số tu sĩ khi họ không khát khao Nước Thiên Chúa và sự công chính của Ngài mà chỉ quay quắt trong sự hào nhoáng của thế gian. Đối với họ, khát khao nên hoàn thiện là một điều xa xỉ mà người ta chỉ trang điểm cho đẹp mắt người khác thôi ! Khi cộng đoàn gặp khó khăn họ sẽ là người tiên phong trong cuộc tìm kiếm một vùng đất mới khả dĩ thoả mãn những yêu sách của họ.

Xét cho cùng, không nơi nào là hạnh phúc cho người chủ trương duy vật vì thế gian là thiên đàng mộng tưởng.

1.2.2.Chiếm hữu

Hạnh phúc của người đam mê chiếm hữu là tìm kiếm những sự khác thường. Những gì thế gian có, tôi cũng có, ấy là lẽ thường. Thế nên, họ tìm mọi cách để thu quén vì đối với họ: cái lợi lớn nhất là được lời lãi cả thế gian này. Họ tin rằng giá trị của con người tuỳ thuộc những gì họ chiếm hữu được và hạnh phúc hệ tại ở việc được người khác đánh giá là người hữu dụng. Vì thế, họ chạy theo thành tích và làm việc không biết mỏi mệt. Những người có khuy hướng này bước vào đời tu với một khí thế lớn lao vì đây là môi trường thuận lợi giúp họ khẳng định bản thân và thể hiện chính mình là người hữu dụng. Những việc phục vụ bên ngoài đã choán hết giờ để họ có thể sống đời nội tâm và cầu nguyện. Họ sống như một người giáo dân bình thường vì đã mất dần căn tính đời tu, mọi sự qui hướng về Chúa và lấy Chúa làm lẽ sống cho mình.

Hơn nữa, người đam mê chiếm hữu còn muốn chiếm trọn trái tim con người bằng cách chinh phục người khác từ những gì mình sở hữu. Họ sống cho người khác nhiều hơn là cho mình. Xét cho cùng, họ phục vụ người khác để mặc nhiên trục lợi cho mình. Tình yêu vị kỷ này đôi khi giúp họ cảm nhận phần nào yên ổn trong tâm hồn. Một lần nữa, chúng ta nhận ra thái độ này nơi một số tu sĩ chỉ biết tìm kiếm những thuận lợi nhất cho bản thân và sống chết mặc bay. Đôi khi họ tỏ ra cao thượng như một người sẵn sàng xả kỷ nhưng kỳ thực họ muốn chiếm hữu trái tim người khác và điều khiển người khác theo đường hướng của mình.

Tắt một lời, khả năng chiếm hữu là ưu thế của những người này và cái lợi lớn nhất của họ là được lời lãi cả thế gian.

1.3.THÚ

1.3.1.Chủ nghĩa khoái lạc

Nhóm này chú trọng đến cảm giác. Nói cách khác, họ vui thú trên thân xác. Thật vậy, niềm vui này họ tận hưởng đến nỗi chỉ còn biết đến hiện tại. Tương lai là một điều không tưởng. Họ lập luận rằng, tôi tận hưởng xứng với công khó mình làm ra, từ đó, họ dùng tiền để mua lấy niềm vui cả trên thân xác người khác. Người khác đôi khi chỉ là phương tiện giúp họ tiêu khiển. Bước vào đời tu, những người có khuynh hướng này cũng mang một sắc thái dễ nhận ra khi họ đã khấn giữ độc thân nhưng vẫn còn tìm thú vui xác thịt. Những vụ lạm dụng tình dục của giới tu sĩ linh mục là một điển hình. Mặc dù khấn độc thân nhưng họ vẫn chủ trương tình dục là nhu cầu tự nhiên của con người. Bởi vậy, khi nào dục tình dâng cao họ nghỉ tu ít phút: *tu cả đời ấy mà !* Cũng có những tu sĩ khác lại tìm đến rượu bia như một

cách giải toả, tệ hơn, họ lấy làm thích thú khi so bì tửu lượng với người khác và huênh hoang từ những thành tích của mình.

Nhóm chủ trương khoái lạc thích tìm cảm giác mà là cảm giác mạnh nơi những thú tiêu khiển. Họ thích khẳng định mình trong những cuộc chơi; đồng thời thể hiện đẳng cấp của mình và vô tình tách bản thân ra khỏi đám đông. Khuynh hướng này cũng chi phối khá mạnh các tu sĩ ngày nay, khi họ tìm nổi bật trong việc khoe khoang những tiện nghi. Hơn nữa, thích thể hiện mình là người sành điệu trong những lãnh vực thể thao, giải trí…

1.3.2.Hưởng thụ

Những người theo chủ trương này cho rằng: " *Hãy ăn uống và vui thú, bởi vì rồi mai đây chúng ta sẽ chết*". Họ đề cao việc tận hưởng lạc thú nhất thời như là mục đích chính yếu trong đời. Trường phái này quan niệm rằng nên tận hưởng mọi thú vui và khoái cảm hiện có; nếu không, cơ hội hưởng thụ những kinh nghiệm như thế sẽ trôi qua và không bao giờ trở lại. Những người theo trường phái này chẳng hề quan tâm đến cuộc sống tương lai, chỉ chú tâm đến những lạc thú ở thời điểm hiện tại. Họ cũng nhấn mạnh rằng, bởi vì lạc thú chỉ mang đến điều tốt đẹp, mỗi cá nhân nên tận dụng mọi cơ hội có thể để hưởng thụ chúng.(4) Điều này cổ võ cho một phong trào sống phóng túng trong các mối quan hệ "qua đường". Dẫn đến tình trạng sống hời hợt và không có ý nghĩa. Vì đối với họ, giá trị đáng ước ao là *hưởng thụ.* Thái độ này đã ảnh hưởng sâu rộng nơi các tu sĩ trẻ hôm nay cả trong tư tưởng cũng như hành động. Một số tu sĩ xuất thân từ giới bình dân, họ bước vào đời tu như thực hiện một cú ngoạn mục lên đời, đẳng cấp của bậc cha chú. Họ chủ động chọn cỗ nhất trong bữa tiệc hay tự coi mình là cha linh hướng mọi người…

Tóm lại, mặc dù chủ trương khoái lạc và hưởng thụ đời nào cũng có nhưng với xã hội phát triển chóng mặt như ngày nay, nó trở thành phong cách của người trẻ. Rồi bước vào đời tu, họ mặc cho nó một bộ mặt dễ chịu hơn khi nói lên cách sống và những yêu sách của mình.

Ngoài những thách đố là những yếu tố ngoại lai tác động đến đời tu, chúng ta còn phải đối diện với tính cách của mỗi tu sĩ. Nếu tính cách ấy được chủ thể biểu hiện cách trung thực thì đó là một lợi thế giúp họ hình thành nhân cách, thế nhưng, họ lại đeo vào những mặt nạ như một cách đối phó với các tương giao. Họ dùng những mặt nạ này để che giấu đời sống nội tâm và chính bản thân mình.

2.NHỮNG MẶT NẠ TRONG ĐỜI TU

Có thể nói, mặt nạ đời tu là những cách người sống đời thánh hiến dùng đến để che đậy bộ mặt thật của mình (cái tôi đích thực). Ở mức độ nào đó, điều này

---

4 x. Đại tự điển, Chủ nghĩa khoái lạc, http://daitudien.net/triet-hoc/triet-hoc-ve-chu-nghia-khoai-lac.html.

làm rối loạn nhân cách chủ thể. Chúng ta cần nhận ra những hậu quả do việc tạo nên những mặt nạ này mà có những hướng điều chỉnh kịp thời hầu giúp bản thân sống thật với những định hướng của đời tu.

Có nhiều cách tiếp cận cái tôi và các nhà tâm lý khai thác rất nhiều chủ đề này. Ở đây, chúng ta chỉ đề ra vài mẫu cái tôi tiêu biểu thường gặp trong đời sống hầu giúp bản thân tìm ra khuynh hướng chủ đạo của mình từ những "cái tôi" ấy. Có thể, trong những khoảnh khắc khác nhau, bạn có thể mang nhiều hình thức những cái tôi này, nhưng chỉ có một mẫu cái tôi nổi bật nhất, đó là khuynh hướng chủ đạo nơi bạn. Khám phá điều đó, bạn dễ làm chủ tình hình, tự chủ hơn và sống tự tin hơn trong việc hình thành nhân cách.

2.1.Cái tôi vĩ đại

Theo lẽ tự nhiên, hầu như mọi người đều muốn mình trở nên cao cả, vĩ đại. Điều này được diễn tả trong bộ phim *Superman.* Thật vậy, con người muốn bay cao và bay khắp mọi nơi, đồng thời, muốn chinh phục mọi sự. Dưới nhãn quan thần học, có thể nói, khát vọng trở nên vĩ đại nằm sâu kín trong thâm cung lòng người, vì con người vốn được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa. Quả thật, con người được tham dự vào tính toàn năng của Thiên Chúa khi sống đúng tự do Chúa ban. Điều này giả thiết con người phải lệ thuộc vào Chúa. Nhưng thực tế, con người muốn tự sức mình khẳng định bản thân và tự coi mình là người vĩ đại. Cái tôi vĩ đại ấy bao trùm và chi phối mọi sinh hoạt đời sống con người.

Chính khi những người tự coi mình vĩ đại, họ cố gồng mình lên như để biểu dương lực lượng trước đám đông. Chúng ta dễ thấy họ giữa đám đông vì họ là người thích chơi trội và chơi ngông. Ngay khi muốn phô diễn những ưu thế của mình, họ dồn nén và giấu giếm những yếu đuối bản thân. Từ đó, họ sống giả dối với mọi người và lừa dối cả lương tâm. Với lối sống hai mặt này họ là bản sao của Satan, vốn là cha của sự dối trá.

Chúng ta dễ nhận ra mẫu người này trong đời tu. Họ luôn mang một bộ mặt trịnh trọng; lúc nào cũng đạo mạo như những vị đã đắc đạo trong đời tu. Đó là xét về đời sống đạo đức, còn đời sống tri thức cũng vậy. Họ phát huy hết năng lực vốn có của mình và làm mọi cách để người khác thừa nhận khả năng vượt trội của họ. Một khi có sự cố nào đó không như ý, họ tìm mọi cách chữa mình và chạy tội. Nguỵ biện là lối họ tiếp cận với những người cố ý chống đối họ. Dần dà, họ mất đi sự ngay thật của tâm hồn.

Ngoài ra, do việc quá đề cao bản thân mà họ không còn tôn trọng đủ với người khác nữa ! Lòng tự trọng mang bộ mặt mới là lòng tự ái trái mùa. Họ dễ dàng đánh đổi bất cứ thứ gì hầu chiếm được mối thân tình và sự kính trọng của người khác.

Tóm lại, người vĩ đại là người quá lý tưởng hoá bản thân. Họ sống nhiều với những mộng tưởng và những hoạch định phi thực tế. Chung cuộc, họ là người bất mãn kinh niên vì không chấp nhận chính mình cũng như người khác.

2.2.Cái tôi nhút nhát

Nếu cái tôi vĩ đại không ngừng tìm cách đưa mình lên thì người nhút nhát lại thụ động và thiếu tự tin. Họ *thụ động* vì sống an phận không thích ai đụng chạm đến mình. Vì thế, họ tránh những tương giao và nếu phải tiếp xúc, họ tỏ ra là người nhún nhường và lấy sự nhẫn nhục làm nhân đức chịu vậy. Dường như có một sự mặc cảm nào đó tiềm ẩn nơi bản thân họ, đó có thể là một vết thương mà họ tránh đụng đến để khỏi khơi lại nỗi đau. Dường như có một sự *thiếu tự tin* nơi họ khiến họ trở nên lúng túng, bối rối khi đối diện trước một vấn đề nào đó. Tệ hơn nữa, họ tìm cách nói quanh, nói tránh để khỏi đương đầu trước những khó khăn.

Nếu người vĩ đại muốn thể hiện và đánh bóng mình giữa đám đông thì người nhút nhát lại tự xoá mình đi, bởi vì họ có một hình ảnh tiêu cực về bản thân. Từ đó, hình thành nơi họ một thái độ sống dựa. Tất nhiên, *sống dựa* ở đây không đương nhiên đồng nhất cách sống nhờ vào đồng tiền của người khác, nhưng là không dám quyết định cuộc đời mình, không dám là mình. Sống dựa là khi người ta phải nhờ đến một sự bảo đảm nào khác mới có thể quyết định cách thế sống của mình: chỉ dám nói cái áo đẹp khi nó hợp với mode thời đại, chỉ biết thưởng thức những thú vui đang được xã hội đề cao; sống dựa làm cho người ta không dám tỏ thái độ, không còn dám chấp nhận con người thật của mình. Kiểu sống dựa hoặc sẽ đưa tới tình trạng sống èo uột như cây xanh không có nắng, chán nản, mệt mỏi, thiếu sinh khí; hoặc người ta cũng có thể làm tất cả mọi sự, làm được nhiều việc có vẻ hay ho, nhưng không có gì là của mình cả, thái độ này càng nguy hiểm vì là một cách trốn tránh con người thật của mình. Sống dựa là để mình tản mát, buông trôi theo dòng đời và chỉ nhìn nhận giá trị của người khác rồi qui về mình. Đó là cuộc sống "mượn hồn" hay "để cho người khác sống dùm". Căn bệnh chính của lối sống dựa là sự nhát đảm.(5)

Chính thái độ nhút nhát, sống dựa này đã hình thành nơi họ một mẫu người đa nhân cách. Vì không thể tạo một sự nhất quán trong cách sống nên họ dễ làm cho cộng đoàn tu bị ảnh hưởng cách nào đó, đôi khi phải chịu những sự thất thường, trái gió trở trời của họ. Như con tắc kè thay đổi theo điều kiện môi trường, họ cũng bị tác động mạnh mẽ bởi những gì xảy ra xung quanh. Họ không có chương trình sống cho riêng mình, vì họ xác tín rằng tôi sống là sống hoàn toàn cho người khác. Điều nguy hiểm là họ tưởng mình sống như thế mới là người vị tha.

---

5 x. Nguyễn Trọng Viễn, *Triết học nhập môn*, (TP.HCM: Học viện Đa Minh, 1995), tr. 53.

Ngoài ra, họ còn là cầu nối giữa anh em và bề trên. Thật vậy, do bản tính nhút nhát, họ cậy dựa vào quyền thế của bề trên. Họ lấy làm thích thú về việc báo cáo cho bề trên tất cả tình hình trong cộng đoàn và xác tín rằng đó là cách tôi xây dựng cộng đoàn. Chính khi tưởng mình làm lợi cho cộng đoàn nhờ vào thiện chí đó thì họ lại tỏ dấu ganh tỵ với những người anh em mà họ nói xấu với bề trên. Tấm bình phong ấy đến một ngày sẽ được cất đi khi vị bề trên mãn nhiệm.

Cuối cùng, chúng ta phải kể đến thái độ thiếu trách nhiệm của mẫu người này. Dường như tính nhút nhát đã ăn sâu trong máu thịt của đương sự đến nỗi họ giữ thái độ chạy trốn hay thoái thác trách nhiệm. Chính khi những sai lầm đổ dồn hết cho người khác, họ tự tạo một hình ảnh hoàn hảo trước mặt bề trên.

2.3.Cái tôi nệ luật

Dường như trong tâm tưởng của nhiều người luôn có những tiêu chuẩn bên ngoài để đo lường sự trưởng thành tâm linh và việc tiến triển trong đời tu, rồi chỉ dựa vào việc hoàn tất sinh hoạt hằng ngày để đánh giá người khác. Tư tưởng đó dẫn đến tình trạng núp bóng dưới sự bảo đảm của luật lệ.(6)

Chúng ta vẫn thường nghe nói: *mình giữ luật, luật giữ mình.* Luật ở đây được hiểu là những nguyên tắc hướng dẫn hành động. Nhưng những nguyên tắc ấy có thể thay đổi còn tinh thần thì bất di bất dịch. Thật vậy, vào thời Trung cổ, người ta giữ luật đánh tội. Nếu chỉ dừng lại ở hình thức này, một số người sẽ không dám dấn thân trong đời tu hoặc một khi sống trong đời sống này, họ muốn chứng minh nhân đức anh hùng. Cả hai đều thái quá bất cập. Trong khi đó, tinh thần thông phần đau khổ với Chúa Giêsu lại bị lãng quên. Ngày nay không còn hình thức đánh tội nữa nhưng thay vào đó là việc hy sinh hãm mình bề trong.

Trong các nhà đào tạo, nhiều khi luật lệ và nội qui được chú trọng quá mức. Nhất là ở những buổi lượng giá cuối năm, tiêu chuẩn đánh giá của các ngài là sự chu toàn các giờ sinh hoạt, giữ "đúng phoóc" các qui định chung, không sai phạm kỷ luật, không hay ý kiến. Nhiều người còn dùng luật lệ như một liều "thuốc sợ" để đe dọa "ơn phần rỗi" (không bị đuổi khỏi dòng) của các tu sinh nhằm đưa cộng đoàn vào khuôn khổ, nề nếp, trật tự. Những phương cách đào tạo "rập khuôn", "cào bằng" và "nệ luật" như thế xem chừng không nuôi dưỡng được những nhân cách trưởng thành thực sự, trái lại, chỉ tạo được một số thói quen và quán tính tự vệ.

Luật lệ là mức độ thấp nhất của đạo đức vì nó chỉ buộc người ta thực hiện những gì tối thiểu xã hội đòi hỏi và sẵn sàng trừng phạt bất cứ ai vi phạm. Bởi đó, luật lệ chỉ giúp chúng ta điều chỉnh hành vi mà không thể đi vào chính "cái đầu"

---

6 Chúng ta vẫn nghe có những người của nhà nước đưa vào theo dõi các dòng tu, những người này họ chu toàn tất cả những luật chung và nhà dòng chuẩn bị cho tuyên khấn. Đây là một trong những mặt trái của việc đánh giá theo tiêu chuẩn luật.

của con người. Nghĩa là theo qui tắc tự nhiên, tư tưởng phát sinh hành động. Mà nếu dừng lại ở hành động thuần tuý, con người dễ dàng cố tạo ra một khuôn mẫu định sẵn trong một cộng đoàn nào đó mà áp dụng không chọn lọc. Kết cục là con người hành động theo chương trình mặc định sẵn mà không xác tín và kinh nghiệm chính đời sống mình.(7) Còn nếu, chúng ta thay đổi nhận thức về thực tại thì tư tưởng sẽ dần hình thành và thấm nhập vào từng hành vi với một xác tín đúng đắn và chuẩn xác. Khi ấy, tự hành vi diễn tả nét đẹp và niềm vui của đời sống thấm nhập tinh thần Phúc Âm. Chúng ta có thể dùng đời sống của chị Têrêsa HĐGS làm minh hoạ. 15 tuổi, chị gia nhập dòng Kín. 24 tuổi, chị hoàn tất đời sống trần gian. Vào dòng từ khi tuổi thiếu niên, chị phải gò mình trong một khuôn phép nghiêm nhặt của dòng Kín. Với quyết tâm nên thánh theo Mẹ Têrêsa Cả và hoàn thiện theo luật dòng Cát Minh, chị đã dấn thân hết mình. Nhưng chị vẫn trực giác có gì không ổn, và từ nhận định của các vị linh hướng rằng chị không tiến bộ trong đời sống tâm linh. Khoảng 6 năm sau, chị mới khám phá ra *Con đường thơ ấu thiêng liêng*. Nghĩa là trở về chính tinh thần của Tin Mừng. Chắc hẳn, điều này không có nghĩa là thánh nữ bỏ qua luật dòng và gương các thánh, nhưng sống nó với một tinh thần mới. Thật vậy, tinh thần mới làm cho sống còn chữ viết (lề luật) giết chết.

2.4.Cái tôi hình thức

Chúng ta biết rằng hình thức và nội dung là hai mặt bổ sung không thiếu trong một thực tại hữu hình. Nhưng thực tế cho thấy, có những tu sĩ quá chú trọng hình thức đến nỗi quên đi phần nội dung là điều làm nên ý nghĩa của một hiện hữu. Có những tu sĩ tỏ ra dị ứng với những gì thuộc thiêng liêng. Họ thích trau chuốt bộ cánh bề ngoài để thu hút người khác bằng sự đạo mạo của mình. Khuynh hướng này cũng ảnh hưởng đến cách họ đánh giá người khác theo hình thức bên ngoài, thế nên khi hợp tác trong việc mục vụ, tổ chức… họ không thể khám phá ra nội lực của người khác. Xét cho cùng, ngay từ đầu họ là những người hời hợt, không khám phá và đánh giá bản thân đúng mức nên lòng tự trọng của họ dễ bị tổn thương.

Trong cộng đoàn dòng tu, chúng ta cũng thường nghe nói tình trạng một số tu sĩ nín thở qua cầu. Nghĩa là gò mình theo khuôn phép luật lệ nhà dòng trong giai đoạn đào tạo để được người khác đánh giá cao. Có nhiều nguyên nhân giúp giải thích tình trạng này, nhưng ở đây, chúng ta muốn nhấn mạnh đến thái độ hình thức của họ. Họ cố gắng gồng mình theo nhịp sống chung của cộng đoàn mà không biết mình đi đâu; không ước muốn gì hơn là được tồn tại trong cộng đoàn. Họ chịu đựng, dồn nén cho đến khi đạt mục đích là trở thành thành viên chính thức trong

---

7 *"Người ta không tìm thấy giá trị nội tại, giá trị tích cực, giá trị 'hữu thể', không cảm nhận được nét đẹp của hành vi luân lý mà chỉ 'nhắm mắt' dùng nỗ lực của ý chí để thực hiện một khuôn khổ đã có sẵn, ráng gồng lên để chu toàn giới luật như một tiêu chuẩn bên ngoài chứ không tìm thấy niềm vui tự chính bản thân mình"*. Nguyễn Trọng Viễn, *Sđd, tr.88.*

cộng đoàn, khi đó, họ bắt đầu đối diện với một cuộc sống vô nghĩa. Quả thật, sống hình thức dần dà dẫn con người đến tình trạng sống không mục đích, mất dần cảm thức siêu nhiên.

Ngoài ra, sợ hãi cũng mang đậm nét thói vụ hình thức. Thật vậy, "*bệnh sợ đưa đến thái độ giữ đạo hình thức và tính toán hơn thiệt đối với Chúa. Bệnh sợ cũng làm thui chột năng lực của con người*".(*8*) Khi nỗi sợ hãi càng trầm trọng, họ càng tạo một uy thế hùng mạnh bên ngoài nhằm bù đắp những yếu đuối bên trong.

Như thế, với mẫu người này, hình thức trở thành thước đo hầu đánh giá bản thân và người khác. Đối với họ, giá trị bản thân được định vị trên những gì người ta làm được và những gì người ta chiếm hữu được. Hình thức là thành phần tuỳ phụ lại trở nên chính yếu, vì với họ, vẻ bề ngoài mang lại thành công cho bản thân.

2.5.Cái tôi tích cực

Có thể nói, đây là một trong những mẫu người có nhiều lợi thế để đạt đến cái tôi đích thực. Nhưng thực tế, cuộc sống luôn phức tạp, biến động và ngoài dự đoán của con người; nếu bản thân không rèn luyện sự nhạy bén trong việc đọc ra dấu chỉ của thời đại cũng khó dẫn đến thành công.

Người sống tích cực luôn nhìn đời bằng cặp mắt màu hồng lý tưởng nên không tránh khỏi những ảo tưởng trong thực tế. Họ bước vào đời tu với một xác tín lớn lao về hình ảnh của những thầy dòng thánh. Nhưng khi sống và va chạm thực tế, họ nhận ra một sự thật phũ phàng: các thầy dòng cũng như những con người khác đang trên đường tu thân, sửa mình và tiến đến sự hoàn thiện.

Nhờ sống tích cực và lạc quan, những người này dễ khám phá và thán phục những nét đẹp, tích cực nơi người khác. Chính sự tự tin và biết mình đúng mức, nó sẽ là lợi thế giúp họ dấn thân không mệt mỏi và dễ dàng kêu gọi sự hợp tác của người khác. Một tu sĩ tích cực luôn mang lại nét yêu đời trong cuộc sống chung; họ hài hước một cách tinh tế và dí dỏm một cách tài tình. Ngoài ra, họ còn là những người tiên phong trong những công việc lớn nhằm giúp xây dựng cộng đoàn. Xét cho cùng, người tích cực dễ dàng thành công trong mọi việc nhờ sự tự tin và biến báo kịp thời; cơ hội là dịp giúp người tích cực thể hiện bản thân.

2.6.Cái tôi tiêu cực

Trái lại, cũng có những người mang mặc cảm tự ti, thấy mình thấp bé, vô tích sự…Họ tự đánh giá thấp về hình ảnh bản thân. Bất cứ sự gì xảy ra, họ đều nhận định theo chiều hướng tiêu cực. Vô hình trung, họ làm méo mó thực tại. Những vấn đề thông thường trong cuộc sống lại được họ thổi phồng lên khiến tình thế trở

8 Nguyễn Trọng viễn, *Những căn bệnh trầm kha trong đời sống đức tin Công giáo tại Việt Nam*, Nxb Phương Đông, tr.47.

nên trầm trọng. Điều này đã khiến họ bị phân tán nội lực, mất đi sức tập trung vào những vấn đề hệ trọng liên quan đến ý nghĩa cuộc sống.

Tâm trạng thường xuyên của người tiêu cực là không hài lòng với bản thân mình; từ đó, trở nên khép kín, né tránh tham gia sinh hoạt chung, dần dà dẫn đến tình trạng trầm cảm. Chưa hết, do mang hình ảnh bản thân nghèo nàn, họ mất đi lòng tự trọng vốn có của người lạc quan, yêu đời. Chắc hẳn, người đánh mất đi lòng tự trọng, hành động của họ mang tính phá hủy nhiều hơn xây dựng, và những gì xem ra thành công cũng nhúm màu đen tối.

Ngoài ra, đôi khi họ có xu hướng tự tôn, tự thổi phồng mình lên để che lấp những mặt yếu kém của mình, để bù đắp cho những lần bị dồn nén…Như thế, tình trạng tiêu cực của bản thân lại càng làm họ trống rỗng nội tâm hơn. Họ là những người sống thiếu niềm hy vọng.

2.7.Cái tôi tự ái

Yêu mình và chăm sóc bản thân cách đúng đắn không có gì đáng trách mà còn là chuẩn mực để yêu thương tha nhân, vì thương người như thể thương thân. Nhưng khi lòng tự trọng bị tổn thương, con người sinh ra tự ái. Tự ái là căn bệnh kinh niên của người nghèo. Người nghèo ở đây được hiểu là những người chưa được thoả mãn nhu cầu bản thân cách nào đó. Mỗi lứa tuổi có một nhu cầu khác nhau như của ăn, cái mặc, cảm xúc, tình yêu…Một khi những nhu cầu này không được thỏa mãn thì con người ta trở nên nghèo nàn và mặc cảm. Những lệch lạc hay thiếu thốn của tuổi thơ chưa được đối diện và chữa lành, sẽ làm cho chúng ta dễ tổn thương. John Bradshaw thật chí lý khi nói: "*Mỗi người chúng ta mang trong mình một đứa trẻ bị tổn thương*".(9)

Tóm lại, những mặt nạ vừa được trình bày không bao hàm hết mọi mẫu người trong thực tế. Ngày nay, các nhà tâm lý còn bàn đến: cái tôi cứng đọng, cái tôi phân tán, cái tôi thực tế… Qua đó cho thấy cuộc sống vốn muôn mặt và con người thì "nhiệm mầu". Ở đây, chúng ta đã đề ra chủ đích rằng, những mặt nạ trên giúp ta khám phá ra khuynh hướng chủ đạo của mỗi người. Chẳng hạn, tôi thuộc mẫu *cái tôi hình thức,* thế nên, tôi có khuynh hướng đánh giá bản thân và người khác từ những thành công hay hiệu quả bên ngoài. Đó là cái nhìn thiển cận của con người tôi; từ ý thức đó, tôi sẽ bắt đầu để ý hơn về những suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình. Và một khi bạn điều chỉnh nó bằng cái nhìn từ bên trong (nội dung, ý nghĩa của thực tại…), bạn còn phải để ý đến những cơ chế tự vệ của mình; để khám phá

9 John Bradshaw, *Tìm lại đứa trẻ nơi chính mình – Hãy ra đi khám phá đứa trẻ nội tâm của bạn,* tr 376. Trích lại Anselm Grun, *Cái gì làm cho loài người bệnh hoạn và điều gì chữa lành họ,* Desclée de Brouwer, tr 87.

ra những thái độ ngụy biện, lố lăng, kệch cỡm… của bản thân mà điều hướng kịp thời.

Để kết thúc phần này, xin dẫn chứng gương của thánh Inhaxiô thành Loyola, Tổ Phụ dòng Tên. Thánh nhân thuộc mẫu người *cái tôi vĩ đại.* Với khả năng chinh chiến, ngài có đủ tư cách để tham vọng những chiến công lớn trong đường sự nghiệp công danh. Tuy nhiên, do tự tin quá đáng (cậy vào sức mình), chàng đã trải qua một giai đoạn khủng hoảng về ơn gọi và sứ vụ của mình. Trong khi đang say men chiến thắng vì chiếm được nhiều thành, chàng đã bị trọng thương ở một bên chân phải. Biến cố này đã cắt đứt mọi dự phóng của chàng trong việc chinh phục các thành.

Như chúng ta đã biết, sau khi đọc qua các cuốn *Hạnh các thánh* và *Cuộc đời Chúa Giêsu,* chàng đã chuyển hướng, qui mọi sự về Đức Kitô. Thay vì thực hiện thao thức của một con người vĩ đại theo cách hiểu người đời, chàng đã chọn Chúa là Đấng vĩ đại khả dĩ giúp chàng sống trọn ơn gọi là một tu sĩ, chiến sĩ của Chúa để thu phục các linh hồn.

Xem ra, việc chúng ta đối diện với những mặt nạ được diễn tả qua những *cái tôi*, chưa được giải quyết thỏa đáng, chúng ta cần tiến bước nữa trong việc khám phá ra những *cơ chế tự vệ* còn ẩn kín trong tâm hồn. Những cơ chế này khuất ẩn bên trong nhưng những hậu quả của chúng để lại những dấu vết trong đời sống thực tiễn. Đó là một lợi thế giúp ta đi tiếp cuộc hành trình khám phá bản thân.

3.NHỮNG CƠ CHẾ TỰ VỆ TRONG ĐỜI TU

Trong đời sống thực tiễn, con người thường phải đương đầu với hai thế lực: bản năng hạ đẳng và lý tưởng cuộc sống. Do tự ái, vì sĩ diện, con người luôn phải tìm mọi cách để bảo vệ lập trường của mình. Điều này đã được con người thực hiện qua một tiến trình được Freud và trường phái này gọi là *cơ chế tự vệ.* Chắc hẳn cơ chế này chỉ mang tính tạm thời vì nó che đậy thực trạng của bản thân. Có thể nói, đây là cách tránh né đối đầu với thực tế cuộc sống. Như thế, nó cũng vương hại đến nhân cách của con người cách nào đó.

Những tên gọi của các cơ chế tự vệ này được trường phái của Freud sử dụng và giải thích (10). Ở đây, chúng ta chỉ dựa vào đó để đối chiếu với đời sống tận hiến.

3.1.Cơ chế tự vệ chối bỏ thực tế

Nghĩa là cơ chế tự vệ chặn những sự kiện có hại từ bên ngoài, không cho chúng đi vào khu vực cảnh giác của tâm thức. Khi tiếp cận những trường hợp tình

10 X. http://tuhieuminh.blogspot.com/2013/04/sigmund-freud-thuyet-phan-tich-tam-ly_5687.html

huống căng thẳng vượt quá khả năng xử lý của cá nhân, người đó sẽ từ chối không nhập cuộc với tình huống ấy. Điều này xảy ra thường xuyên trong đời sống cộng đoàn dòng tu khi một tu sĩ mắc lỗi, họ nói tránh hoặc thoái thác cho người khác. Khi bề trên sửa dạy, họ cảm thấy khó chịu như phải nghe lỗi của người khác, mặc dù chính mình phạm lỗi. Dần dà họ chối từ công tác để tránh khỏi phải chịu trách nhiệm. Đối với họ, đời tu là một sự áp đặt từ trên cao. Từ đó, họ trở nên bất nhẫn và càm ràm kêu trách khiến đời sống cộng đoàn trở nên trì trệ và nặng nề.

3.2.Cơ chế tự vệ dồn nén

Đây là một cơ chế tự vệ khá nguy hiểm vì cá nhân không giải quyết dứt khoát tận gốc những khó khăn trong đời sống thường ngày; điều này khiến họ thiếu xác tín trong mọi việc và tìm cách tránh né dưới mọi hình thức. Chẳng hạn, việc một tu sĩ không thích chụp hình đến nỗi họ lên án và công kích những người thích chụp hình. Được nghe chia sẻ của nữ tu này dần dà tôi mới khám phá ra rằng khi xưa bản thân cô ta đã bị chụp hình lén trong lúc có một cử chỉ khiếm nhã nào đó. Từ đó, khi bước vào đời tu, cô trở nên khép kín và không thích ai quan tâm đến mình, đặc biệt là trong việc chụp hình mặc dù cô nữ tu này rất xinh xắn.

Cũng trong cơ chế này nhưng dưới một hình thức khác, họ dồn nén do mặc cảm những giới hạn của bản thân. Khi một nam tu sĩ không có khả năng chơi thể thao, họ tự nhủ rằng người khác sẽ nghĩ rằng mình thiếu chất nam tính, thế nên, họ tìm sự bù trừ trong rượu bia và thuốc lá. Hoặc một nữ tu kém nhan sắc, cô sẽ dồn hết tâm lực vào việc trau dồi kiến thức để tìm sự trọng vọng của chị em đồng tu…

3.3.Cơ chế tự vệ đóng cửa

Đôi khi còn được gọi là quá trình thông minh hóa. Đây là cách đặt tên theo nghĩa hành động. Để dễ hiểu, chúng ta tạm gọi là cơ chế tự vệ đối lập vì ở cơ chế này có sự đối lập giữa nội tâm và ngoại tại, suy nghĩ và hành động. Một người vốn sợ ma vào ban tối lại trở nên hùng mạnh vào ban ngày. Họ rất thích những gì bạo động, những nơi náo nhiệt và bù trừ trong việc giết chết và làm thịt các thú vật nuôi. Hay một tu sĩ mắc phải cố tật ăn cắp vặt, họ tỏ ra rất đạo đức trước mặt bề trên và tử tế với mọi người trong cộng đoàn để che giấu những mưu tính của bản thân. Ngoài ra, chúng ta cũng dễ nhận ra một số tu sĩ thích cười cợt, đùa giỡn khi cộng đoàn đang thực hiện những vấn đề quan trọng; họ tưởng rằng làm thế là cách để giải tỏa căng thẳng nhưng kỳ thực đây là một hành động phản cảm, thiếu tôn trọng cộng đoàn.

3.4.Cơ chế tự vệ thay thế

Hay còn gọi là *sự chuyển dịch*, nghĩa là quá trình chuyển hướng cảm xúc của mình từ cá nhân này qua cá nhân khác. Nếu là một sự tốt lành thì đã tạo một sự

cộng hưởng tích cực trong cộng đoàn nhưng vì nó là một tiêu cực nên việc chuyển dịch làm ảnh hưởng đến tương giao nhân loại. Khi tiếp xúc với các ứng sinh, tôi rút ra được kinh nghiệm này, có tu sĩ kia, trước đây sống chung với một người cha nóng tính, khắc nghiệt và bảo thủ nay bước vào đời tu, khi gặp bề trên có những cung cách hành xử như người cha này, anh tỏ ra bốc đồng và chống đối ra mặt. Hay nhiều người không tìm được tình bạn trong cộng đoàn nên đã tìm cách kiếm những thú vật khác như chó mèo để thay thế nhu cầu tình cảm ấy.(11) Cũng có những người vốn yếu thế, nên khi bị ai đó hiếp đáp, họ quay lại gặm nhấm bản thân. Nguy cơ này kéo dài có thể dẫn đến trầm cảm.

3.5.Cơ chế tự vệ gán ghép cảm xúc

Cơ chế này được Anna Freud gọi là hoán chuyển cảm xúc hướng ngoại. Đây là cách nhiều người gán ghép cảm xúc tiêu cực hay những hạn chế của mình lên người khác. Điều này hợp với câu nói của dân gian: "*suy bụng ta ra bụng người",* nghĩa là ám chỉ sự gán ghép tư tưởng tiêu cực của mình lên người khác. Thỉnh thoảng, chúng ta thấy tình trạng này trong cộng đoàn và dưới nhiều hình thức chính bản thân có thể bị vướng vào. Chẳng hạn, khi phạm một lỗi gì không phải, lương tâm ta lên tiếng, ngay tức khắc ta nghĩ rằng mọi người lên án ta và có ánh nhìn nghi kỵ, trong khi đó, cộng đoàn lại hết lòng nâng đỡ ta. Cũng có trường hợp, vài tu sĩ thích mai mối cho người này kẻ nọ nhằm thỏa mãn nhu cầu sống lứa đôi mà vì khấn khiết tịnh họ phải sống độc thân…

3.6.Cơ chế tự vệ phản ứng

Cơ chế này được hiểu là cách chủ thể làm giảm nhẹ hoặc đảo ngược tình thế khó khăn nhằm đạt đến mục tiêu nào đó cho mình. Ví dụ: một người không ưa gì thái độ trịch thượng của một ai đó lại hết lời khen ngợi, ca tụng để lợi dụng họ mưu tìm lợi ích cho mình. Hoặc khi gặp một tình thế khó xử, họ tỏ ra như không quan trọng rồi kiếm cách tháo lui. Thái độ giản lược thực tại như thế dễ tạo nơi người khác cảm giác vô trách nhiệm và thái độ ấu trĩ của đương sự. "Có gì đâu, đơn giản mà !", "không sao đâu, đừng lo"…những cách nói ấy, thoạt tiên nghe như khích lệ và trấn an người khác nhưng kỳ thực, họ chỉ nói mà không làm.

3.7.Cơ chế tự vệ nhập tâm

Nghĩa là tự gán cho mình điều bản thân còn thiếu thốn. Thật vậy, khi cảm thấy bất lực trong một tình huống nào đó, họ tự cho mình là một siêu nhân giải quyết mọi chuyện. Hay khi bản thân bị bối rối lại thích làm người hướng dẫn đàng

---

11 Nói như thế, không có nghĩa là những người sống đam mê nuôi những loài thú vật lại là những người thiếu quân bình.

thiêng liêng nhằm tránh đối diện với những thực tại của bản thân. Hoặc một tu sĩ suốt ngày chạy rong và tìm mọi việc để lấp đầy khoảng trống nội tâm. Và một khi nằm dưỡng bệnh, họ cảm giác mình là một kẻ vô dụng, vì họ thường đánh giá bản thân và người khác dựa theo hiệu năng việc làm.

3.8.Cơ chế tự vệ hoài cổ

Cơ chế này thường xảy ra cho những người lớn tuổi. Thật vậy, tuổi già sống nhiều với quá khứ. Trong đời sống cộng đoàn, chúng ta nhận thấy có những vị cao niên hay nghĩ về thời kỳ "hoàng kim" của cộng đoàn mà đánh giá đời tu ngày nay là biến chất và mất căn tính. Nếu nghĩ về thời huy hoàng trong quá khứ để giúp cộng đoàn củng cố và phát triển thì đây là một người thiện chí. Thế nhưng, những người này hoài niệm chỉ nhằm tránh đối diện với những khó khăn, thách đố của hoàn cảnh hiện tại.

3.9.Cơ chế tự vệ hợp lý hóa

Là khả năng nhận thức và áp dụng có tính lý luận nhằm chuyển đổi những sự kiện có tính đe dọa trở thành dễ chấp nhận hơn. Chúng ta thường nghe người khác đánh giá về ai đó: "*biết là anh ấy sai mà khi nghe nói vẫn hấp dẫn và hợp lý",* ấy là cách họ dùng phương pháp nguy biện. Chiêu bài này được sử dụng hầu làm giảm sự tổn thương của cái tôi hoặc chữa mình, chạy tội hầu làm giảm tính nghiêm trọng của vấn đề.

Tóm lại, mọi cơ chế tự vệ đều là những lời biện hộ nhằm thuyết phục chính bản thân mình. Nói khác đi cơ chế tự vệ chính là cơ chế con người sử dụng để tự nói dối với chính mình. Điều này được thực hiện trong một chế độ vô thức nhưng kết thúc là một hành vi ý thức. Thật vậy, một sự kiện khó khăn xảy ra, chủ thể sẽ đưa ra một phản ứng, đúng hơn một sự phản kháng tức thời; còn hình thức của những phản kháng ấy là các cơ chế đã được trình bày. Khi chủ thể không sẵn sàng đón nhận thực tại thì những cơ chế này như một thuốc giải làm trì hoãn hoặc từ chối không đưa ra một hành động rõ ràng. Chính khi hành động này không được sáng tỏ, không giúp định hình nhân cách của chủ thể.

Cũng cần lưu ý, chúng ta có thể quan sát một sự kiện nhưng với hai người lại có ý hướng khác nhau. Cụ thể, khi chúng ta thấy một người đam mê săn tìm các loại thú quý hiếm, có nhiều điều cần xét đến: có thể là do làm ăn kinh tế hay một thú tiêu khiển; lại nữa, do họ không tìm được tình thân và sự tin tưởng nơi con người mà họ đã chuyển sang đối tượng hạ cấp. Từ bấy nhiêu lý do, chúng ta có thể khẳng định rằng cần phải hiểu biết đủ về đối tượng mới đưa ra một phán quyết cuối cùng. Chìa khóa để mở vấn đề này là *động lực bên trong thúc đẩy chủ thể hành động.*

Điều tốt nhất là tự vấn bản thân, xem mình có vướng vào những cơ chế nói trên không để điều chỉnh và giúp cá nhân hình thành nhân cách đích thực. Một nhân cách đích thực đòi buộc ta phải đối diện với bản thân kể cả những "bóng tối" trong cuộc hiện sinh này. Có thể nói, đây là bước quyết định giúp ta khám phá nhân cách tôn giáo.

4.NHÂN CÁCH TÔN GIÁO

4.1.Thuật ngữ

Nếu nhân cách được hiểu chung cho mọi người thì nhân cách tôn giáo nhắm đến những người có một niềm tin, cụ thể là các kitô hữu. Nếu nhân cách là nét đẹp phẩm tính nội tại được biểu hiện qua cử chỉ, lời nói, việc làm… thì nhân cách tôn giáo đi thêm bước nữa, là vẻ đẹp nội tâm của một tâm hồn sống đức tin về sự hiện diện của Thiên Chúa trong một lương tâm lành mạnh. Họ phải không ngừng hướng cái nhìn về Thiên Chúa, đồng thời tham dự vào đời sống của Người mỗi ngày một hơn (12).

Đôi khi chúng ta khó phân biệt nơi một người đâu là nhân cách đơn thuần và đâu là biểu hiện nhân cách tôn giáo. Mỗi người luôn mang trong mình một xác tín về những giá trị khác nhau, chỉ khi đối diện với những đau khổ, khó khăn, khủng hoảng…con người dễ dàng bộc lộ một nhân cách tôn giáo. Nghĩa là họ chọn giải pháp đức tin nhằm xác tín vào sự trợ giúp của Chúa. Từ đó nhận ra chính sự hiện diện của Người ngay trong cơn quẫn bách. Nhưng cũng cần đề cao tính hiệp thông trong đại gia đình đức tin. Chính những gánh nặng được chia sẻ sẽ giúp người này vượt qua những khó khăn nhằm duy trì một nhân cách tôn giáo, còn người kia, cũng được củng cố nhờ một nghĩa cử cao đẹp để xây dựng đời sống đức tin và nhân cách của mình.

4.2.Tiêu chuẩn đánh giá

Trong bất cứ quá trình phát triển nào đều bao hàm một tiêu chuẩn đánh giá, cũng vậy, nhân cách tôn giáo cần đề ra vài tiêu chuẩn như qui tắc hành động cho những ai muốn thể hiện nét đẹp của niềm tin trong cuộc hiện sinh này.

Trước hết và trên hết, chúng ta phải thể hiện nhân cách này qua việc *yêu mến Thiên Chúa và vâng phục ý muốn Người.(13)* Thật vậy, yêu mến Thiên Chúa luôn là điểm qui chiếu của mọi kitô hữu mà thái độ này được biểu hiện cụ thể qua việc vâng phục ý muốn của Người. Nếu tự do là ưu phẩm lớn nhất Chúa ban để giúp con người hoàn thành định mệnh đời mình trong Thiên Chúa thì tự do đích thực, tự do của con cái Thiên Chúa là vâng phục hoàn toàn ý muốn của Người.

---

12 X. Adrian Van Kaam, *Nhân cách tôn giáo,* tr.*8*
13 Adrian Van Kaam, *Sđd,* tr.13.

Thiên Chúa chẳng đòi buộc điều gì vượt sức con người. Thật vậy, khi muốn con người đáp lại tình yêu hiện hữu và cứu độ của mình, Thiên Chúa đã ban cho con người tự do. Điều này bao hàm cả khuynh hướng con người khước từ tình yêu của Người. Con người thật quyền năng ! Nó có thể "huỷ diệt" cũng như "sáng tạo" cuộc sống mình bằng cách tự do phủ nhận Thiên Chúa hay tận hiến và yêu mến Người.

Nhân cách nói chung cũng như nhân cách tôn giáo đều đề cao yếu tố *sống thật*. Nói cách khác, sống thật hay dám đối diện với thực tại là yêu sách của tiến trình thành nhân. Nhưng ở cấp độ nhân cách tôn giáo, chiều kích này được thể hiện cách triệt để nơi khả năng phản tỉnh của con người. Cuộc sống vốn luôn trúc trắc, trục trặc, những cú phanh đúng lúc sẽ giúp con người lượng giá trong mỗi cuộc hành trình. Sau những sai phạm, con người bước chậm hơn nhưng đầy khiêm tốn và xác tín vào tình yêu quan phòng của Thiên Chúa.

Ngoài ra, chúng ta phải nói đến tương quan lành mạnh: tương quan với chính mình, với tha nhân và với Thiên Chúa. Trong nhân cách tôn giáo, tương quan với Thiên Chúa là cách thế hiện hữu căn bản và sống còn, nó chi phối các tương quan khác, và các tương quan khác làm sống động tương quan thiết yếu này. Một tu sĩ sống chìm ngập trong cầu nguyện, họ luôn nhận ra những soi động bên trong giúp họ sống tình bác ái với tha nhân. Cũng nhờ tiếp xúc thân tình với Thiên Chúa mà họ dễ dàng khám phá bản thân như kinh nghiệm của thánh Augustinô: *xin cho con biết Chúa, xin cho con biết con.*

Xét cho cùng, những tiêu chuẩn này đều gắn liền với những năng lực sẵn có trong con người là *lý trí và ý chí*. Hai năng lực cấu thành hành vi nhân linh. Hai nội lực này mọi người đều có, nhưng chỉ khi nó được nhập thể vào một nền văn hoá, kết hợp với tâm tính của mỗi người tạo nên nét độc đáo của nhân cách tôn giáo.

4.3.Chướng ngại

Trước tiên, chúng ta cần đề cập đến *ký ức* như là một trong những chướng ngại lớn nhất trong đời sống đức tin. Thật vậy, nếu ký ức làm nên những kinh nghiệm sống rất hữu ích trong tương lai thì ký ức của một tuổi thơ bất hạnh sẽ là một chướng ngại khá lớn trong việc hình thành nhân cách tôn giáo.(14) Dù ký ức đau thương đến mức nào nếu đã được chúng ta đối diện và hoá giải thì coi như đã được chữa lành phần nào, còn nếu thực tại ấy bị chúng ta phủ nhận hay núp né cách nào, nó sẽ bị dồn nén trong vô thức. Thật tai hại khi chúng ta không chấp nhận thực tại ấy là thành phần làm nên đời sống mình thì nó vẫn chi phối bên trong và dưới tầng sâu của vô thức, một khi không còn được ý thức của ta kiểm soát nữa,

---

14 Van Kaam còn nói mạnh hơn: "*…kẻ vì bị xiềng xích của đời sống quá khứ, sẽ chẳng bao giờ đạt đến sự trưởng thành mặc dù có một tính yêu lớn lao đối với Chúa*". Adrian Van Kaam, *Sđd*, tr.126.

nó sẽ giữ nguyên sức ảnh hưởng thậm chí còn tăng thêm sức công phá bởi bị dồn nén. Đến một ngày đủ mạnh, nó sẽ tấn công khiến chúng ta phải biểu hiện bên ngoài bằng hành vi tàn bạo hoặc vô cảm… nói chung, nó ảnh hưởng xấu đến nhân cách của chúng ta. Một đứa trẻ gắn liền với một tuổi thơ đầy bất hạnh do người cha độc tài tạo nên chắc hẳn sẽ tác động mạnh mẽ cách nào đó trong giai đoạn trưởng thành. Nếu chúng chưa được đương sự đối diện và thăng hoa thì sẽ tạo nơi chàng thanh niên sau này một thái độ chống đối với những người cấp trên hoặc dần dà mất đi sự tin tưởng đơn sơ nơi người khác…Xét ở cấp độ sâu hơn, chúng có thể ảnh hưởng đến đời sống cầu nguyện của đương sự vì tương quan liên vị mất đi sự tin tưởng, thì tương quan giữa họ với Chúa cũng mất dần sự thân tình…

Kế đến, chúng ta cần lưu ý *thái độ duy ý chí* nơi đời sống đức tin của các tín hữu. Họ "*…chỉ 'nhắm mắt' dùng nỗ lực của ý chí để thực hiện một khuôn khổ đã có sẵn, ráng gồng lên để chu toàn giới luật như một tiêu chuẩn bên ngoài chứ không tìm thấy niềm vui tự chính bản thân mình".* (15) Qua đó, chúng ta nhận ra một nét đặc trưng nơi người này là sống ảo tưởng. Vì họ thực hiện một quyết tâm vượt quá những giới hạn của bản thân. Họ là người vốn sống nặng tình với gia đình. Bước vào đời tu, anh mang một quyết tâm là sẽ không nhớ nhà nữa để nhất tâm sống triệt để đời tu, vì vậy, anh giấu không cho mọi người thấy anh khóc, đồng thời, phủ nhận cảm xúc ấy của mình.(16) Dần dà anh trở thành người cứng cỏi, vô cảm với những nỗi đau của người khác…không thật với mình và giả dối với tha nhân, đó là một trong những tác hại của cách sống duy ý chí. Đó là một trong những trở ngại khiến anh bị trì trệ trên đường hình thành nhân cách.

Một trở ngại khác ảnh hưởng đến hành trình xây dựng đời sống đức tin là *mặc cảm tội lỗi.* Mặc cảm này tồn tại do nhiều lý do. Trước hết, phải kể đến do việc giáo dục đức tin quá chú trọng đến việc thưởng-phạt, điều này tạo nên một áp lực thụ động nơi các tín hữu. Họ giữ điều này hay tránh điều kia chỉ vì thu tích công nghiệp đời sau mà quên đi việc thiết lập một tương quan với Thiên Chúa tình yêu.

Kế đến, chúng ta có thể kể đến tác động trực tiếp của gia đình. Thật vậy, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, việc kiếm bữa ăn hằng ngày chật vật, phải bương chãi đôi khi phải luồn lách cách này cách khác, nó có thể tạo không khí ngột ngạt trong gia đình và tạo cho các thành viên trong đó một sự nhập nhằng trong việc phân biệt điều đúng sai. Con cái lớn lên trong một bầu khí ô nhiễm như thế không tránh những mặc cảm mà mặc cảm lớn nhất là *tội lỗi.* Nghĩa là tình trạng "nước đôi" trong việc giữ điều luật của Chúa. Đến một lúc nào đó bản thân không còn

---

15 Nguyễn Trọng Viễn, *Sđd, tr.88.*

16 Tôi sẽ cố ý dồn nén ý thức về chúng; tôi sẽ từ chối cứu xét mọi khía cạnh của chính thực tại tôi. Vắn tắt, tôi sẽ có ý xử sự như tôi chẳng có tình cảm đó và đời sống của tôi sẽ trở nên không đích thực, giả tạo. Adrian Van Kaam, *Sđd,* tr.133.

biết khởi đầu từ đâu trong việc sống đức tin mà chỉ tạo nơi đương sự thái độ mặc cảm tội lỗi.

Sau cùng, tình trạng này cần qui về bản thân đương sự. Có thể do đương sự vốn bối rối không đủ sáng suốt để phân định thực tại. Lương tâm mất dần sự đơn sơ biện phân từ những vấn nạn trong cuộc sống.

Ngoài ra, chúng ta cần xét đến những trở ngại khởi đi từ sự hiểu biết nông cạn về những đòi hỏi trong đời sống đức tin. Do khuynh hướng tự lập của con người thời đại có thể làm cho các tín hữu mất dần sự hiệp thông đức tin trong đời sống Giáo hội. Đến khi gặp khó khăn, thử thách, họ tự sức vượt qua một cách vất vả mà không được nâng đỡ từ những thành viên trong Giáo hội và không tha thiết kêu gào sự trợ lực của ơn Chúa…

Xét cho cùng, những trở ngại này chỉ là những khó khăn rất thường xảy ra trong đời sống các tín hữu, chỉ cần nhận định đúng mức độ ảnh hưởng của chúng và cậy trông ơn Chúa giúp, dần dà chúng ta sẽ khiêm tốn và xác tín hơn vào sự quan phòng yêu thương của Người.

4.4.Tiến trình hình thành nhân cách tôn giáo

Có nhiều cách giúp chúng ta tiếp cận với nhân cách tôn giáo nên cũng có nhiều cách giúp hình thành cách sống này. Ở đây, chúng ta chỉ tìm hiểu tiến trình hình thành này qua 3 giai đoạn: *thần tượng, cầu khẩn và hiệp thương.* Đúng hơn, đây là 3 cách thức thể hiện nhân cách tôn giáo.(17)

4.4.1.Thần tượng

Một đứa trẻ vừa lãnh nhận bí tích Rửa tội, nó được gọi là một kitô hữu. Từ đây, nó đã được gieo mầm bất diệt và thuộc trọn về Chúa, là con cái Thiên Chúa nhờ ân sủng.(18) "Cảm thức đức tin" từ đây được định hình dần trong môi trường tôn giáo.

Một đứa trẻ trong vòng tay mẹ, nó cảm nhận phần nào sự bao bọc, che chở của mẹ nó và bà là đấng toàn năng. Vì bà có khả năng đáp ứng mọi sự. Lớn lên, em đến trường, cô giáo hay thầy cô lại là một thế giới khác với môi trường gia đình. Em bắt đầu có sự phân biệt và so sánh. Lúc này, em bắt đầu chuyển hướng thần tượng. Và đến khi tiếp xúc với bạn bè, lại một lần nữa tạo cho em từ ngỡ ngàng này đến ngạc nhiên khác. Thế giới thần tượng quá nhiều buộc em phải chọn một trong nhiều thứ ấy. Với xu hướng đam mê nghệ thuật, em chọn một ca sĩ. Với sở

17 Vì nếu hiểu hạn từ *giai đoạn* theo đúng nghĩa thì nó phải có khởi đầu và kết thúc dứt khoát một bước ngoặc nào đó, còn ở đây, một người sống nhân cách tôn giáo đều thủ đắc đồng thời 3 cách thể hiện này và được nhập thể trong hoàn cảnh cụ thể. Bởi đó, để tránh sự hàm hồ trong cách dùng thuật ngữ, chúng ta sẽ nhìn nhận đây là 3 cách thể hiện một nhân cách tôn giáo.

18 Một người cho dù chưa lãnh bí tích này vẫn có mầm giống bất diệt được thể hiện qua linh hồn bất tử nhưng chưa thuộc về "gia đình của Thiên Chúa".

thích thể thao, em chọn một cầu thủ bóng đá…Những thần tượng ấy vẫn chi phối cuộc sống của em đến khi bản thân nhận ra, chính mình là thần tượng. Chàng bắt đầu một cuộc phiêu lưu và khám phá bản thân. Chàng muốn mình trở thành thần tượng của người khác bằng cách muốn chinh phục cả thế giới. Những thất bại đã làm chàng thấm mệt và rút dần phạm vi hoạt động: chàng muốn cải tạo gia đình mình. Khát vọng và thiện chí ấy rất tốt lành nhưng xem ra thiếu thực tế, lúc này, anh muốn trở về với lòng mình để chứng nghiệm Thực Tại Siêu Linh.

Như thế, mọi thần tượng đã bị sụp đổ từ những thất bại bản thân, đồng thời, đương sự ngộ ra, mọi sự đều tương đối ngoài trừ một Đấng Trên Cao. Thất bại là cơ hội của thành công. Thất bại giúp bản thân nghiệm ra sự bất lực của bản thân và con người, đồng thời, chứng nhận Thiên Chúa là lẽ sống. Cảm thức đức tin đã được nuôi dưỡng bằng một bầu khí đạo nghĩa. Khi thần tượng không mắt không tay, không nhìn không nắm bị sụp đổ thì hình ảnh về Thiên Chúa bắt đầu lớn lên và làm chủ cuộc đời ta. Có thể nói, đây là cách thể hiện phong phú nhất trong giai đoạn đầu hình thành nhân cách tôn giáo. Chính việc chuyển từ các thần tượng đến Thiên Chúa đã giúp đương sự có kinh nghiệm phần nào trong việc hình thành nhân cách.

Để đi trọn giai đoạn này, chủ thể phải trải qua một đêm tối, nghĩa là sự bất lực của nhận thức bản thân. Có thể ví giai đoạn này là giai đoạn dọn sạch cỏ dại trong tâm hồn. Sau khi đã quyết định từ bỏ mọi thần tượng, họ thường cảm giác trống rỗng vì mất đi định hướng cuộc đời mình. Họ miệt thị những đối tượng xưa kia mình coi là thần tượng nhưng thực ra chỉ là ánh sáng mờ nhạt trong ánh sáng Thần Linh. Tuy nhiên, chỉ khi trải qua giai đoạn tiêu cực này, nghĩa là đi từ thất bại này đến thất vọng khác, đương sự có thể chân nhận giá trị đích thực mà lòng mình thổn thức mãi cho đến khi nghỉ yên trong Người. Lúc này, với đức tin vốn có, họ tuyên xưng Chúa là Đấng mà bản thân hằng kiếm tìm và bắt đầu một cuộc sống mới, sống làm vinh danh Người.

Từ đây, họ mở ra với tương quan khác cách lành mạnh vì đã biết rõ những ưu thế cũng như giới hạn của phận người.

4.4.2.Cầu khẩn

Nếu cách thể hiện trên chỉ dừng lại ở việc thiết lập sự thống nhất bản thân thì sang "giai đoạn" này, họ mở ra với mọi chiều kích: vũ trụ, tha nhân và Thiên Chúa. Chắc hẳn, trước đây họ đã có một tương quan liên vị nào đó nhưng chỉ mới dừng lại ở việc trục lợi bản thân. Từ đây, bản thân đã phần nào nhận ra mình không phải là tất cả và cần đến sự hiện hữu của tha thể. Tha thể ấy có thể là bất cứ ai và cả Thượng Đế nữa !

Một sự cởi mở ra khỏi chính mình là một bước nhảy vọt của một tâm hồn khao khát tâm linh. Khát vọng lớn mãi và trưởng thành dường như được Thiên

Chúa đặt để trong mọi tạo vật. Nếu như mọi loài đều phát triển và định hình theo qui luật tự nhiên thì con người lại được phú ban sự tự do trọn vẹn giúp tự lập và tự định hình bản thân. Đồng thời trong mỗi hoàn cảnh Thiên Chúa lại đặt để những ơn cần thiết (19) giúp con người vượt qua và lớn lên trong Người. Thời gian và những va vấp trong cuộc sống đã giúp con người nhận ra dấu vết về sự quan phòng yêu thương của Thiên Chúa.

Có thể nói, thái độ cầu khẩn là nét đẹp của nhân cách tôn giáo, là biểu hiện cao thượng của niềm tin vào sự trợ giúp của tha thể.

Con người chỉ thực sự sống thái độ này khi đã đi sâu vào bản tính nhân loại của mình. Thật vậy, chỉ khi nào cảm nhận sự bất lực của bản tính mỏng giòn nhân loại con người mới mở ra và cậy nhờ đến người khác và Thiên Chúa. Thật mâu thuẫn ! Khi con người mỗi ngày trưởng thành hơn nhờ biết tự lập lại có nhu cầu trợ giúp của người khác. Xét cho cùng, tính biện chứng này đã được Thiên Chúa trả lời phần nào khi dựng nên Eva, một trợ tá cân xứng cho Adam. Và sự hỗ tương của Ông bà nguyên tổ phải được Thiên Chúa chúc lành trong từng hoạt động của họ. Ngày nào còn được Người chúc lành, những việc làm của hai ông bà mới "thành toàn". Cũng vậy, khi sống thái độ cầu khẩn với tha nhân, chúng ta phải sống dưới sự hiện diện của Thiên Chúa thì mới thành toàn, khi ấy mới được gọi là một nhân cách tôn giáo đích thực.

4.4.3.Hiệp thương

Nếu khi vượt qua giai đoạn *thần tượng*, con người tin yêu người khác vì mình thì bước sang thái độ *cầukhẩn*, họ tương quan với người khác vì người khác, còn *hiệp thương* hệ tại ở tình yêu hướng Thượng. Mỗi bước chuyển biến đối tượng trong hành trình tâm linh từ bản thân đến tha nhân và đến Thiên Chúa, sẽ là dấu chỉ cho thấy bản thân đang tiến triển tích cực.

Làm sao có thể *hiệpthông* và *yêuthương* tha nhân thực sự nếu bản thân còn chịu chi phối bởi vòng đai bản ngã. Làm sao thiết lập một tương giao đích thực nếu bản thân còn phóng chiếu hình ảnh lý tưởng nào đó lên tha nhân. Hiệp thương phá tan mọi khoảng cách nhưng lại tạo sự khác biệt. Nghĩa là hai chủ thể đến với nhau với tất cả sự trần trụi của hữu thể mình đồng thời khám phá ra sự khác biệt của nhau; tất nhiên không phải để chia rẽ nhưng là bổ khuyết cho nhau trong sự khác biệt. Nếu như trong triết học hiện sinh, Gabriel Marcel nói đến thuật ngữ "chúng ta" để chỉ phần nào mối giao hảo này thì trong tâm lý học, C.Jung muốn giới thiệu chữ "mình" là sự toàn nhập của nhân cách.(20)

---

19 Ơn hiện sủng là ơn được Thiên Chúa ban trong từng hoàn cảnh cụ thể.

20 Toàn nhập nhân cách là sự phối hợp hài hòa các tài năng thể lý, cảm xúc, tri thức và tâm linh. (x. Philomena Agudo, *Sđd,* tr.87)

Bước sang giai đoạn này họ dần khám phá ra hình ảnh Thiên Chúa trong chính hữu thể sâu xa của mình. Đồng thời, họ nhận ra tha nhân cũng là hình ảnh Thiên Chúa. Họ cùng nói một tiếng nói *yêu thương*; họ cùng sống một cách sống *bao dung*; họ cùng suy nghĩ và hành động như chính Chúa Giêsu. Và như thế, họ không bao giờ cảm thấy cô đơn trong thân phận lữ hành.

Tóm lại, cả ba giai đoạn vừa kể gồm tóm chương trình sống của một kitô hữu là sống ba nhân đức Đối Thần. Nhưng ở đây, nó được nhập thể, nghĩa là niềm tin, cậy và mến đối với Thiên Chúa được diễn tả cụ thể qua tha nhân trong một hoàn cảnh đặc thù. Loại bỏ thái độ *thần tượng* là khởi đầu của niềm tin; *cầu khẩn* là cách diễn tả nhân đức cậy Kitô giáo và *hiệp thương* là cao trào của một tình yêu trọn hảo trong Thiên Chúa qua tha nhân. Bạn có thể khám phá một con đường khác nhưng không thể ra ngoài đời sống của ba nhân đức này, chỉ có sự khác biệt nơi cách thể hiện bên ngoài mà thôi.

Có thể nói, đây chỉ là cách thể hiện của một tín hữu nói chung trong nhân cách tôn giáo. Với yêu sách của đời tu, chắc hẳn, nhân cách dành riêng cho đối tượng này phải được diễn tả với một cách thế khác: sâu sắc và hữu hiệu hơn. Vì mục đích của đời tu nhằm thánh hóa bản thân và thế giới. Nói thế, không có nghĩa các kitô hữu không làm chứng bằng đời sống mình nhưng ở đây, theo thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhận định rằng *đời sống thánh hiến là một ơn gọi mới mẻ và đặc biệt*.(21)

5.NHÂN CÁCH ĐỜI TU

Khi đối chiếu nhân cách tôn giáo của mỗi tín hữu với đời tu, chúng ta thấy nổi bật giá trị của các lời khuyên Phúc Âm (CLKPA). Tất nhiên, việc giữ các lời khuyên này dành chung cho mọi tín hữu. Tuy nhiên, ở cấp độ cao hơn và triệt để hơn, các tu sĩ khấn giữ những điều ấy như là một điều bó buộc trong nhân đức thờ phượng. Đây là nét đặc trưng và nét đẹp nổi bật mà mỗi tu sĩ cần sống và chiếu tỏa ánh sáng Phúc Âm. Việc tuyên khấn, vì là một hành vi của ý chí tự do nên chúng giúp hình thành nhân cách. Hơn nữa, nó hướng nhân cách đi theo con đường phù hợp với chương trình của Thiên Chúa và đồng thời làm cho nhân cách được triển nở.(22) Như thế, CLKPA trở thành tiêu chuẩn đánh giá nét đẹp của đời thánh hiến. Nhưng trước tiên chúng ta cần tìm hiểu những chướng ngại trên đường hình thành nhân cách.

---

21 X. *Tông huấn Vita Consecrata*, số 31.

22 X. Ngô Văn Vững, *Đời Thánh hiến theo Công đồng Vatican II*, Nxb Tôn Giáo, tr.317.

5.1.Chướng ngại

Nếu như những chướng ngại trong phần nhân cách tôn giáo đã làm trì trệ đời sống các tín hữu thì những cản trở trong phần này càng phức tạp hơn vì bao gồm những trở ngại trên và những phát sinh từ đời tu.

5.1.1.Không trung thực

Như chúng ta đã biết nhân cách bao gồm toàn bộ đời sống con người được nhập thể trong một hoàn cảnh cụ thể. Như thế, một nhân cách đích thực đòi hỏi chủ thể phải hội nhập thực sự vào trong từng cảnh huống cuộc sống. Nhưng thực tế, con người vốn yếu đuối nên thường tránh né cách nào đó khi phải đảm nhận đời sống mình. Qua cung cách sống của nhóm tu sĩ này chúng ta dễ nhận ra mặt nạ của họ, rằng với bề trên thì cung phụng, luồng cúi còn với anh em thì kiêu căng, hống hách… Thái độ sống không trung thực này làm cản trở quá trình hình thành nhân cách đích thực. Chắc hẳn, tính đích thực của nhân cách này không hệ tại ở việc nói năng lỗ mãng hay hành động ngông cuồng nhưng tùy thuộc động lực thiêng liêng thúc đẩy họ ứng xử. Xét cho cùng, động lực thúc đẩy nhóm tu sĩ này hành động hoàn toàn mang tính nhân loại. Vì nếu thực tâm tìm Chúa trong đời tu thì họ đã đón nhận những người anh em khác trong cộng đoàn như hồng ân Chúa ban và qua những người này, họ tiến gần đến Chúa. Trái lại, một đàng họ không dám đối diện với bản thân, đàng khác còn coi tha nhân như phương tiện giúp họ thăng tiến. Tắt một lời, khi không dám sống thực với bản thân và tha nhân thì họ tự tạo một rào cản vô hình trong tương quan với Thiên Chúa.

5.1.2.Lệ thuộc

Nếu hiểu nhân cách là một thái độ tự do chọn cho mình một "linh đạo" riêng thì người lệ thuộc lại thoái thác cuộc đời mình cho người khác. Thay vì lý tưởng đời tu hướng dẫn họ xác tín chỉ lệ thuộc vào Chúa, họ lại chạy theo tiếng khen của người đời. Đó là cách người lệ thuộc tìm cách tránh né thế giới nội tâm, con người đích thực của mình. Bù lại, họ hoạt động không ngừng vì tha nhân và cảm thấy hài lòng vì mình là người có giá trị khi làm ích cho người khác. Họ thích được khen mình là người tốt và cố giữ mãi danh hiệu ấy trước mặt người đời. Vấn đề cốt lõi của họ chính là đời sống tâm linh, vì họ không biết mình và yêu mến mình một cách tích cực.(23)

Nếu như nhân cách được đặt trên nền tảng là tính cá vị của mỗi người thì việc người lệ thuộc đi tìm căn tính mình nơi người khác là điều dễ hiểu. Vì họ chưa bao giờ thực sự sống cho mình trong việc đọc ra những nhu cầu bản thân. Thay vào đó, họ phục vụ quên mình đến nỗi sẵn sàng đánh mất bản thân. Chính khi tìm những

23 X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd, tr.90-91*.

đánh giá tốt của người khác mà họ sẵn sàng đánh đổi tất cả. Họ ví như người Chúa Giêsu đã cảnh báo: *kẻ tìm lời lãi thế gian mà mất mạng sống mình.*

5.1.3.Cầu toàn

Nếu hiểu được ước muốn lớn lao của người cầu toàn là tìm kiếm sự tròn đầy ở đời này thì chúng ta dễ nhận ra thái độ sống thiếu thực tế của họ. Họ có tham vọng xếp đặt mọi sự theo một trật tự chủ quan. Điều này có thể hiểu như việc họ giải một bài toán và có sẵn đáp số. Nhưng họ quên một chân lý này *con người là một huyền nhiệm.* Người ta không thể ngồi yên để tìm đặt ra mọi tình huống trong cuộc sống, rồi tự trả lời bằng những chữ viết vô hồn (kỹ năng sống). Cuộc sống là một cuộc hội nhập từng ngày giữa hiện hữu của mình và hoàn cảnh sống. Kinh nghiệm này người ta phải mua bằng giá máu chứ không phải bằng sự dễ dãi như một đáp số bài toán. Sự giản lược và đóng khung con người trong những khuôn có sẵn chẳng khác gì những người tin vào thuyết tất định. Đó là một sai lầm !

Một tu sĩ cầu toàn không bao giờ chấp nhận tình trạng hiện tại của bản thân. Họ phấn đấu và phấn đấu mà không ý thức sự mỏng giòn của thân phận con người. Một khi chỉ dựa vào sức mình mà không cậy vào Chúa, họ mất đi nguồn trợ lực giúp họ sống tròn đầy trong giây phút hiện tại. Họ chỉ chăm chú vào cái bể chứa vĩ đại chứ không để ý từng gáo nước đầy được đổ vào bể ấy. Bể chứa vĩ đại ấy là biểu tượng của một cuộc đời, còn gáo múc nước là phút sống hiện tại. Thay vì sống tràn đầy phút sống hiện tại, người cầu toàn cứ phấn đấu tìm cách đổ đầy bể chứa vô hình. Họ quên một qui tắc vàng: *từng phút sống tròn đầy sẽ tạo nên một cuộc sống tròn đầy.* Cuối cùng, họ chỉ nhận ra sự bất lực của bản thân mà không ghi nhận những nỗ lực trong từng phút sống. Bởi đó, họ luôn sống trong tình trạng căng thẳng và đầy áp lực. Tác phong lúng túng không giúp họ kiên định trong nhân cách. Hãy múc đầy gáo nước trong từng phút sống của bạn !

Khuynh hướng cầu toàn này lại được hậu thuẫn từ lời mời gọi *anh em hãy nên hoàn thiện.* Tuy nhiên, họ quên rằng người ta chỉ thực sự trở nên hoàn thiện khi chấp nhận và dám sống với thực trạng con người mình trong từng giây phút. Khi người cầu toàn không biết mình đủ, lại đề ra những dự phóng vượt quá tầm với, họ sẽ sống trong ảo tưởng về những khuôn mẫu hoàn thiện (thần tượng và ngẫu tượng) hơn là dấn thân triệt để sống tròn đầy giây phút hiện tại với tất cả tình yêu.

5.1.4.Ghen tị

Khi so sánh mình với người khác về một điểm nào đó, con người thường bị cám dỗ ghen tị. Có nhiều hình thức ghen tị khác nhau: qua lời nói điêu ngoa hay bằng hành vi lỗ mãng thiếu tế nhị…

Có hai đối tượng cần khảo sát: người ghen tị và nạn nhân. Trước tiên, người ghen tị được hiểu là người cảm thấy đau đớn, khi thấy người khác có được những

gì bản thân thèm muốn. Đồng thời, họ muốn chiếm đoạt điều tốt lành ấy nơi người khác và một khi không đạt được ước nguyện, họ phá bĩnh mọi sự.(24)

Chúng ta biết rằng Thiên Chúa đặt để ước muốn nên hoàn thiện trong lòng mọi người. Nghĩa là con người có khuynh hướng nghiêng chiều về sự thiện. Điều này được thánh Augustinô ghi lại trong một lời nguyện: "*Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con cho Chúa và lòng con vẫn còn thao thức cho đến khi được yên nghỉ trong Chúa*". Như thế, đích đến của nỗi khát vọng nơi lòng người là Thiên Chúa, Sự Thiện Tuyệt Đối.

Có thể nói, lòng khát khao ấy là một đòi hỏi chính đáng ! Nhưng thay vì chiếm hữu sự thiện trong mức độ năng lực của bản thân, người ghen tị lại quay sang thèm muốn điều tốt lành nơi người khác. Thật vậy, họ tìm thỏa mãn trong sự vô vọng của con tim. Sự ảo tưởng này làm băng hoại nhân cách của họ.Nhân cách ấy chịu ảnh hưởng của hình ảnh tốt đẹp nơi người kia.

Trong khi đó, nạn nhân chịu sự ghen tị ấy, chuỗi tâm lý diễn ra phức tạp hơn. Đầu tiên, họ chỉ là đối tượng bị ghen tị nhưng sau đó, họ trở thành nạn nhân của lòng ghen tị. Do không được ưu thế như người kia mà kẻ ghen tị quay sang tìm cách hạ nhục họ. Một khi bị công kích kịch liệt, nạn nhân dần dà cũng nghiêng theo mà nghĩ rằng những điều tốt lành nơi mình chẳng đáng gì. Cuối cùng, họ phủ nhận hoàn toàn những cấu tố trong nhân cách của mình, điều đã khiến cho người khác tỏ lòng ghen tị.(25)

Tóm lại, dù là kẻ ghen tị hay nạn nhân, nếu không tỉnh thức đủ cũng dễ bị nghiêng chiều theo sự dữ, tình trạng này sẽ làm ảnh hưởng cách nào đó trên nhân cách mỗi người. Ngoài ra, thói xấu này còn vương hại đến sự hiệp nhất của cộng đoàn dòng tu.

Nhìn chung, những chướng ngại trên đều phát xuất từ chính bản thân. Nếu mỗi người thường xuyên phản tỉnh về những hành vi trong vô thức của mình, dần dà sẽ làm chủ được tình thế và ý thức sống đời dấn thân với tất cả sự tự do và yêu thương.

5.2.Những giai đoạn đời tu

Để thấy được tầm quan trọng của đời sống cộng đoàn như là môi trường, nơi các ứng sinh sẽ sống, sinh hoạt…đến khi trở thành một thành viên thực thụ của một dòng tu nào đó, chúng ta cần xét qua từng giai đoạn với những yêu sách của nó.

24 X. *Sđd*, tr.150-151.
25 X. *Sđd*, tr.163.

5.2.1.Bước đầu đời tu

Thông thường, các dòng đều nhận ứng sinh vào khoảng độ tuổi từ 18 đến 25. Xét về thể lý, đây là giai đoạn trưởng thành của các cơ cấu chức năng trong toàn bộ cơ thể. Tuy nhiên, xét về mặt tâm lý, nghĩa là cảm xúc, ý thức…luôn chịu sự biến động. Khi mới được nhận vào một cộng đoàn tu, ứng sinh như "một trẻ sơ sinh" vừa ra khỏi "bào thai" của gia đình, và được đặt trong một môi trường mới. Như thế, nếu nhân cách được hình thành từ những năm đầu đời thì giai đoạn đầu của đời tu sẽ mang một tầm quan trọng không thể thiếu trong việc hình thành nhân cách một tu sĩ. Những dấu ấn trong giai đoạn này sẽ ăn sâu trong ký ức của họ.

Họ trở nên lạ lẫm với mọi sinh hoạt dòng tu và những tương giao với những người chưa hề quen biết. Với những ứng sinh linh hoạt, đây có thể là môi trường thuận lợi giúp họ thiết lập những tương quan mới. Còn những người thụ động, đó là một cản trở lớn khiến họ sống kép kín hơn. Nhưng đây chỉ là cảm giác ban đầu. Vì nếu ứng sinh thiết tha với ơn gọi, Người sẽ ban cho họ đủ ơn hầu sống triển nở trong mức độ hợp tác với những tác động của Chúa.

Trong giai đoạn này, các nhà đào tạo cần lưu ý hai việc phải giải quyết cách triệt để nếu không, đời tu của ứng sinh khó triển nở và tích cực. Đó là xét lại *động lực ơn gọi* và *làm hòa với quá khứ*. Thật vậy, mỗi ứng sinh đều được Chúa gọi trong một khoảnh khắc khác nhau và những điều kiện thực tế của mỗi người, thế nên, cũng bao hàm một động lực khác nhau trong việc đáp trả. Theo tác giả Philomena Agudo trong cuốn *Ta đã chọn con,* chúng ta có thể chia làm 3 động cơ khác nhau (26):

Động cơ vô thức

Động cơ ý thức

Động cơ siêu nhiên.

Việc xét đến những động cơ này không có nghĩa là các vị đào tạo sẽ dùng đấy để đánh giá tình trạng tâm hồn mỗi ứng sinh. Nhưng là giúp chuyển hướng cho ứng sinh trong hành trình đời tu sau này.

+Động cơ vô thức:

Như chúng ta đã biết, ơn gọi đời sống thánh hiến là ơn gọi siêu nhiên, nghĩa là khởi từ tác động của Thiên Chúa. Tuy nhiên, Người có thể dùng các biến cố nhân loại, ước muốn vô thức, hoàn cảnh gia đình, môi trường sống cũng như các kinh nghiệm cảm xúc, trí thức và thiêng liêng như phương tiện tác động đến ứng sinh.

Khi coi đây là động cơ vô thức, nghĩa là giả thiết chủ thể không ý thức đủ về việc chọn lựa của mình. Chẳng hạn, do sợ trách nhiệm của đời sống hôn nhân khi mục kích từ những gia đình rối mà đương sự quyết định đi tu. Điều này phải được

26 X. Philomena Agudo, *Sđd,* tr.62-66.

ứng sinh đối diện trong giai đoạn đầu của việc đào tạo; từ đó, tự thanh luyện và chuyển hướng hầu giúp đương sự sống đời tu ý nghĩa hơn.

Cũng cần xét đến kinh nghiệm ấu thơ của đương sự và phẩm chất mối tương quan liên vị trong gia đình họ. Có thể do hoàn cảnh gia đình bất hạnh, họ đã từng bị đánh đập…và muốn tìm đến tu viện như chốn an toàn để náu thân. Nếu cảm xúc này không được họ đón nhận và hóa giải thì khi không còn cảm nhận sự an toàn trong đời sống cộng đoàn, họ sẽ dễ dàng bỏ ơn gọi hoặc bám vào thế giá những người có quyền hành trong cộng đoàn.(27) Đây là một nét lệch lạc của nhân cách. Ngoài ra, những kinh nghiệm bất hạnh thời thơ ấu thường làm cho ứng sinh có thái độ tự vệ và tiêu cực.

Thiết tưởng, chúng ta cần bàn thêm về tiến trình hình thành của vô thức để giúp mỗi người nhận ra những tinh tế trong lòng người mà do thói quen nào đó khiến chủ thể đánh mất sự nhạy bén khi đánh giá thực tại này.

Theo Amadeo Cencini (28) có 4 giai đoạn:

-Sự tìm kiếm một thỏa mãn nhỏ

-Sự mập mờ

-Thói quen

-Tự động

(1) Một điều dễ nhận ra nơi những ứng sinh mới vào nhà dòng, họ rất "sốt sắng" như những vị thánh sống vậy ! Đó là dấu hiệu của giai đoạn *uống sữa,* nghĩa là mọi sự xem ra rất dễ dàng và đơn giản. Trong khi đó, họ vẫn mang nhiều "chất đời", thực tế này có thể bị họ lãng quên. Trong mức độ nào đó, họ dồn nén và không dám đối diện với những khó khăn.

Theo nhà tâm lý học Maslow, mỗi người luôn có nhu cầu được nhìn nhận và quan tâm, yêu và được yêu. Điều này xem ra khó cảm nhận, do họ mới thay đổi một môi trường mới. Mặc dù, được sự nâng đỡ của mọi người trong cộng đoàn họ đang sống, nhưng không phải lúc nào cũng cảm thấy thoải mái như ở nhà. Từ đó, khiến họ đi tìm những không gian riêng với một ai đó mà mình cảm nhận dễ gần gũi hơn. Đây là bước đầu được A. Cencini gọi là *sự tìm kiếm một thỏa mãn nhỏ.* Thoạt tiên, tương giao ấy hoàn toàn siêu nhiên vì chúng nhân danh tình huynh đệ. Nhưng dần dà, nó trở nên một sự "gắn kết" không thể tách rời, họ bên nhau như bóng với hình. Đó là dấu chỉ của tình yêu chiếm hữu. Cũng từ đây, họ tìm những không gian riêng vượt khỏi sinh hoạt cộng đoàn. *Sự mập mờ* cũng phát sinh từ đây.

(2) Chúng ta dễ nhận ra *sự mập mờ* trong nếp sinh hoạt và cách cư xử của họ. Với thói quen không trực diện vấn đề của mình, họ có thể dùng nhiều cách lý luận

27 Cái tôi lệ thuộc.

28 Trong cuốn *Giáo dục, huấn luyện và đồng hành*, A Cencini đã bàn đến những giai đoạn này khá tinh tế. Tuy nhiên, vị linh hướng này chưa nhấn mạnh đủ đến cơ chế dồn nén trong quá trình hình thành của vô thức. Xem tr.65-75.

để biện hộ cho cách hành xử của mình. Chẳng hạn, họ cho rằng việc nâng đỡ trong bước đầu của đời tu là một việc hệ trọng, hoặc nhu cầu bộc bạch những quan tâm, yêu thương là nhu cầu chính đáng… Những suy nghĩ đại loại như thế càng làm cho họ mất cảnh giác và sẽ dễ dàng dung túng cho chính mình. Chính những lúc ngụy biện như thế và một khi sự kiện ấy được người khác nhắc nhở và cảnh báo, họ sẽ cố gắng tìm *sự thỏa mãn* này trong sự mập mờ của lương tâm; rằng việc này chẳng có gì xấu xa và một khi không được chấp nhận công khai, họ sẽ sống trong tính trạng núp né và nơm nớp, sợ người khác phát hiện. Bởi đó, tình hình càng thêm nặng nề do bị họ dồn nén từ bên trong.

(3) Theo Đức Đà Lai Lạt Ma, *suy tư thường xuyên dẫn đến hành động, hành động liên lỉ dẫn đến thói quen*. Chính khi nó trở thành *thói quen,* thì chủ thể mất dần ý thức. Cụ thể trong trường hợp trên, họ mất dần sự tự do chọn lựa để gặp gỡ nhau mà nó biến thành một sự ràng buộc không có không được. Quả thật, nơi đâu có thói quen thì mất dần tự do hành động. Điều này kéo theo sự mất kiểm soát những gì đang xảy ra, ngay cả những gì xảy ra sâu kín trong tâm hồn.

(4) Dần dà, mọi sự diễn ra như *tự động*, nghĩa là theo quán tính tự nhiên. Nếu tập quán tốt tự động sẽ giúp hình thành nhân đức thì sự dồn nén thường xuyên tự động sẽ tạo nên một nếp hằn sâu trong ký ức đến một lúc nào đó, nó không còn được chủ thể tự chủ được nữa. Và một khi tự do và ý thức nhường chỗ cho tính tự động, sẽ dẫn đến sự sa đà như một chiếc xe trượt dốc không người lái.

Nhìn chung, bốn giai đoạn trên bao gồm một chuỗi tâm lý mà chỉ những ai dám thực sự đối diện mới tránh được thái độ dồn nén. Chính khi vạch mặt chỉ tên thực tại này, mỗi người sẽ được chữa lành, nghĩa là theo Freud, vô thức được trồi lên khỏi ý thức.

+Động cơ ý thức:

Điều này giả thiết ứng sinh có một đời sống trưởng thành nhất định về trí thức và cảm xúc. Họ tỏ ra là người chín chắn trong khi quyết định với ý thức ơn gọi là một việc hệ trọng liên quan đến định mệnh đời đời. Dù vậy, họ chỉ mới dừng lại yếu tố bề mặt, nghĩa là nhận thấy những thành quả của cá nhân tu sĩ nào đó đã phục vụ. Họ có thể chịu tác động của những nghĩa cử và cung cách phục vụ quên mình của vài dì phước. Có giai thoại kể rằng: một bé gái đến xin vào dòng của chân phước Têrêsa Calcutta.

Mẹ hỏi: "*Con đến đây làm gì ?*"

-Con muốn phục vụ người nghèo như mẹ

Dòng này không phục vụ người nghèo mà chỉ dấn thân phục vụ Chúa trong người nghèo.

Như thế, mẹ đã chuyển ý hướng của thỉnh sinh từ động cơ ý thức đến động cơ siêu nhiên. Thật vậy, mục đích của đời tu là tìm kiếm Thiên Chúa; còn phục vụ người nghèo…chỉ là đối tượng phục vụ giúp mình đạt đến mục đích trên.

Xét cho cùng, động cơ này vẫn còn qui về bản thân.

+Động cơ siêu nhiên:

Chúng ta dễ nhận ra động lực siêu nhiên nơi ứng sinh qua cung cách khiêm tốn khát khao tìm ý Chúa trong mọi sự. Qua đó, chúng ta có thể phân định phần nào về đời sống nội tâm của đương sự ngang qua việc cầu nguyện và tìm ra ý Chúa. Thật vậy, chỉ những ai có một tương giao thực sự với Chúa mới có thể khao khát tìm thi hành ý Người.

Với những ứng sinh được thúc đẩy bằng động lực siêu nhiên, họ tiến mau trên đường hoàn thiện và cộng đoàn là môi trường rất thuận lợi giúp họ dễ dàng vượt qua mọi khó khăn hầu tìm được vị thế của mình trong cung cách phục vụ.

Tóm lại, cả ba động cơ này đều chỉ là cách Chúa dùng hầu giúp đương sự nhận ra tiếng Chúa mời gọi. Và một khi đã vào dòng, họ bắt đầu một cuộc sống mới trong một môi trường mới với những con người mới. Cần tránh thái độ mặc cảm vì mình đã sống thiếu chân thành trên đường tìm Chúa; trái lại, cần sống tâm tình thống hối vì những bất xứng trong quá khứ và quyết tâm sống dấn thân trọn vẹn trong phút hiện tại và phó thác hoàn toàn tương lai trong tay Chúa, Đấng hướng dẫn đời ta.

Nếu những động cơ thúc đẩy các ứng sinh tìm đến một dòng tu nào đó là bước đầu trong cuộc hành trình tìm Chúa thì *việc làm hòa với quá khứ* lại là một tiêu chuẩn đánh giá phẩm tính và thiện chí của các ứng sinh. Thật vậy, lúc trước, sống trong một gia đình luôn còn đó những khó khăn, điều này giả thiết họ mang trong mình những tổn thương của tuổi thơ không sao tránh khỏi. Vì thế, trong giai đoạn này, họ cần thanh luyện và làm hòa với chúng. Chúng ta có thể nhận ra những tổn thương đó qua thái độ hoặc phản ứng tiêu cực của mình. Một nữ tu thường có thái độ chống đối bề trên vì có thể chưa giải tỏa những oán hận, giận dữ… đối với mẹ mình. Hoặc một nam tu thường hay càm ràm, oán trách vì có thể khi xưa họ sống với người cha người mẹ cầu toàn, không bao giờ biết tán thưởng con cái…Những cảm xúc tiêu cực còn tồn đọng nếu không được họ nhìn nhận và làm hòa, sẽ quay trở lại trong giai đoạn sau và như thế, nó có thể mặc một hình thức mới tinh vi hơn; càng dồn nén và tránh né, người ta càng tạo thêm sức ảnh hưởng của nó. Không những nó ảnh hưởng tiêu cực trên đời sống tâm lý mà còn chi phối mạnh mẽ trên đời sống tâm linh; họ khó thiết lập tương giao liên vị với Thiên Chúa tình yêu, vì trong lòng vẫn còn mang thù hận.

Ngoài ra, một trong những yếu tố mà các thỉnh sinh thường gặp khó khăn trong đời sống cộng đoàn: *kỷ luật.* Kỷ luật thường tạo cho mọi người cảm giác gò bó và nặng nề. Nhưng thật ra, nó là những hướng dẫn cụ thể giúp các tu sĩ tìm ra ý Chúa. Nếu không có một thái độ đúng đắn khi tiếp xúc với kỷ luật, chữ viết sẽ giết chết; chỉ có tinh thần mới làm cho sống. Thật vậy, khi chấp vào chữ viết, con người có thể nhân danh lề luật mà đè ép một người anh em. Còn nếu sống tinh thần

của lề luật, họ dễ dàng thông cảm với những giới hạn của người khác vì chính họ nhận ra những giới hạn của bản thân. Thông thường, luật giúp con người tiến đúng và tiến nhanh trên đường hoàn thiện; tuy nhiên, chỉ có luật của con tim mới có thể giúp chữa lành những tâm hồn đau yếu và lầm lạc. Bởi đó, kỷ luật được hiểu đúng nghĩa nhất là phương tiện phục vụ phần rỗi mọi người.(29)

Kỷ luật thường được đề cao trong đời sống tập thể. Điều này không tránh những lạm dụng, vì có người nhân danh lề luật để đồng nhất hóa tập thể. Nói cách khác, họ gián tiếp phủ nhận những khác biệt độc đáo của mỗi cá nhân. Mà chính yếu tố này mới giúp nhân cách được định hình để phân biệt với các nhân vị khác.

Tưởng cũng cần nhắc đến kỷ luật trong đời sống cá nhân, nó giúp cá nhân rèn luyện ý chí và ý thức trong đời sống tập thể. Một người sống kỷ luật giúp kiến tạo một cộng đoàn kỷ luật. Trong đó, mỗi thành viên chuyên chăm chu toàn phần vụ của mình sẽ giúp cộng đoàn tiến mạnh trong sự an hòa. Tất nhiên, tránh thái độ nệ luật thái quá mà bỏ qua tình huynh đệ; lề luật có thể là rào chắn giúp người ta tránh những dịp tội nhưng cũng có thể là rào cản họ đến với anh em. Người ta có thể nhân danh luật ô uế để tránh cứu sống một người anh em gặp đau thương.

Những gì vừa trình bày chỉ mới nêu vài nét khái quát liên quan đến giai đoạn đầu của đời tu. Thiết tưởng, chúng ta cần ghi nhận những gợi ý của Cha A. Cencini, chuyên gia tâm lý học và đạo tạo người Ý. Ngài chia làm 3 giai đoạn: *thỉnh sinh, tập sinh* và *khấn tạm.(30)*

(1) Thỉnh sinh

Thông thường, một thỉnh sinh vừa gia nhập cộng đoàn, họ ấp ủ một ước mơ hoàn thiện nào đó, cả những tham vọng thiêng liêng; rồi khi được ơn Chúa nâng đỡ, họ ảo tưởng mình đã thánh thiện và tốt lành đáng được Chúa yêu thương…Trong giai đoạn này, họ cần phải tiễu trừ những suy nghĩ ấy. Nói như Cha A. Cencini, họ phải đối mặt với cái chết. Đó là cách biết mình một cách sâu xa từ những động lực bên trong; đó là cái chết của con người cũ. Chỉ khi chấp nhận khám phá ra những quái gở và tổn thương của mình, đương sự mới thực sự sẵn sàng tiếp nhận những mặc khải mới trong một môi trường mới là cộng đoàn dòng tu. Một điều duy nhất thúc đẩy khiến họ dễ dàng chấp nhận tiến trình lột xác này là niềm khát khao tìm Chúa và phụng sự Người trong một cộng đoàn; nếu không, đó chỉ là một sự thay đổi ngoại diện mang tính tức thời. Như thế, họ có nguy cơ vẫn

---

29 Truyện kể rằng, ông Brown, là người đã sáng chế và cung cấp thuốc cho bệnh nhân cùi, đồng thời cũng là vị ân nhân của trại phong. Một hôm, ông đến thăm trại phong, vì muốn tỏ tình liên đới với họ, ông giơ tay và ra hiệu bắt tay một bà lão, nhưng bà liền rút tay lại. Người hướngdẫn đoàn khách cho biết luật trong trại không cho bệnh nhân bắt tay khách để tránh lây lan bệnh. Tuy nhiên, ông liền hỏi: "*Luật cấm khôngcho bắt tay, chứ có cấm cho ôm hôn không ?"* Mọi người đều im lặng và theo dõi từng cử động động của ông. Ông đã choàng tay ôm bà lão. Tức thì mọi người đều nhốn nháo chạy đến vây quanh ông, người bắt tay, kẻ hỏi thăm và họ xúc động vì nghĩa cử ấy.

30 X. Amedeo Cencini, *Sđd,* tr.47-52.

còn mang những thói đời ấy bên mình và ảnh hưởng đến toàn bộ hành trình tiếp theo.

Sau khi phân tích sơ bộ về động lực vô thức, chúng ta nhận ra những giới hạn của một ứng sinh hoàn toàn tự do để thực sự đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa là một điều bất khả. Bởi đó, chỉ khi ứng sinh khiêm tốn nhìn nhận những ấu trĩ, yếu đuối, lầm lỡ…của mình mà sẽ được Chúa ban ơn giúp sức để có thể tiến bước trong hy vọng.

(2) Tập sinh

Khi mặc áo tập sinh, đồng nghĩa với việc đương sự chết đi với con người cũ và mặc lấy con người mới. Từ đây, tập sinh tập sống theo khuôn mẫu của Chúa Kitô, nói theo thánh Phaolô, họ mặc lấy tâm tình của chính Đức Kitô hay nên đồng hình đồng dạng với Người (tất nhiên, chúng ta không loại trừ những yếu đuối của thân phận con người). Nếu như trong giai đoạn thỉnh sinh, đời sống thiêng liêng được xây trên nền của cái tôi vị kỷ thì bước sang giai đoạn này, cái tôi ấy đã mặc lấy chính Đức Kitô – là căn tính đích thực của hiện hữu mình. Như thế, việc chuyển hướng vị trí trung tâm có thể là một cuộc khủng hoảng tinh thần, nhưng đây lại là dịp thuận lợi giúp đương sự bám vào Chúa hơn. Sự tùy thuộc vào Chúa như thế, lại là cách tập sinh sống thật sự tự do. Thật vậy, tự do đích thực là tự do trong Chúa, Đấng đã ban cho con người hồng ân cao cả này để có thể tự do yêu mến và đáp trả tiếng mời gọi đến từ Người.

Với bản tính yếu đuối và mỏng giòn, mỗi tu sĩ cần thường xuyên sống lại "tình yêu thuở ban đầu". Đó là lý do mà các nhà đạo đức thường khuyên một tu sĩ: *luôn luôn ý thức mình là một tập sinh trong trường phụng sự Chúa.*

(3) Khấn tạm

Căn nhà đã được tái cấu trúc nhưng còn trống trải, nó cần phải được trang trí bằng những việc lành với những nhân đức trổi vượt dựa trên ba lời khấn. Họ chấp nhận sống nghèo như Đức Kitô nghèo; họ khiết tịnh như Đức Kitô hằng qui hướng về Chúa Cha; họ vâng phục như chính Đức Kitô lấy ý Cha làm lương thực cho đời sống mình. Đó là cách biểu hiện đẹp nhất về sự tự do trong Chúa.

Nhìn chung, đây chỉ là giai đoạn đầu trong tiến trình đào tạo để chuẩn bị tư thế sẵn sàng cho giai đoạn khấn trọn trong việc *tự đào tạo* và *thường huấn.*

5.2.2.Khấn sinh

Sau khi trải qua giai đoạn đầu thử luyện và đào tạo, các ứng sinh đã hiểu biết về những đòi hỏi trong linh đạo và thói tục của đời sống cộng đoàn họ đang sống. Họ đi thêm bước nữa là quyết định dấn thân trọn vẹn với tư cách là một tu sĩ thực thụ của một cộng đoàn. Từ đây, họ có thể tiếp tục giai đoạn đào tạo nhưng phần lớn đòi buộc ý thức bản thân. Nói cách khác, họ tự đào tạo trong đời sống kỷ luật bản thân.

Giai đoạn này thường kéo dài đến hết tuổi trung niên. Có thể nói, đây là thời điểm các tu sĩ thể hiện bản thân mạnh nhất. Họ là những người nắm vai trò điều khiển trong cộng đoàn vì thời gian đã đem lại cho họ sự hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm được mua bằng máu. Theo khuynh hướng tự nhiên của lứa tuổi, các tu sĩ trong tuổi trung niên thường bị cám dỗ về quyền lực. Điều này nếu không được đương sự ý thức quyền lực để phục vụ cộng đoàn, sẽ dẫn đến thái độ trực thượng, mất quân bình trong các tương giao; khi đó, người ta dùng "quyền" mà "hành" nhau. Hệ lụy kéo theo là thái độ bất mãn, bất hợp tác, như thế, làm ảnh hưởng bước tiến của cộng đoàn.

Vào giai đoạn này, thể lý xuống cấp, họ phải đối diện với những bệnh tật, điều này nếu được tu sĩ chuẩn bị tâm lý kỹ lưỡng, nghĩa là kiên nhẫn chịu đựng và tận dụng nó làm giàu khó tàng thiêng liêng. Có thể, đời sống cầu nguyện của họ cũng được tiến triển về số lượng và chất lượng. Có thể nói, cầu nguyện trong đau khổ là lời cầu nguyện tinh ròng nhất. Hoa quả của đời sống chiêm niệm này là sống bao dung với mọi tương quan. Họ dễ dàng cởi mở và chia sẻ những kinh nghiệm tâm linh hầu giúp thêm nhiều người cảm nghiệm tình yêu Chúa.

5.2.3.Tuổi già

Thật bất hạnh cho tu sĩ nào, trước đây, không thiết lập một tương quan liên vị mật thiết với Thiên Chúa, họ sẽ cảm thấy mình vô ích đối với mọi người trong tuổi già thay vì ý thức mình là kho tàng tâm linh của cộng đoàn. Tuổi già đi đôi với sự khôn ngoan và kinh nghiệm, họ sống nhiều hơn nói, chiêm nghiệm nhiều hơn là lý sự. Sống đến tuổi này, họ là hồng ân Chúa ban cho cộng đoàn. Vì một cộng đoàn không còn vị cao niên và những gương lành khích lệ tu sĩ trẻ sẽ là một thiệt hại rất lớn về mọi phương diện cho cộng đoàn.

Niềm hạnh phúc của các tu sĩ cao niên được thể hiện qua thái độ chấp nhận mọi sự khốn khó và cả cái chết gần kề. Chính thái độ ấy nói lên một đời sống yên hàn và phó thác trong tay Chúa.

Trong Tông huấn Vita Consecrata số 44, các nghị phụ cũng dành một sự trân trọng với những tu sĩ già, rằng: "*Họ đáng được trân trọng và ân cần săn sóc không phải chỉ vì do một bổn phận công bằng bác ái và do lòng tri ân, nhưng những cử chỉ đó muốn diễn tả niềm xác tín là chứng tá của những vị cao niên rất có ích cho Giáo Hội và tu hội, và sứ mạng của họ vẫn còn đáng giá và đầy công đức, cho dù vì tuổi tác và bệnh tật, họ đã phải rời bỏ việc làm. Chắc chắn các vị đó có nhiều kho tàng khôn ngoan và kinh nghiệm để cống hiến cho cộng đoàn, nếu cộng đoàn biết gần gũi, ân cần săn sóc họ và lắng nghe họ*".

Ba giai đoạn đời tu vừa trình bày sẽ được bổ túc bằng các tiêu chuẩn của ba lời khấn. Những thách đố được nêu trên lại càng giúp mỗi người ý thức về vai trò của ơn Chúa trong đời sống thánh hiến. Những tiêu chuẩn đề ra phải giúp mỗi tu sĩ

sống và tạo lập thế quân bình trong đời sống. Đó là điều kiện giúp hình thành nhân cách đời tu.

5.3. Tiêu chuẩn (31)

Theo tông huấn Vita Consecrata, tiêu chuẩn này được đánh giá dựa theo ba lời khuyên Phúc Âm. Nó là cách thức mà người sống đời thánh hiến phải theo sát Đức Kitô. Điều này không có nghĩa là rập khuôn cách máy móc nhưng phải biết linh động và sáng tạo theo khuynh hướng, tư chất… độc đáo và duy nhất của mỗi người. Điều thiết yếu là nên một tinh thần trong Đức Kitô.

5.3.1.Tự do đáp trả lời mời gọi

Nhân cách đời tu đòi buộc khấn sinh phải thực hiện một cuộc *biến chuyển* triệt để. Thật vậy, với một giáo dân bình thường, họ có thể nhân danh bản thân để đi tìm danh vọng, danh dự…đó là cách họ khẳng định bản thân trong đời sống xã hội miễn là tuân theo những chỉ dạy của Giáo hội. Còn khấn sinh một khi chấp nhận yêu sách của đời sống thánh hiến, họ phải hành động mọi sự đều qui về Đức Kitô. Thánh Vịnh thật chí lý khi nói về họ: "*Xin đừng làm rạng rỡ chúng con, vâng lạy Chúa, xin đừng, nhưng xin cho danh Ngài rạng rỡ"* (Tv 113b,1). Có thể nói, đây là cuộc từ bỏ quyết liệt nhất vì nó liên quan đến nhu cầu *muốn mọi người biết đến*. Theo bản tính tự nhiên, có ai làm một điều gì thành công mà không muốn người đời khen ngợi. Thế mà, mọi sự tốt lành đều qui về Chúa.(32) Đó mới là nhân đức đích thực và nhân cách trưởng thành.(33)

Bởi đó, sống trọn vẹn *chữ Danh* trong đời tu là một cuộc chinh phục đáng kể. Như thế, chúng ta mới rõ đời tu là một cuộc lội ngược dòng. Thật vậy, trong khi người đời đi tìm *danh* cho chính mình, người sống đời thánh hiến lại sống cho *Danh Cha cả sáng.* Điều này liên quan trực tiếp đến ý chí tự do của mỗi người.

Nhiều người cho rằng khi khấn vâng phục, tu sĩ bị tước đoạt tự do. Bạn nghĩ sao ?

---

31 Đúng ra, phần này cần trình bày chi tiết hơn bằng cách mô tả chuỗi tâm lý của các tu sĩ. Tuy nhiên, việc mô tả không tránh sự phiến diện vì theo C.Jung có 8 mẫu người, như thế, phải có 8 chuỗi tâm lý khác nhau; ngoài ra, còn phải nhấn mạnh đến tính độc đáo của mỗi nhân vị. Đây không phải là điểm nhấn của người viết. Thế nên, để khái quát hơn và tránh những điều vừa nói, người viết chỉ nêu bật những nét khái quát như một gợi ý giúp bạn độc dễ nắm bắt vấn đề.

32 X. *Tu luật cha thánh Biển Đức,* chương 4, câu 42.

33 Chúng ta đừng ngạc nhiên đôi khi nhân đức và nhân cách đời tu được đồng hóa và trộn lẫn vào nhau. Vì xét cho cùng, cả hai đều được nhào nặn trong đời sống siêu nhiên. Nếu có sự khác biệt thì duy ở yếu tố nội tại và ngoại tại. Đúng thế, nhân đức là những gì bao gồm một động cơ siêu nhiên được thúc đẩy từ bên trong, còn nhân cách được hiểu là những hoa trái được thể hiện qua hành động cụ thể và đặc thù của chủ thể.

Nếu hiểu tự do là muốn làm gì thì làm hoặc điều gì tôi cho là tốt, là hay tôi tự chọn (chủ quan) thì việc khấn vâng phục quả là một sự tước đoạt khắc nghiệt nhất. Như thế, chúng ta phải hiểu tự do theo nghĩa nào ?

Tự do là *một cuộc ra khỏi chính mình*. Ngày nào con người còn quay quắt trong ốc đảo cá nhân thì sẽ tạo nơi mình một không gian biển chết. Ngày nào con người còn ích kỷ chỉ lo danh dự bản thân đồng thời chà đạp và làm tổn thương người khác thì không thể lớn lên và trưởng thành. Thật vậy, con người không tự đủ cho chính mình. Điều này giả thiết con người cần đến sự trợ giúp của tha nhân. Nói cách khác, con người phải ra khỏi mình để dấn thân phục vụ cho một thực tại lớn hơn bản thân. Bạn cần tâm niệm: *chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân*. Bản thân mà chúng ta gặp lại là chính hình ảnh Thiên Chúa trong ta. Vì mỗi lúc quên mình, ra khỏi mình, chúng ta làm cho sự thiện trong mình hiển hiện luôn.

Nếu như người đời chỉ nghĩ đến chuyện: *làm lành lánh dữ,* nghĩa là chọn lựa giữa điều thiện và điều ác thì tu sĩ phải chọn lựa giữa muôn vàn sự thiện để chiếm được sự thiện cao nhất. Mà sự thiện đệ nhất là ý muốn của Thiên Chúa, là ơn cứu độ. Đây là cuộc chinh phục nhằm đạt đến sự tự do đích thực của con cái Thiên Chúa. Nhưng con người theo tự nhiên khó vâng phục bề trên mà có khi còn kém năng lực hơn ta. Bởi đó, thánh Phanxicô Salê đã khẳng định: "*Vâng phục là một cách tử vì đạo anh hùng nhất, bởi vì chẳng phải chỉ chết một lần, mà phải chết liên miên suốt cả đời".* Như thế, hiến tế ý riêng là hành động tử đạo bằng tình yêu cao cả và đáng trân trọng nhất. Quả thật, chính khi chấp nhận từ bỏ ý riêng, điều làm nên nhân cách độc đáo bản thân thì khấn sinh lại tìm được nhân cách đích thực trong Đức Kitô, Đấng đã chấp nhận suốt đời thi hành ý muốn cứu độ của Chúa Cha.

Cũng có một vài quan niệm cho rằng con người có tự do tuyệt đối. Có thể nói, chính tội lỗi là câu trả lời cho giới hạn tự do của con người. Vì tự do tuyệt đối không thể chọn sự xấu nhằm hủy hoại bản thân. Điều mà chủ nghĩa nhân bản ngoại giáo đề ra thì đã được thánh giáo phụ Biển Đức trả lời qua việc vâng phục: "*…nhờ gắng công vâng phục, con trở về với Đấng, con đã xa lìa vì ươn ái bất tuân...dù con là ai, hãy đoạn tuyệt ý riêng, mà lấy khí giới mạnh mẽ oai hùng của đức vâng phục, để chiến đấu cho Chúa Kitô, Vua chân thật".(34)* Từ đó, tác giả cho thấy con người lạm dụng tự do mà bất tuân lệnh Chúa. Và một khi còn nằm dưới tay quyền năng của Người, con người không có tự do tuyệt đối. Bởi đó, như chúng ta đã đưa ra một định nghĩa, tự do là ra khỏi chính mình để mở ra cho thực tại lơn hơn bản thân là chính Thiên Chúa.

Một khi tu sĩ trải qua giai đoạn đức tin trong nhân cách tôn giáo để tiến đến việc khấn giữ lời khấn vâng phục, chắc hẳn, trong đức tin, họ nhận ra đâu là ngẫu

34 *Tu luật Cha Thánh Biển Đức,* Lời mở đầu.

tượng, đâu là ý riêng và đâu là tự do đích thực để thuận theo ý Chúa. Nếu như trong nhân cách tôn giáo, người tín hữu tin rằng sự hiện diện của Chúa trong cuộc đời mình thì nơi nhân cách đời tu, khấn sinh phải tin rằng vị bề trên đại diện cho Chúa ở trần gian. Như thế, trong giai đoạn này, khấn sinh chọn giải pháp đức tin để có thể giải thoát mình khỏi ngẫu tượng và ý riêng. Cuộc sát tế này không phải một hai ngày nhưng là cho đến chết. Bởi đó, đời tu là một cuộc tử đạo liên lỉ !

Tóm lại, trong khi con người thời đại đi tìm hư danh và tự do hành động thì người sống đời thánh hiến chọn đức vâng phục như cách để chữa lành vết thương cho bản thân và nhân loại. Như thế, đức vâng phục là một trong những nét đẹp của nhân cách đời tu thể hiện sự tự do đáp trả lời mời gọi đến từ Thiên Chúa, Đấng lớn hơn bản thân ta.

5.3.2.Ước muốn chiếm hữu

Truyện kể rằng: có một người đàn bà trong thời kỳ cho con bú, chẳng may bị bệnh tắc sữa. Bà đã đi chạy quanh làng để xin người đàn bà kia cũng đang thời gian nuôi con thơ. Bà này đã đồng ý. Và khi đem đứa bé đến cho bú nhờ một bên vú, đứa nhỏ con bà này vùng vẫy đẩy đứa bé kia ra không cho bú.

Qua sự kiện đó, chúng ta thấy rằng: Dường như có một ước muốn chiếm hữu để giành vị trí độc tôn nơi con người.(35) Điều này cũng được xác thực qua những biểu tượng trong Kinh Thánh. Thật vậy, ông bà Nguyên Tổ đã ăn trái cấm muốn "chiếm hữu" cả sự dữ lẫn sự lành và muốn bằng Thiên Chúa. Chưa hết, ước muốn ấy còn thể hiện qua việc Adam đặt tên cho muôn loài và tự nhận chủ quyền trên chúng. Ngoài ra, ước muốn chiếm hữu ấy còn được diễn tả qua lệnh truyền mà Thiên Chúa đã tuyên bố: "*Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất và thống trị mặt đất. Hãy làm chủ cá biển chim trời và mọi giống vật bò trên mặt đất"* (St 1,28).

Như thế, ước muốn này không thể bị hủy hoại vì nó gắn liền với bản tính con người. Quả thật, ước muốn quá độ có thể dẫn đến tình trạng đau khổ, nhưng không vì thế, người ta có thể diệt dục để hết đau khổ và được giải thoát. Điều thiết yếu là phải biết *chuyểnhướng*. Kinh nghiệm của các thánh cho thấy: thánh Phaolô đã diễn tả hành trình tâm linh như một cuộc chạy đua hầu chiếm đoạt được Đức Kitô (x Pl 3,12-13); còn thánh Tê rê sa thành Avila đã nói: "*con nay thuộc về Chúa, Chúa nay thuộc về con"*. Trong khi đó, thánh Bônaventura quả quyết rằng *chính Thiên Chúa là đối tượng mà lòng con người hằng khao khát hiểu biết và chiếm hữu.(36)* Cũng vậy, mỗi tu sĩ phải thực hiện một cuộc chuyển dịch đối tượng: thay vì mong chiếm đoạt mọi sự chóng qua ở trần gian, họ qui mọi ước muốn về Đức Kitô, Đấng

35 Đây là tiền đề giúp chứng minh tính độc đáo của một nhân vị.

36 X. Thánh Bonaventura, *Lộ trình tâm linh lên cùng Thiên Chúa,* bản dịch của Norberto Nguyễn Văn Khanh, tr.40

làm chủ tâm hồn mọi người. Đây là bước quyết định và đòi hỏi gắt gao của một nhân cách đời tu.

Để được thế, các nhà tu đức khuyên: *hãy thực hiện một cuộc từ bỏ*. Lúc này, hành trình tâm linh như một cuộc leo núi, người ta phải bỏ mọi thứ kềnh càng làm cản trở cuộc chinh phục đỉnh cao. Tất nhiên, từ bỏ không chỉ là "từ bỏ", nghĩa là trở nên trắng tay, nhưng là nhắm đến một cuộc chọn lựa lợi ích hơn cách nào đó trong bậc thang giá trị chủ quan. Ở đây, khấn sinh từ bỏ mọi sự để quyết chọn Chúa làm gia nghiệp đời mình.

Nhưng qua cuộc sống của thánh Phanxicô Assisi, chúng ta nhận thấy sự từ bỏ không được nhấn mạnh bằng yếu tố kết duyên. Thật vậy, tuyên truyền cho rằng thánh nhân đã thoát y trước mặt mọi người trong nhà nguyện và việc Đức Cha đã lấy phẩm phục của mình mà bao bọc thánh nhân. Nếu chỉ dừng lại nghĩa đen, chúng ta có thể nhận thấy sự bất kính trong không gian nhà nguyện là nơi thờ phượng, nơi người ta biểu lộ sự cung kính trang nghiêm hết sức có thể, thế mà thánh nhân lại thoát y trả lại mọi sự cho người cha trần gian; còn việc Đức Cha lấy lễ phục mà che đậy thân xác trần trụi của thánh nhân không phải là một cử chỉ đẹp trong phụng vụ. Thiết tưởng, chúng ta phải đọc tiểu sử các thánh trong bối cảnh thời Trung cổ, thời kỳ quá chú trọng và đề cao đời sống các thánh bằng phương pháp ước lệ. Chúng ta cần giải thích những sự kiện này theo nghĩa biểu tượng. Đúng thế, qua việc thánh nhân thoát y trần trụi, Giáo hội muốn đề cao sự từ bỏ triệt để nơi ngài; và qua việc che chở của vị Giám mục, chúng ta hiểu rằng việc thánh nhân sống khó nghèo triệt để được Giám mục, là người đại diện Giáo hội, chứng nhận…Và như chúng ta đã nói, việc từ bỏ triệt để của thánh nhân giả thiết một cuộc chọn lựa quyết liệt với Đức Kitô, Đấng trở nên nghèo để lấy cái nghèo của mình mà làm cho chúng ta trở nên giàu có.

Để thực hiện một cuộc chọn lựa là kết duyên với Bà Chúa Nghèo, thánh nhân đã ôm lấy tất cả vũ trụ tạo thành vào trong hiện hữu của mình. Thật vậy, mỗi tạo vật đóng một vai trò cần thiết trong đời sống của ngài. Ngài gọi anh mặt trời, chị mặt trăng…Tựu trung, ngài khám phá Thiên Chúa trong mọi sự và chiêm niệm Người khắp mọi nơi. Chính nhờ việc kết duyên với Bà Chúa nghèo mà ngài đã trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô chịu đóng đinh, qua việc chịu 5 dấu thánh.

Như thế, nhân cách đời tu được thể hiện nơi thánh Phanxicô không hệ tại việc ngài đã mặc bộ áo tả tơi đi khắp thành Assisi để cao rao tình thương Chúa nhưng đã được thấm nhập trong chính niềm vui Tin Mừng, niềm vui của người đã kinh nghiệm thần bí trong cuộc kết duyên với Bà Chúa nghèo là chính Đức Kitô.

Qua đó, chúng ta thấy nổi bật nhân đức cậy nơi thánh nhân. Cái *lợi* lớn nhất trong đời một tu sĩ là cậy vào Chúa, Đấng là gia nghiệp đời mình. Trong khi người đời cậy dựa vào của cải thế gian thì các tu sĩ lại cao rao niềm vui nội tâm của người sống tinh thần nghèo khó. Đó là một thách đố mà họ chỉ tìm được giải đáp thực sự

nơi cái chết trần trụi của Đấng Phục sinh. Điều mà thánh Phanxicô đã chiêm niệm và chứng nghiệm trong cuộc đời của mình.

5.3.3.Con tim không chia sẻ

Nếu chỉ hiểu hạn từ này theo nghĩa chữ viết thì xem ra người có tâm tình này là một nhân cách lệch lạc, nhân cách "tù túng". Thật vậy, một nhân cách đích thực phải khả dĩ mở ra cho mọi tương quan và lớn lên trong những lần gặp gỡ. Thế mà, một con tim không chia sẻ lại cuộn tròn trên bản thân. Chắc chắn, đây không phải là một nhân cách thể hiện tình yêu trinh khiết. Tình yêu trinh khiết của một con tim thực sự không chia sẻ phải biết qui về Đức Kitô. Nếu Người sống hết tình với tôi đến chết trên thập giá thì tôi cũng phải sống hết mình với Người qua việc chọn Người là đối tượng duy nhất của lòng tôi. Như thế, chúng ta mới hiểu phần nào: lý do mà thánh Têrêsa HĐGS mặc dù sống trong bốn bức tường của dòng Kín Cát Minh lại được Giáo hội đặt làm bổn mạng các xứ truyền giáo. Thật vậy, tình yêu đích thực vượt mọi rào cản của không gian và thời gian để đem đến cho mọi người phúc lành của Chúa. Một con tim không chia sẻ thì hướng trọn về Chúa và tìm mọi sự trong Người. Nếu hiểu theo nghĩa này, Têrêsa trở nên nhân cách trọn hảo trong đời sống thánh hiến. Nhân cách ấy vẫn còn được người đời ca tụng dù không còn hiện hữu trên cõi đời.

Nếu như giai đoạn *hiệp thương* của nhân cách tôn giáo mời gọi các kitô hữu thiết lập một tương quan với Đức Kitô thì trong nhân cách đời tu này, các tu sĩ phải biểu lộ tình yêu của mình bằng một con tim không chia sẻ, nghĩa là dâng trọn cho Chúa mối tình khiết trinh. Nhờ đó, họ mặc lấy tâm tình của Đức Kitô, sống hy sinh và chia sẻ giọt máu cuối cùng cho nhân loại. Vẫn còn đó những *lạc thú* luôn mời gọi con người. Đó là bài trắc nghiệm cho những ai đi tìm sự hoan lạc trong Thánh Thần.

Chúng ta đã khảo sát sơ lược về ba nhân đức hướng Thần khi đối chiếu với ba lời khuyên Phúc Âm, nhưng trong thực tế, đời sống tâm linh của một tu sĩ không thể tách biệt các chiều kích này được. Bởi đó, tu sĩ sống đức tin trong sự vâng phục vào Bề Trên, người đại diện Chúa ở trần gian, đồng nghĩa với việc họ sống phó thác vào sự quan phòng của Chúa (đức cậy) và nhân danh Người mà sống yêu thương trong mọi chiều kích tương quan. Có thể nói, đó là chất liệu giúp họ hình thành nhân cách trong một cộng đoàn đặc thù.

6.CỘNG ĐOÀN GIÚP HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH ĐỜI TU

Có thể nói, cộng đoàn là thửa đất, là môi trường giúp tu sĩ lớn lên, tăng trưởng và định hình nhân cách. Nếu cộng đoàn bị biến chất hay giả danh làm nên những phần tử lệch lạc thì một cộng đoàn huynh đệ và lành mạnh sẽ là chất xúc tác giúp

mỗi tu sĩ tìm ra căn tính của mình và thể hiện chúng bằng đời sống đượm tình bác ái yêu thương theo gương Đức Kitô, Đấng hiến mình vì yêu thương nhân loại.

6.1.Cộng đoàn là một hồng ân

Mỗi người thuộc mọi chi tộc, thuộc mọi nước mọi dân được qui tụ về đây trong một cộng đoàn là dấu chỉ của hồng ân Chúa. Mỗi người lắng nghe tiếng gọi và đáp trả trong mỗi hoàn cảnh đặc thù nhưng đã được qui tụ nhân danh Chúa. Nếu mỗi người cảm nghiệm sâu xa về hồng ân thánh hiến Chúa dành cho mình thì những giọng nói, tính khí, văn hóa… khác nhau là một thực tại làm phong phú cộng đoàn. Tuy nhiên, thực tế cộng đoàn bao gồm những con người yếu đuối xác thịt không tránh những xung khắc. Nhưng sự cọ xát ấy là dịp thử luyện xem ai là nhân đức thật. Chính trong sự khắc nghiệt ấy mà nhân cách được đào luyện và trưởng thành hơn.

Nhân cách đích thực đòi buộc mỗi cá nhân phải hiểu biết và lớn lên trong các mối tương giao. Nghĩa là biết mình và biết người. *Biếtmình* từ tình tình, nhu cầu, ước muốn…để điều hướng cho phù hợp bước tiến của cộng đoàn. Nếu không biết đủ chiều kích nội tại này, bản thân có thể tiến chậm hoặc lạc đường mà dần dà cảm thấy như bị loại trừ hay bỏ rơi. *Biết người* cũng dựa trên như những tiêu chuẩn của cá nhân để hợp tác trong sự đồng bộ và bổ khuyết trong sự khác biệt lẫn nhau. Khó khăn, thách đố lúc nào cũng có nhưng một nhân cách đích thực luôn hiểu biết những biến chuyển thời đại hầu vượt qua vì *biết người biết ta trăm trận trăm thắng* mà chiến thắng lớn nhất là làm tỏa sáng nhân cách trong miền sỏi đá cằn khô.

Chính khi xác tín đời sống cộng đoàn là một hồng ân mà mỗi thành viên trong đó sống chiều kích đức tin, kết hợp siêu nhiên trong tự nhiên để tạo thế quân bình trong đời sống. Mỗi người mang hình ảnh của Thiên Chúa và chỉ có sự kết hợp trọn vẹn trong cộng đoàn mới là cho hình ảnh ấy sống động. Thiên Chúa mặc khải nơi mỗi người một cách, thế nên việc mỗi cá nhân dám đảm nhận trách nhiệm trong việc đào luyện bản thân, sẽ làm sáng tỏ nét độc đáo của một nhân vị trong cộng đoàn, nhờ Thánh Thần.

Nếu chỉ hiểu cộng đoàn là một hồng ân theo nghĩa ngoại diện thì số đông, một cộng đoàn lớn thì càng nhiều hồng ân. Điều này dễ tạo cho các thành viên một thái độ dững dưng và an phận vì không có mình thì đã có người khác. Dần dà, họ đánh mất tính độc đáo của bản thân và vị thế của mình trong đời sống chung. "*Không có mợ, chợ vẫn đông"* là cách hiểu của những người này. Nếu cộng đoàn có 50 người mà 49 người nghĩ như thế thì chẳng có mợ và có chợ đâu ! Vì thế, chúng ta cần đẩy mạnh tinh thần của từng cá nhân khi nhận định về tinh thần, hướng đi chung của mọi người mà giúp xây dựng cộng đoàn yêu thương. Đó là phẩm chất của một cộng đoàn.

6.2.Cộng đoàn yêu thương

Có thể nói, yêu thương là phẩm chất của nhân cách đời tu. Không có nơi nào cần thể hiện tình thương mến bằng nơi cộng đoàn tu trì, vì nơi bản thân họ phải là chứng tá tình yêu của Chúa ở trần gian. Có những người sành tâm lý, họ biết cách giao tiếp và làm hài lòng mọi người; như thế chưa đủ. Vì đó chỉ là yếu tố đòi buộc của đời sống nhân bản. Để tiến đến nhân cách đời tu, họ phải sống tích cực trên bình diện đức tin. Nghĩa là họ yêu thương người khác không chỉ vì đã được yêu thương mà còn vì họ đã cảm nghiệm tình Chúa yêu thương. Thế nên, động lực thúc đẩy họ sống đời tu cách tích cực và hữu hiệu hơn cả là tình yêu Chúa.

Cũng vì tình yêu, họ coi cộng đoàn là nhà mình, nơi đây, họ thực hiện mọi dự phóng của cộng đoàn nhằm thăng tiến từng cá nhân. Nơi đây, mọi người chấp nhận họ như *họ là*, nghĩa là cả ưu điểm và khuyết điểm đều được cộng đoàn nhìn nhận. Nói cách khác, họ được sống với tất cả con người giới hạn của mình. Có thể nói, sống thật với chính mình như thế là một trong những nét đẹp của nhân cách đời tu.

Ngoài ra, sự kiên nhẫn và lòng trắc ẩn cũng góp phần tô điểm nét đẹp nội tâm. Người già kiên nhẫn và lắng nghe người trẻ, ngược lại, người trẻ yêu thương và tôn trọng người già. Chính trong viễn tượng này, tình yêu khỏa lấp muôn vàn tội lỗi. Thật vậy, một cộng đoàn yêu thương là *có phúc cùng hưởng, có họa cùng chia.* Không có một chi tiết nhỏ mọn nào của cá nhân mà không thuộc về cộng đoàn. Cũng vậy, một nhân cách triển nở thì cộng đoàn tăng tiến.

Theo khuynh hướng tự nhiên, chúng ta yêu thích những ai hợp với quan điểm của mình, điều này dễ tạo nên "các bè phái". Người ta dễ đón nhận người này mà tẩy chay người khác. Chúng ta có thể khắc phục tình trạng này khi nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và thán phục những ưu điểm của người khác. Bạn hát rất hay nhưng đàn rất tồi, còn người kia thì đàn rất điêu nghệ. Cả hai cùng hòa trong một tổng thể sẽ giúp tác phẩm của cộng đoàn được phong phú hơn. Cũng từ đó, chúng ta có thể suy ra những chiều kích sâu xa khác trong đời sống chung mà mỗi người cần được tôn trọng và yêu thương.

6.3.Cộng đoàn hiệp thông

Hiệp thông không dừng lại ở dấu chỉ bề mặt là đồng tâm hợp lực giúp cộng đoàn tăng tiến mà tùy thuộc ở *cảm thức thuộc về* của từng cá nhân. Tôi thuộc về cộng đoàn vì cộng đoàn này đã cưu mang tôi. Tôi thuộc về cộng đoàn này vì cộng đoàn này là thành phần của hiện hữu tôi. Cảm thức này được giải thích bằng việc *tu sĩ ở đâu cộng đoàn ở đấy*. Có thể nói, họ nhân danh cộng đoàn mà làm mọi sự. Với xu hướng chủ nghĩa cá nhân thời nay, sống *cảm thức thuộc về* là một thách đố lớn.

Cảm thức này gắn liền với nhu cầu an toàn trong cuộc sống. Thật vậy, với thời gian, con người nghiệm ra rằng bản thân bất lực nên cần đến sự che chở của tha nhân. Từ đó, cảm thức thuộc về là một nhu cầu cấp thiết đi sau việc con người đã tìm được sự bảo đảm nhờ miếng cơm manh áo.(37) Tuy nhiên, không vì thế, cá nhân mất hút trong tập thể. Mỗi ngày bản thân cần khẳng định vai trò không thể thay thế của mình trong cộng đoàn ấy. (38) Có thế, nhân cách của chúng ta mới được định hình rõ rệt.

Qua đó, chúng ta thấy rằng có hai thái độ xem ra trái ngược nhưng lại bổ sung cho nhau: là cá nhân luôn tìm *thuộc về* một cộng đoàn và luôn *khẳng định* chỗ đứng của mình trong tập thể. Nói cách khác, tìm ra nét độc đáo của mình trong tiến trình hình thành nhân cách ngang qua cộng đoàn mình sống. Như thế, cộng đoàn mới đạt đến sự hiệp thông đích thực vì mỗi thành viên là chính mình và thuộc về nhau trong thái độ tôn trong và yêu thương chân thành.

Ngoài ra, Tông huấn Vita Consecrata còn khẳng định: *"Những người tận hiến được kêu gọi trở thành chất men hiệp thông sứ vụ trong Giáo Hội phổ quát, vì các đoàn sủng khác nhau của các tu hội khác nhau được Chúa Thánh Thần ban cho là để mưu ích cho toàn Nhiệm Thể, nên họ phải phục vụ công việc xây dựng Nhiệm Thể (x. 1 Cr 12,4-11)".(39)* Qua đó, chúng ta rút ra được những bài học quí giá:

-Hiệp thông để thực thi sứ vụ tốt hơn.

-Hiệp thông là hoa trái của Chúa Thánh Thần.

-Hiệp thông cộng đoàn để mở ra cho Nhiệm Thể và cộng đoàn nhân loại.

Hơn thế nữa, hiệp thông không dừng lại ở việc hòa hoãn các xung khắc của những thành viên trong cộng đoàn để thực thi sứ vụ tốt hơn mà còn phải là nơi đáng được Chúa chúc lành, như tông huấn đã đề ra: "*Sự hiệp thông huynh đệ không chỉ là một phương tiện giúp thi hành một sứ mạng nào đó, mà còn là nơi Thiên Chúa ngự, nơi mà người ta có thể kinh nghiệm được sự hiện diện bí nhiệm của Chúa phục sinh (x. Mt 18,20)"*.(40)

7.TRƯỞNG THÀNH ĐỜI TU

Có nhiều cách tiếp cận trong việc thực hành trưởng thành đời tu: *sống triệt để các lời khuyên Phúc Âm* hoặc *tập những nhân đức cần thiết cho việc tăng trưởng đời tu…*Đó là lối tiếp cận theo tu đức, điều này rất ích lợi nhưng xem ra còn mang

---

37 Theo nhà tâm lý Maslow, nhu cầu thấp nhất trong Tháp Nhu Cầu mà ông đề ra là nhu cầu thể lý: ăn uống, sinh hoạt tình dục…Ở mức độ cao hơn là nhu cầu an toàn, an sinh xã hội…Sau đó, là nhu cầu muốn thuộc về một cộng đồng, giao lưu tình cảm…

38 Nếu cá nhân không ý thức đủ về căn tính của mình thì họ sẽ trở thành một người nô lệ, và như thế, không thể định hình nhân cách bản thân được. (x. Amedeo Cencini, *Tâm tình Chúa Con,* chuyển ngữ Nguyễn Ngọc Kính và Nguyễn Văn Khoan, Nxb Tôn Giáo, tr.214)

39 Đức Gioan Phaolô II, *Tông huấn Vita Consecrata,* số 47.

40 Đức Gioan Phaolô II, *Sđd,* số 42.

tính truyền thống cao, có thể còn đấy những giới hạn mà ngành tâm lý học đã vạch ra. Thật vậy, những động lực từ trong vô thức có thể chi phối những hành vi đạo đức của chúng ta. Nó vạch ra những điểm tối mà đời sống tâm linh phải đối diện. Thiết tưởng, chúng ta sẽ khởi đi từ những năng lực tinh thần trong con người: *cảm xúc, lý trí* và *ý chí*. Những nội lực này chi phối toàn bộ đời sống thể lý, tâm lý và tâm linh của con người.

7.1.Cảm xúc

Có thể nói, cảm xúc đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình trưởng thành đời tu. Một tu sĩ trưởng thành đòi buộc phải biết làm chủ cảm xúc của mình. Có hai loại cảm xúc: *tiêu cực* và *tích cực.*

Có nhiều tu sĩ cho rằng cần dồn nén và che giấu những cảm xúc tiêu cực. Thực tế cho thấy, họ trở thành những người thô bạo hay vô cảm. Thật vậy, mỗi người có một nhân sinh quan riêng được tạo nên do cá tính, di truyền, môi trường, văn hóa…cần được người khác lắng nghe và tôn trọng. Nhưng một khi nó bị tổn thương cách nào đó khiến chủ thể phải dồn nén do tính nhân bản đòi hỏi. Do không được hóa giải kịp thời, có thể gây ra sự chống đối ngầm trong cộng đoàn làm rạn nứt tình huynh đệ. Vì biết mình yếu thế, họ lại lôi kéo các liên minh tạo nên một làn sóng chống đối. Họ đi từ cảm xúc tiêu cực này đến tình trạng nô lệ khác. Đến một lúc nào đó, họ trở nên vô cảm trước mọi lời nói và hành động của tha nhân. Đây là một mối đe dọa lớn làm cản trở việc hình thành nhân cách. Chứng dồn nén và vô cảm này có thể giữ lại dấu vết trên thể lý như ung nhọt, hen suyễn, viêm khớp, huyết áp cao hay suy tim.(41)

Ngoài ra, chúng ta cần ghi nhận những hệ lụy của một giai đoạn đào tạo ứng sinh linh mục hay các tu sĩ. Họ dồn nén cảm xúc vì nghĩ rằng bước vào đời tu, họ không được sống với những cảm xúc của mình. Dần dà, họ như những "thiên thần" không biết cảm thương, như những pharisêu không biết rung cảm trước những nỗi khổ của người khác. Cuối cùng, họ trở thành những người 'độc thân khó tính". Hậu quả là họ trở thành những người bù trừ trong rượu chè hay hành vi tính dục…(42)

Như thế, chúng ta phải hiểu việc làm chủ cảm xúc tùy thuộc thái độ đối diện với chính mình. Bạn là mẫu người nào ? Cần trang bị những gì để đối diện với tình huống này, tình thế kia ? Giai thoại về thánh Clêmentê sẽ mang lại cho bạn nhiều điều thú vị: Một hôm, thánh nhân quyết đi khắp thành phố để kêu gọi mọi người thương giúp đỡ những đứa trẻ bụi đời. Ngài đến một quán nhậu và cũng như mọi khi ngài mời gọi họ ủng hộ. Nhưng thay vì họ mở hầu bao để giúp đỡ lại khạc nhổ

41 X. Philomena Agudo, *Ta đã chọn con,* Nxb Phương Đông, tr.103.
42 X. *Sđd,* tr.109.

vào mặt ngài. Thánh nhân bình tỉnh lấy khăn ra để lau mặt và nói: "*Đó là phần anh dành cho tôi, còn phần của những đứa bé bụi đời thì sao ?"*…

Qua đó, chúng ta thấy rõ chính thiện chí của thánh nhân giúp bản thân tự chủ trước những cảm xúc tiêu cực của người khác. Còn những cảm xúc tích cực thì có những đòi hỏi khác.

Thật vậy, đôi khi vì chúng ta phấn chấn khi dâng trào những cảm xúc yêu thương mà không làm chủ những hành vi của mình. Cũng cùng một cảm xúc tích cực nhưng hai người lại có những biểu hiện khác nhau tùy khả năng nhận thức mỗi người: niềm vui của một bác nông dân chắc hẳn khác biệt với niềm vui của một nhà tri thức; sự hồ hởi, phấn khởi của bác nông phu khác với niềm vui của bậc quân tử. Có những người vui quá mất khôn như vua Hêrôđê vì quá khích mà hứa cho cả nửa nước. Cuối cùng, ông phải đánh đổi hủ cốc của thánh Gioan Tẩy Giả (x. Mc 6,21-29).

Như thế, một người có khả năng làm chủ cảm xúc không có nghĩa là giữ mức "trung dung", một vừa hai phải, nhưng là phải có khả năng đọc được những dấu chỉ trong từng biến cố và nhờ sự hiểu biết bản thân và tha nhân phần nào mà họ có thể thành công.

Ngoài ra, như chúng ta đã khẳng định cảm xúc thuộc nội lực tinh thần nên nó là thước đo của chiều sâu đời sống nội tâm. Nhờ cảm xúc, chúng ta có thể lắng nghe sự trao đổi giữa Thiên Chúa và bản thân. Nghĩa là chúng ta lắng nghe ân sủng đang hoạt động trong mình. Và khi đón nhận ân sủng ấy, chúng ta có thể đáp lại cảm nghĩ và cảm xúc của mình bằng một hành vi thích hợp.(43) Có thể nói, khi biết lợi dụng cảm xúc như những dòng nước tuôn trào, chúng ta có thể quét đi và dẹp bớt những phiền muộn, đồng thời gia tăng và phát huy những niềm vui trong cuộc sống. Cảm xúc có thể chóng qua nhưng hiệu quả của nó vẫn còn âm ỉ và khắc ghi trong từng kinh nghiệm của kiếp nhân sinh.

Tóm lại, dù là cảm xúc tiêu cực hay tích cực, nếu biết tận dụng tối đa, nó sẽ là những cơ hội giúp bản thân thánh hóa ngày sống trong cộng đoàn nhờ tác động của Chúa Thánh Thần. Thật vậy, biết làm chủ cảm xúc giúp ta thăng hoa cuộc sống. Những cảm xúc kết nối thành những mắc xích kéo dài ngày sống diễn tả những hoa quả của Thần Khí: *bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa, và tiết độ* (Gl 5, 22-23).

7.2.Lý trí

Lý trí bao gồm khả năng hiểu biết của con người. Hiểu biết thì vô cùng, tuy nhiên, không phải sự hiểu biết nào cũng giúp cá nhân hình thành nhân cách. Mọi quá trình phát triển đều xuất phát từ bản thân, thế nên, biết mình là điểm tựa cho

43 *Sđd, tr.113.*

mọi hiểu biết. Theo Carl Jung, biết mình là một yếu tố quan trong đối với sức khỏe của linh hồn, cho nên phải xem việc biết mình như một nhiệm vụ tôn giáo.(44) Như thế, hiểu biết phải nhắm đến đối tượng là Sự Thật mà nó đã được mặc khải tiệm tiến trong từng kinh nghiệm bản thân trong từng khoảnh khắc cuộc sống. Trong tập sách nhỏ *Đất bỗng hóa tâm hồn,* chúng tôi đã trình bày cách khám phá bản thân theo quan điểm của nhà tâm lý học C.Jung. Ở đây, chúng ta bàn đến chủ đề *biết mình* để nhằm trả lời cho vấn nạn của con người thời đại đặt ra: *biết mình, yêu mình là một cách sống của những người ích kỷ ?*

Như chúng ta đã biết những người ích kỷ là những người yêu mình quá đáng và qui mọi sự về cho mình. Còn *yêu mình* hiểu theo nghĩa đúng đắn nhất thì nó là nhu cầu chính đáng trong đời sống con người. Như thế, đâu là giới hạn và chuẩn mực để đánh giá việc yêu mình đúng đắn. Nếu yêu mình để rồi co cụm trong bản thân mình thì đó là những người theo chủ nghĩa tự kỷ; còn những ai biết mình, yêu mình ngỏ hầu mở ra với mọi tương quan thì đó là một nhu cầu chính đáng.

Yêu mình, trước tiên là đánh giá tích cực về bản thân mình. Tất nhiên, là người, ai cũng có những ưu thế và những hạn chế nào đó. Những ưu thế có thể là những dữ kiện chính xác giúp bản thân tự đánh giá tích cực về bản thân. Trong khi đó, làm sao những hạn chế, hơn nữa, là những yếu đuối sa ngã lại được đánh giá tích cực ? Phải chăng đó là một ảo tưởng hay là sự tự lừa dối ? Thật ra, những bóng tối trong cuộc sống luôn tồn tại nhưng chỉ những ai dám đối diện với thực tại đau thương ấy và tìm cách chữa lành thì nó sẽ trở thành những kinh nghiệm tích cực giúp xây dựng nhân cách lành mạnh. Thật vậy, chỉ những người bản lĩnh mới dám thốt lên "tội hồng phúc". Như thế, trong mọi hoàn cảnh, chúng ta luôn có thể nhìn mọi sự với một nhãn giới lạc quan yêu đời.

Kế đến, yêu mình là sống tự tin, tin tưởng vào bản thân mình. Có những người thiếu thực tế, họ đặt ra những mục tiêu quá cao khiến bản thân không đạt được như ý nguyện; cuối cùng, họ chán nản thất vọng. Thật ra, chính những cọ xát trong kinh nghiệm đời sống mà con người dễ vượt qua và chinh phục những đỉnh cao. Sự tự tin được xây dựng từ những thành công nhỏ. Mỗi thành công nhỏ là một bước vượt qua nhỏ. Mỗi bước vượt qua nhỏ là đạt được một cuộc chinh phục nhỏ. Mỗi cuộc chinh phục nhỏ là một khám phá mới giúp bạn tự chủ và sáng tạo bản thân. Sự tự tin của bạn cũng từ đó được thành hình. Đôi khi, bạn cần tự thưởng mình sau những chặng đường vượt qua. Vì đó là lối thoát của những căng thẳng và là cách tái lập sự tự tin.

Xét trên bình diện thể lý, yêu mình được thể hiện qua việc chúng ta chăm sóc bản thân. Khi có một dấu hiệu bệnh tật bên ngoài hoặc bên trong, ấy là lúc ta chưa yêu mình đủ. Thật vậy, nếu bệnh tật phần lớn do thức ăn thì việc bạn ăn uống

---

44 Wikie Au và Norren Cannon, *Những thôi thúc trong tim,* Nxb Phương Đông, tr.50.

không đúng cách khiến vương hại đến sức khỏe bản thân. Điều này qui kết cho việc bạn chưa hiểu biết đủ về những nhu cầu của bản thân. Bạn cần biết rằng phần lớn một nhân cách lành mạnh được triển nở nơi một thân thể cường tráng. Ngoài ra, nguyên nhân bệnh tật còn do những sinh hoạt thất thường, những cố tật thiếu lành mạnh làm mất thăng bằng trong nhịp sống hằng ngày. Chẳng hạn, như việc ăn nhậu thâu đêm suốt sáng, cờ bạc, ma túy…Những đam mê quá độ và lệch lạc này, một cách trực tiếp hủy hoại bản thân. Tất nhiên, những hành vi hủy hoại thân thể như thế ảnh hưởng trực tiếp đên tiến trình hình thành nhân cách. Nếu như thể lý còn đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách thì yếu tố tâm lý lại càng mang tính hệ trọng hơn.

Thật vậy, nhắc đến chiều kích tâm lý, người ta nghĩ ngay đến đời sống cảm xúc. Chúng ta cần lắng nghe những thông điệp phát ra từ bản nhạc cảm xúc của mình. Vì mỗi tư tưởng hình thành trong đầu bạn đều kèm theo một cảm xúc nào đó. Suy nghĩ của bạn tích cực dễ sinh ra những cảm xúc tích cực và một khi được diễn tả qua thân xác, nó truyền thông một sứ điệp nào đó giúp xây dựng đời sống nhân cách của mình, đồng thời, làm đẹp cuộc sống quanh ta. Trái lại, những tư tưởng và cảm xúc tiêu cực sẽ làm rối loạn và lệch lạc nhân cách bản thân.

Ngoài ra, phải kể đến *trí tưởng tượng* trong đời sống tâm lý. Bạn có tin rằng những điều bạn tưởng tượng trong đầu lại là những thực tại bạn phải đối diện không ? Thật vậy, Denis Waitley thật chí lý khi nói: “*Trí tưởng tượng của bạn là tiền cảnh về những điều hấp dẫn của cuộc đời sắp đến*”. Một số người có trực giác ấy, họ rất tự tin vì đã lường trước phần nào sự thể xảy ra. Trái lại, những người thiển cận, họ trở nên lúng túng và ngỡ ngàng vì những gì xảy ra quá mới mẻ với họ. Như thế, có thể nói trí tưởng tượng gắn liền với một ký ức đã qua và nhờ những kinh nghiệm cọ xát trong quá khứ, họ chủ động hơn trong mọi tình huống. Hơn nữa, trí tưởng tượng còn vẽ ra trong bạn những hình ảnh lý tưởng và nhờ bản lĩnh cộng thêm năng lực bản thân mà bạn dễ dàng đạt đến nhân cách toàn vẹn. Để tránh tình trạng ảo tưởng, chúng đòi buộc bạn phải hiểu biết bản thân *đúng và đủ* hầu lượng giá xem điều gì hữu ích và thích hợp cho mình, rồi cứ thế mà triển khai nhờ các cơ hội xảy đến trong cuộc sống. Chắc hẳn, những gì chúng ta đã trình bày trong phần này sẽ được bổ sung từ chiều kích tâm linh.

Tâm linh, ở đây, được hiểu là một đời sống có Chúa và thuộc về Người. Có thể nói, Chúa chính là tác giả trong việc hình thành nhân cách tôn giáo và đời tu. Thật vậy, chúng ta chỉ có thể giải thích về nhân phẩm, nhân vị, nhân cách và ngay cả căn tính của mình trong Đức Kitô. Chính Người đã lấy máu mình mà chuộc lại hình ảnh của Thiên Chúa nơi chúng ta. Thánh Augustinô thật có lý khi cầu nguyện: *xin cho con biết con và xin cho con biết Chúa.* Hai sự hiểu biết này đều qui về đời sống tâm linh. Đúng thế, tự sức chúng ta cũng không có thể đi vào chiều sâu của bản thể mình nói gì đến việc dò thấu tình yêu dài rộng cao sâu của Thiên Chúa.

Quả thật, chính Người là tác giả thanh luyện chúng ta trong hành trình tâm linh. Chính Người là tác giả nhào nặn toàn diện con người của chúng ta trong tiến trình hình thành nhân cách đích thực.

Tóm lại, ba chiều kích *thể lý, tâm lý và tâm linh*, phải được phát triển trong toàn bộ sinh hoạt của mỗi người. Nhờ việc biết tự chủ tạo thế quân bình trong đời sống mà càng ngày bản thân tự tin hơn và đánh giá tích cực về hình ảnh chính mình. Có thế, lý trí được phát huy tối đa nhằm đạt đến Chân Lý, là đích điểm của mọi nhân cách thành toàn.

7.3.Ý chí

Năng lực ý chí giúp con người sống tự do và quyết định trong từng khoảnh khắc đời sống. Thật vậy, đời sống là một chuỗi tự do quyết định giúp hình thành nhân cách bản thân. Có thể nói, không có tự do, con người không có cái gọi là nhân cách. Ý thức được vai trò quan trọng của ý chí trong việc hình thành này, mỗi chúng ta phải đào luyện nó mỗi ngày bằng cách đặt ra trước ý chí một bậc thang giá trị chủ quan. Trong mỗi tác động của tự do quyết định là chất liệu làm nên nhân cách mỗi người.

Như chúng ta đã biết, ý chí đóng vai trò quan trọng trong đời sống kỷ luật của các dòng tu. Thật vậy, khuynh hướng tự nhiên con người thích tìm sự dễ dãi; điều này kéo theo chủ trương thích sống phóng túng, mà như Chúa Giêsu đã cảnh báo đường thênh thang dẫn đến hủy diệt. Để có thể tái lập trật tự này đòi buộc chúng ta phải luyện tập một ý chí kiên vững, tuy nhiên, nếu thiếu một động lực lành mạnh thúc đẩy, con người sẽ dễ dàng đi từ thái cực này đến quá độ khác. Thực tế trong đời sống dòng tu, động lực chính đáng hay thiện chí của một tu sĩ mang tính quyết định cho công việc họ làm. Thật thế, cũng một hành vi bác ái nhưng một người làm công tác xã hội khác hẳn với các nữ tử bác ái. Và ngay cả hai nữ tu cũng có cung cách phục vụ khác nhau tùy thuộc ý hướng của họ. Xét cho cùng, ý chí cần phải được đặt trong một môi trường thuận lợi. Điều này chúng ta đã kinh nghiệm về tác động mạnh mẽ của môi trường. Chính mỗi nền văn hóa: vùng, miền…đã nhào nặn cách nào đó nên những con người đặc trưng như thế. Bởi đó, ý chí là một năng lực năng động cần được phát huy nhờ bản thân tập tự chủ mỗi ngày mà cách tốt nhất là hòa cùng nhịp điệu với cộng đoàn. Chính bề dày lịch sử của cộng đoàn nói lên những tinh hoa được chắt lọc qua nhiều thế hệ và nhờ đó mỗi thành viên được hấp thụ và hít thở trong bầu khí trong lành giúp mỗi người hoàn thành nhân cách độc đáo của mình. Mỗi nét đẹp đặc trưng ấy lại bổ sung cho nhau làm tươi đẹp và phong phú vườn hoa Giáo hội.

Tóm lại, trưởng thành đời tu dù nhìn dưới góc độ nào, vẻ đẹp ấy là ước muốn của mọi tu sĩ. Mà ở đây chúng ta đã đề cập đến cảm xúc, lý trí và ý trí là những năng lực tinh thần. Nó là những khuôn mẫu giúp định hướng nhân cách từ bên

trong. Có thể nói, đó là nét đẹp nội tại mà mọi tâm hồn tận hiến hằng khát khao và tìm mọi cách để phát huy đạt đến độ chín muồi trong đời tu. Tuy nhiên, mỗi người cần ý thức mình là người nam hay người nữ vì nó làm nên nét riêng biệt của mỗi giới tính.

8.GIỚI TÍNH TRONG ĐỜI TẬN HIẾN

Trong truyền thống Á Đông, người ta ngại nói đến vấn đề tính dục, đây là một thiếu sót khi đặt trong tiến trình hình thành nhân cách. Để khai triển chủ đề này, xin khởi đi từ triết lý của Đông Phương, được bổ túc trong lãnh vực vật lý, sinh học và được hòa hợp trong đặc tính của khí chất nơi mỗi người.

Có thể nói, triết lý Đông Phương đem lại cho nền tri thức của nhân loại một bước tiến ngoạn mục mà khi nhắc đến, người ta nghĩ ngay thuyết Âm-Dương. Cả hai đối cực nhau nhưng bổ sung cho nhau. Trong một thực tại luôn bao gồm cả âm và dương. Nghĩa là trong dương có âm và ngược lại, trong âm có dương. Chính lối biện chứng này lại giúp vạn vật được bão hòa.

Định luật này cũng được vật lý áp dụng khi nói đến việc cùng cực thì đẩy và đối cực thì hút. Qua định luật này giúp phát minh biết bao tiện nghi phục vụ cho đời sống nhân loại.

Còn xét trên bình diện sinh học, riêng việc nghiên cứu trên con người là cả một huyền nhiệm. Chúng ta biết rằng trong người nam có một phần hoc mon nữ và trái lại, trong người nữ có kích thích tố nam. Tỉ lệ ấy có sự chênh lệch tùy cơ địa mỗi người. Từ qui tắc này người ta muốn đổi giới tính bằng cách chích thêm hoc mon phù hợp với giới tính họ mong muốn. Cũng từ kết cấu ấy người ta suy ra việc âm dương hay nóng lạnh phải bão hòa. Đó là cách giúp cơ thể khỏe mạnh và quân bình trong mọi hoạt động. Thật vậy, khi có người vì cơ địa quá nóng (dương thịnh) khiến thân chủ dễ nổi đóa và gây bạo động…Điều này kéo theo việc họ thiếu kiên nhẫn với bản thân và tha nhân. Như thế, từ thể lý có thể ảnh hưởng đến tâm lý và chi phối cả đời sống tâm linh. Nhân cách cũng ví đó mà bị liên lụy.

Đi xa hơn bước nữa xét đến chiều kích tâm linh, khi vị tu sĩ nào vì mất quân bình trong tính cách có thể làm lệch hướng nhân cách đời tu. Một nam tu sĩ vì muốn giữ thể diện và chứng tỏ mình là người đàn ông đích thực, anh tạo hình ảnh ấn tượng và mạnh mẽ trước mặt người khác, vô tình lại che giấu và dồn nén những yếu đuối bản thân. Có những người lại muốn thể hiện mình qua việc hút thuốc, rượu bia (là đàn ông), ăn diện (người sành điệu)… Những điều này làm giản lược và phai mờ hình ảnh đẹp về một nhân cách đời tu. Như thế, mạnh mẽ hay yếu đuối đều là những thái cực mà mỗi người cần phải tạo thế quân bình bằng sự dẻo dai.

Theo nhà tâm lý học C.Jung, animus biểu thị cho tiềm năng hoạt động, khả năng suy tư hợp lý cao, khả năng tự chủ và quyết đoán…Trái lại, anima biểu thị cho sự thụ động, sống trong thế giới cảm xúc…Như thế, để giúp tạo thế quân bình,

người nam phải hội nhập với những đặc tính của anima và trái lại, người nữ phải hội nhập với những đặc tính của animus.

Nếu trong gia đình có sự quân bình cách nào đó vì sự kết hợp nam nữ hay dương âm thì điều này giúp tạo thế mạnh cho sự bổ khuyết nhằm thăng tiến trong đời sống gia đình. Còn tu sĩ sống đời độc thân, họ phải tạo thế quân bình ngay chính đời sống nội tại của mình. Nếu một người nam hoàn toàn không biết hội nhập anima (nữ tính) của mình, thì hậu quả là anh trở thành con người của lý trí mà không có trái tim. Vì muốn sống với những tham vọng, khả năng trí thức, thái độ gây hấn (nam tính)…anh có thể dồn nén cảm xúc của mình (45). Việc hội nhập này không có nghĩa là người nam trở nên ẻo lã như người nữ hay ngược lại, người nữ phải cứng cỏi như người nam. Tuy nhiên, mỗi tu sĩ cần hội nhập hay tạo thế quân bình ngay trong cách sống của mình với tương quan tha nhân. Chẳng hạn, nam tu sĩ hội nhập anima của mình khi biểu hiện là một người điềm đạm hơn là nóng vội hay chần chừ; hoặc nữ tu sĩ có khả năng tạo thế quân bình với animus của mình khi chứng tỏ là người chín chắn trong quyết định của mình hơn là người duy lý trí hay quá cảm tính…

Ngoài ra, khi quan sát việc thực hành đạo đức, với nữ tu, họ dễ dàng chạy đến với Chúa Giêsu, thánh Giuse…, trong khi đó, nam tu thường chạy đến với Đức Maria…Dường như có một sức hút vô hình nào đó mà ta có thể giải thích theo thuyết Âm-Dương. Nếu biết lợi dụng phương thế này, mọi tu sĩ sẽ nhanh chóng phát triển cảm thức thánh thiêng trong đời sống thiêng liêng của mình.

Tóm lại, trong mọi hành động, dù là nam hay nữ, chúng ta cần giữ thái độ "trung dung". Đó cũng là bước đầu giúp sống đức tiết độ trong hành trình tâm linh.

Sau khi đã tìm hiểu cách thức biểu hiện của một nhân cách lành mạnh, chúng ta cần đi bước nữa trong việc cầu nguyện hầu giúp nhân cách đời tu được triển nở viên mãn trong cộng đoàn.

9.CẦU NGUYỆN(46)

Có thể nói, cầu nguyện là yếu tố sống còn của con người trong hành trình tâm linh. C.Jung đã nói: *linh hồn cần đến Thiên Chúa như thân xác cần đến của ăn.* Khẳng định này cho thấy tầm quan trọng của cầu nguyện trong đời sống thường ngày. Ở đây, chúng ta đí thêm bước nữa khi đề ra vai trò của cầu nguyện trong việc hình thành nhân cách.

---

45 X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd,* tr.227.

46 Phần này được trình bày dựa theo tư tưởng của Philomena Agudo trong tác phẩm *Ta đã chọn con.*

9.1.Cầu nguyện với Thiên Chúa nào ?

Khi cầu nguyện, chúng ta thiết lập một mối tương quan với Thiên Chúa. Tuy nhiên, phẩm chất cuộc gặp gỡ này tùy thuộc việc chúng ta quan niệm về Thiên Chúa. Thật vậy, một Thiên Chúa của ông Pharisêu thì công bằng trả lại cho những gì ông đáng hưởng; còn Thiên Chúa của người thu thuế thì giàu lòng thương xót, Người thứ tha và thánh hóa bản thân ông. Như thế, tùy quan niệm của mỗi người mà có những tâm tình cân xứng.

Quan niệm của chúng ta về Thiên Chúa thường chịu ảnh hưởng bởi mối quan hệ của chúng ta với cha mẹ. Thật vậy, đọc hạnh thánh Têrêsa HĐGS, chúng ta thấy hình ảnh về cha mẹ của chị đã được chị ghi sâu vào trong ký ức. Từ những buổi người cha dắt chị đi dạo chơi, nhìn trời, đến việc thú tội và trao hôn bình an trước khi ngủ…Chúng tạo nơi chị một nhãn quan về Thiên Chúa luôn quan phòng, che chở và sẵn sàng thứ tha mọi tội lỗi hầu giúp chị nên thánh mỗi ngày. Tuy nhiên, không phải ai cũng có may mắn như chị thánh được vui sống và hít thở trong bầu khí lành thánh từ thời ấu thơ. Bởi đó, dù sống trong bối cảnh bi đát nào, chúng ta cần ý thức tách bạch hình ảnh của cha mẹ với hình ảnh Thiên Chúa.

Môi trường cộng đoàn cũng tác động mạnh mẽ đến chất lượng của việc cầu nguyện. Nếu được sống trong cộng đoàn thông cảm và yêu thương nhau, chúng ta sẽ dễ dàng sống giờ cầu nguyện như ân ban đến từ Thiên Chúa. Còn nếu sống trong cộng đoàn mà lòng thù hận chưa được giải quyết thỏa đáng sẽ tạo nơi chúng ta một không gian ngột ngạt và việc đến với Người là một hành động chạy trốn thực tại. Thật vậy, một tâm hồn thù hận không thể mời Chúa ngự vào.

Ngoài ra, có những người quan niệm rằng Thiên Chúa là Đấng cản trở con người sống tự do. Điều này kéo theo việc họ xác tín: *Người chẳng giúp gì cho tôi trong việc định hình nhân cách. Vì con người cũng không được quyền chọn cách sống cho mình.*

Thiết tưởng, chúng ta cần tái lập lại hình ảnh tích cực về Thiên Chúa trong Tin Mừng. Mà theo thánh Luca, Thiên Chúa là một người Cha nhân hậu, chạnh thương và giàu lòng thương xót; còn theo thánh Gioan, Người là tình yêu…những hình ảnh đẹp này sẽ giúp chúng ta dễ dàng thiết lập một tương quan với Thiên Chúa.

Ngoài ra, Cựu ước cũng gợi lên cho chúng ta một Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh Người. Rồi khi hình ảnh ấy bị méo mó vì tội lỗi, thì vào thời Tân Ước, Thiên Chúa vì yêu thương đã sai Con Một xuống trần, dùng giá máu mà tái tạo hoàn toàn hình ảnh ấy. Đó là một Thiên Chúa giúp chúng ta xây dựng nhân cách của mình dựa theo hình ảnh Người.

9.2.Cảm xúc an toàn

Có thể nói, cảm xúc an toàn là cảm xúc lành mạnh hơn cả. Vì thông thường mọi cảm xúc dù tiêu cực hay tích cực đều bộc lộ một sự biến động trong tâm thể lý cách nào đó. Cảm xúc còn lại sau những đợt sóng là sự an toàn. Điều này lại được đặt trong bối cảnh cầu nguyện, thế nên, nó mang một sắc thái đặc biệt hơn. Phải chăng việc cầu nguyện thực sự đem đến cho chúng ta một cảm xúc an toàn ?

Nếu chỉ dừng lại ở việc cầu nguyện mà giúp cho thụ nhân cảm nhận sự an toàn thì nó chỉ mang tính thuần tâm lý, nghĩa là có một không gian tĩnh lặng, xa rời những bon chen khả dĩ giúp người ta cảm giác an toàn. Như thế, chỉ cần áp dụng phương pháp thiền thông thường cũng có thể mang lại cho tu sĩ cảm giác ấy. Nhưng cảm xúc an toàn hệ tại ở việc cảm nhận sự hiện diện của Thiên Chúa trong cuộc đời mình. Thiên Chúa, Đấng Toàn Năng đã xếp đặt tất cả và quan phòng mọi sự, ngay cả mọi cọng tóc trên đầu cũng được Người biết cả. Đấng ấy đáng chúng ta sống phó thác và tin yêu. Đấng ấy giúp ta đủ sức vượt qua mọi khó khăn để cảm nhận sự an toàn trong bàn tay Cha lành.

Có nhiều người đàn ông cho rằng khóc là yếu đuối, chuyện của đàn bà và con nít. Thế nên, đôi khi họ che giấu và dồn nén cảm xúc tự nhiên của mình. Điều này nếu không được nhìn nhận đúng đắn, có thể làm cho đương sự mất dần sự nhạy cảm mà trở nên những người vô cảm. Thật vậy, nếu cảm xúc tự nơi mình còn bị phủ nhận và khước từ thì họ không thể tỏ lòng trắc ẩn với một người đồng cảnh ngộ.

Tại sao tôi không được khóc khi người thân qua đời ? Tại sao tôi không được phép giãi bày mọi tâm tình trước Chúa ? Tôi có quen một nam tu sĩ nọ. Anh ta có một người em qua đời do một tai nạn ngoài ý muốn. Sau khi chôn cất người thân, anh trở về lại cộng đoàn trong một tâm tình hối tiếc vì sự ra đi bất ngờ của một người em. Thay vì chia sẻ với anh em đồng tu, anh tìm đến với Chúa trong nước mắt và lời kinh. Điều bất ngờ xảy ra, anh được ơn an ủi và nâng đỡ trong vòng một tháng, nghĩa là anh cảm nhận người em như thực sự bên cạnh mình. Sau một tháng ấy, anh ngộ ra một điều như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng khẳng định: *ngườichết nối linh thiêng vào đời.* Qua đó, chúng ta có thể xác tín rằng mọi cảm xúc trong cuộc đời đều được Chúa đón nhận. Mọi cảm xúc là chất liệu cho lời cầu của bạn thêm tha thiết và thống thiết trước tòa Chúa.

Chính khi trải qua những cảm xúc xem ra bi đát nhất của cuộc đời, con người lại có kinh nghiệm tái lập quân bình những cảm xúc và biết cách thăng hoa nó cho cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn. Nhờ những cảm xúc chân thật của bản thân mà mỗi ngày chúng ta cảm nhận sự hiện diện tràn đầy của Thiên Chúa. Tác giả Paul Claudel thật chí lý khi nói: "*Đức Kitô đến không phải để hủy bỏ, cũng không phải để giải thích đau khổ, nhưng làm cho đau khổ đầy tràn hiện hữu của Ngài*".

Tựu trung, cảm xúc an toàn được giải thích nhờ mầu nhiệm Phục Sinh, Đấng chiến thắng sự chết. Như thế, chỉ trong Chúa, người ta mới có cảm xúc an toàn thật sự. Tuy nhiên, cảm xúc ấy không dừng lại trong những phút cầu nguyện gặp gỡ với Thiên Chúa mà cả khi tiếp xúc với tha nhân.

9.3.Chữa lành và giải thoát

Có hai tình trạng cần được chữa lành và giải thoát là: *bóng tối và tội lỗi.* Theo C.Jung *bóng tối* biểu thị cho việc cự tuyệt chính mình, còn theo Công Giáo, *tội lỗi* biểu thị cho việc cự tuyệt Thiên Chúa.(47)

Nếu xét *ánh sáng* là cái lý tưởng con người nhắm đến, mà con người bất toàn đang tiến trên con đường hoàn thiện thì luôn mang trong mình một phần bóng tối. Nếu đời tu nhắm đến việc nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô thì mọi mô phạm khác sẽ là bóng tối. Thực tế, chúng ta không thể nào lĩnh hội và thấu đạt mọi kích thước dài rộng cao sâu của nhân tính Chúa Kitô đâu ! Thế nên, những mô phạm khác có thể là "cầu nối" giúp chúng ta đến gần Người. Điều này cho thấy mặt tích cực của bóng tối. Nếu chỉ dừng lại ở đây thì chưa có vấn đề. Tuy nhiên, điều nguy hiểm là con người thiếu sáng suốt để phân định nên dồn nén và che giấu những bóng tối ấy trong vô thức của mình. Chính trong khi cầu nguyện và nhận ánh sáng đến từ Thiên Chúa, chúng ta dễ nhận ra những bóng tối trong cuộc đời mình. Và khi nhận ra những giới hạn của phận người, chúng ta cần để Thiên Chúa "chạm vào". Thật vậy, những gì được Người thánh hóa đều giúp chúng ta sống và sống dồi dào.

Tâm lý tự nhiên, chúng ta thường dùng những lời hoa mỹ để thưa chuyện với Chúa mà quên đi Người nhìn tận đáy lòng của ta. Những yếu đuối của con người so sánh sao được với lòng trắc ẩn của Người. Điều Chúa chờ đợi nơi ta là ước muốn thuộc về Người luôn luôn. Chính những ước muốn này giúp chúng ta dấn thân không mệt mỏi. Nếu vẫn luôn thành tâm thiện chí tìm Người thì cứ đến kỳ hạn, Người sẽ tỏ mình cho chúng ta. Kinh nghiệm ngã ngựa của thánh Phaolô là một bằng chứng xác thực. Khi bóng tối nào đó đã thúc bách chàng thanh niên Saolô tiến lên bách hại đạo thì Chúa đã dùng ánh sáng phục sinh quật ngã anh xuống đất và trong nhiều ngày, Người để anh chìm đắm trong bóng tối, đối diện với những giới hạn bản thân. Và anh đã nhận một sứ mạng mới với tên mới là Phaolô. Sau này, khi nói về những kinh nghiệm quá khứ, thánh nhân đã nhìn nhận: *khi xưa bản thân hành động vì thiếu hiểu biết.* Như thế, hiểu biết và ý thức là khởi đầu cho một cuộc biến đổi.

Trong hành trình tâm linh của mỗi chúng ta cũng vậy, cần hiểu biết những bóng tối, giới hạn bản thân đang bị dồn nén trong vô thức, rồi giúp nó trồi lên trên

---

47 X. Wikie Au và Norren Connon, *Sđd*, tr.57.

bề mặt ý thức; từ đó, bản thân sẽ dễ chủ động trong mọi tình huống. Và mỗi tình huống là mỗi cơ hội giúp bản thân hình thành nhân cách đời tu của mình.

Nếu như bóng tối chỉ hoạt động trong vô thức vì bị dồn nén và che giấu thì tình trạng tội lỗi là những hậu quả do hiểu biết nông cạn, nhận định sai lầm, và tự do bất chấp những giới hạn bản thân. Nếu ví bóng tối chỉ là hậu cảnh thì tội lỗi là mặt nổi của những lần khước từ Thiên Chúa của con người. Kể cả những tội luân lý mắc phạm trong các tương quan cũng đều qui về một mối là *sự khước từ tình yêu Thiên Chúa*.

Có một sự đảo lộn trật tự các bậc thang giá trị, đồng nghĩa với việc có sự thất bại, đổ vỡ và ngay cả tội lỗi trong đời sống thường ngày. Kinh nghiệm đau thương này muốn chuyển tải một sứ điệp rằng con người chưa thực sự hội nhập hoàn toàn vào đời sống tôn giáo. Chắc hẳn, không bao giờ có sự toàn hảo ở thế gian này, thế nên, tội lỗi luôn gắn liền với thân phận hữu hạn của con người. Hiểu như thế thì không có ai thánh thiện thực sự ở thế gian này, cũng không có ai hoàn thành nhân cách mỹ mãn nơi cuộc sống vốn vô thường.

Có thể nói, tội lỗi làm vương hại sâu xa đến nhân cách mỗi người. Thật vậy, tội lỗi cướp đi sự bình an đích thực đến từ Thiên Chúa. Nếu như sự bình an giúp con người tái lập mọi tương quan trong bầu khí hài hòa thì khi tội lỗi mắc phải, sự nhiễm uế sẽ không tránh khỏi. Điều này khó thể thấy bằng mắt thường nhưng không vì thế, không ảnh hưởng cách nào đó đến nhân cách đời tu.

Như thế, sự khác biệt giữa hai người đã sa phạm tội là lòng khiêm tốn nhìn nhận thực trạng bản thân. Chỉ có sự thống hối mới khả dĩ chạm đến lòng thương xót của Thiên Chúa. Chỉ người bệnh tật mới cần đến vị Lương Y Thần Linh. Sự chữa lành và giải thoát chỉ đến từ Thiên Chúa. Lòng thống hối chỉ được thực hiện nơi người biết suy phục Tình Yêu. Nếu như tội lỗi được hiểu như là thái độ khước từ tình yêu thì lòng thống hối chân thành lại là giá chuộc tình yêu. Điều này chỉ thực sự xảy ra trong bầu khí của lời cầu nguyện. Thật vậy, chính khi tiếp nhận Ánh Sáng Mặt Trời mà con người thấy rõ thực trạng u tối tội lỗi.

Mỗi kinh nghiệm được chữa lành là dịp giúp con người lượng giá lại hành trình mình đang đi. Thật ra, luôn có sự trúc trắc, trục trặc trên đường đi, vì con người là một huyền nhiệm mà bản thân không thể múc cạn và hoàn cảnh sống thì biến thiên vạn trạng. Thế nên, những dự phóng của tu sĩ một khi không phù hợp với những tiêu chuẩn và đòi hỏi của đời tu, nghĩa là xa rời ý muốn Thiên Chúa thì đương sự dễ sa phạm tội và khi ấy lại quay lại ngã ba đường để thực hiện tiếp tục một chọn lựa và một khởi điểm mới. Có thể nói, phạm tội và chữa lành là hai nhịp sống thông thường của phận người yếu đuối bất toàn. Điều quan trọng là chúng ta phải kiên trì sống trong nhà Chúa với tâm tình thống hối. Ân sủng luôn đồng hành trong mọi nơi mọi lúc. Ân sủng không hề cản trở sự tự do chọn lựa của ta, trái lại, nó chữa lành cho ai tự do quay về với Lòng Thương Xót.

Ngoài ra, trong đời sống tâm lý, trí tưởng tượng cũng đóng một vai trò khá quan trọng, nên nó cũng cần được chữa lành và giải thoát. Xin gợi ý cách thức tiếp cận vấn đề này theo thánh Inhaxiô. Trong tác phẩm *Linh thao,* thánh nhân trình bày một hình thức cầu nguyện theo Kinh Thánh giúp định hướng trí tưởng của mỗi người. Qua việc đồng hóa mình với một nhân vật trong Phúc Âm đã được Chúa Giêsu chữa lành mà chính mình cũng được giải thoát. Bước thứ nhất, đọc một đoạn Phúc Âm thật kỹ, chẳng hạn như Mc 10,46-52, đoạn thuật truyện việc Chúa chữa lành cho anh mù Bartimê. Bước hai, chúng ta có thể đồng hóa mình là một nhân vật chứng kiến cảnh ấy nhằm đưa ra một vài nhận định khách quan của biến cố này. Bước ba, tự đồng hóa mình với anh mù này hầu cảm nhận sức chữa lành đến từ Chúa. Điều này giúp khêu gợi cảm xúc và cảm nhận của một người được chữa lành và giải thoát. Từ đó, xác tín hơn vào tình yêu Chúa và đi vào kinh nghiệm chữa lành và giải thoát của Đấng yêu ta.48

10.SỐNG TRONG CHÚA THÁNH THẦN

Có thể nói, cuộc sống của mỗi người từ khởi sự đến hoàn thành đều sống trong Chúa Thánh Thần. Thật vậy, hiện hữu của tôi được khởi đi từ tác động của Người. Mỗi người họa lại cách nào đó biến cố Truyền Tin. Nghĩa là mỗi người cũng được Thần Khí bao phủ như chính kinh nghiệm của Ngôi Lời Nhập Thể. Nếu như Chúa Thánh Thần luôn hoạt động trong Đức Kitô thì toàn thể đời sống chúng ta: thể lý, tâm lý và tâm linh đều thấm đượm tình yêu Thần Linh.

10.1.Hiện hữu.

Kinh Thánh dạy rằng Thiên Chúa đã yêu thương ta bằng một mối tình muôn thuở. Lý do nào khiến Người yêu thương ? Chỉ có một câu trả lời duy nhất: *vì Người là Tình Yêu.* Nếu bản tính Người là Tình Yêu mà khi không còn yêu nữa, Người không còn là Thiên Chúa. Đó là kinh nghiệm của các ngôn sứ, các tông đồ… Còn tôi thì sao ? Tình yêu là một kinh nghiệm cá vị giữa tôi với Chúa tôi. Có thể nói, bài học yêu thương là bài học trước nhất, khó nhất, đắt nhất và kéo dài suốt đời tôi.

Mỗi một cuộc đời, người ta làm chứng cho một tình yêu riêng tư đó. Thiên Chúa không bao giờ lên tiếng một cách trực tiếp trong cuộc đời tôi. Thế nên, tôi một đời tìm kiếm Người trong chính hiện hữu của tôi. Hiện hữu của tôi là một ân ban. Nếu như khuynh hướng tự nhiên của tự do con người là tìm đến điều thiện hảo thì việc Thiên Chúa tự do đưa tôi vào hiện hữu, há chẳng phải xác thực rằng tôi là một thiện hảo của Thiên Chúa ? Thiện hảo (hiện hữu của tôi) đó đến từ Thiên Chúa

48 X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd,* tr.99-100.

là một ân ban. Người ta có thể phải trả giá một đời để chứng minh cho chân lý ấy: *Tôi là tác phẩm của Thiên Chúa tình yêu.*

Cũng thế, mỗi ơn gọi là một lời đáp trả tình yêu. Thiên Chúa không lên tiếng; Người chỉ gõ nhẹ cửa hồn và chỉ những ai tỉnh thức mới lắng nghe và mở cửa mời Người ngự vào nơi cung thánh lòng mình thôi !

Chắc hẳn, lời đáp trả tình yêu không phải là một tác động đã hoàn thành trong một khoảnh khắc nào đó nhưng nó kéo dài đến suốt đời. Như lời đáp tiếng "xin vâng" của Đức Maria khởi đi từ biến cố Truyền Tin kéo dài đến đồi Calve và như thế cứ sống động trong suốt cuộc đời của mẹ, lời đáp trả của chúng ta phải được sống cả trong những biến cố đau thương, bi đát nhất với một xác tín: Đấng chúng ta *tin vào,* Người đã phục sinh. Cái giá phải trả cho việc sống lời đáp trả này có thể đổi bằng máu thì các tu sĩ sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng là chính Đấng Phục Sinh. Quả thật, hằng giây phút Người muốn ban mình cho họ qua tác động của Chúa Thánh Thần.

Sống đúng đắn và trọn vẹn ơn gọi của mình, bạn sẽ hoàn thành định mệnh đời bạn nhờ Chúa Thánh Thần. Thật vậy, Thiên Chúa đã ban cho mỗi người những năng lực hết sức phong phú và riêng biệt để mỗi người nhờ tác động của Thần Khí mà phô diễn vẻ đẹp của Thiên Chúa. Điều này chúng ta nhận thấy rõ nét nơi cuộc đời thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Vào thời trẻ, nhờ sớm khám phá bản thân với khả năng diễn xuất, ngài muốn trở thành một diễn viên sân khấu. Cho đến khi, ngài nhận ra ơn gọi làm linh mục cho Chúa và đạt đến đỉnh điểm là ngôi Giáo Hoàng, ngài đã thực sự trở thành người của công chúng. Thành công của một diễn viên sân khấu là chinh phục được nhiều người hâm mộ thì thành công của một Ngôi Giáo Hoàng là trở thành người phục vụ cho mọi người, nhất là người nghèo khổ. Vẻ đẹp của vị mục tử này còn in đậm trong tâm trí chúng ta.

Đến đây, chúng ta cần ghi nhận tác động phong nhiêu của Chúa Thánh Thần. Vào thời trung cổ, khi Giáo hội đạt đến đỉnh cao của quyền lực và tiền tài thì Chúa Thánh Thần giới thiệu cho thế giới gương mặt điển hình là thánh Phanxicô thành Assisi. Vào thời hiện đại, khi con người đạt đến đỉnh cao của tri thức nhân loại, họ hưởng thụ mọi sự ngay cả trên thân xác con người thì Thần Khí gởi đến một Têrêsa nhỏ nhắn nhưng có một tâm hồn lớn lao, như cảnh báo cho con người biết, họ đã chà đạp đồng loại và cướp đi hình ảnh Đức Kitô nơi những người cùng khốn… Mỗi người một vẻ là phản ánh vinh quang Thiên Chúa. Điều con người có thể làm là cộng tác với ơn Chúa, trung thành với sự soi động của Chúa Thánh Thần hầu biến đổi mỗi ngày nên giống Đức Kitô hơn. Bước đầu thực hiện điều này là lắng nghe sứ điệp từ thân xác bạn.

10.2.Thể lý

Thể lý, ở đây, được hiểu là hoạt động thân xác và các giác quan.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy, thân xác là nơi biểu lộ tình yêu. Nếu yêu là bài học kéo dài suốt đời thì con người phải tìm mọi cách để biểu lộ tình yêu nơi thân xác mình. Đến như Thiên Chúa qua Đức Giêsu cũng dùng thân xác để diễn tả tình yêu cứu độ thì con người không thể khinh thường thân xác như một phế vật. Tình yêu càng chân thành, thân xác càng rất mực khiêm cung. Những bắt tay, âu yếm của thân xác làm tăng mức độ yêu thương thế nào thì toàn thân cũng được hưởng nhờ thế ấy. Hiểu một nghĩa nào đó, Gabriel Marcel có lý khi nói: *tôi là thân xác tôi*.

Thánh Phaolô khẳng định rằng: *thân xác anh em là đền thờ Chúa Thánh Thần*. Như thế, mọi thái độ, cử chỉ đều là một hành vi thờ phượng đích thực. Điều này áp dụng cho đời sống thánh hiến rất thích hợp. Vì tất cả cuộc đời của tu sĩ là một chuỗi tâm tình thờ phượng. Đó là lý do vì sao khi một tu sĩ phạm tội lại kèm theo lỗi đức thờ phượng.

Nếu bạn đã hiến toàn thân cho Chúa và bạn là nơi Người ngự thì cần để Chúa tẩy uế bằng cách dùng roi đuổi sạch mọi tâm tình bất chính. Những hành vi hưởng thụ quá đáng đều xúc phạm đến cung thánh này. Như thế, chăm sóc thân xác là một nghệ thuật và việc Chúa Thánh Thần ở lại đây là một ân ban.

Thật vậy, sức khỏe thể lý là một biểu hiện và biểu dương sức mạnh của Chúa Thánh Thần. Sức mạnh ấy được ban cho không ngoài mục đích phục vụ cho ơn cứu độ bản thân và nhân loại. Còn những người ốm đau, bệnh tật, phải chăng không có sức mạnh của Người ? Chắc hẳn, sức mạnh ấy được diễn tả cách sâu xa hơn qua thái độ chấp nhận và kiên trì chịu đựng tất cả với niềm hy vọng lớn lao. Mọi hành vi dâng hiến dù nhỏ mọn đến đâu đều được hợp cùng của lễ với Chúa Giêsu để dâng cho Chúa Cha nhờ tác động của Chúa Thánh Thần.

Cũng vậy, mọi giác quan đã được Thần Khí chạm đến đều qui về ơn cứu độ. Những gì đi vào con người qua giác quan một cách bất chính, đều xúc phạm và làm buồn lòng Chúa Thánh Thần. Thật vậy, mỗi giác quan nắm một vai trò quan trọng nhằm phục vụ ơn cứu độ. Mắt để chiêm ngắm và hướng lòng về những thực tại trên Trời. Miệng để ca tụng Chúa và nói những lời xây dựng làm ích cho người nghe…Mọi sự nói chung cũng như các giác quan nói riêng, đều nhắm làm vinh danh Chúa. Như thế, khi biết dùng giác quan để phục vụ Nước Trời, chúng ta sống trọn vẹn hiệu năng của Bí Tích Rửa tội.

Ngoài ra, khi bàn đến đời sống thể lý, chúng ta không thể quên những bản năng tồn tại nơi con người. Ở đây, chúng ta chỉ nhắc đến bản năng sinh tồn và tính dục.

Sự sinh tồn và bảo tồn nằm sâu trong bản thể con người. Nó được diễn tả qua sự chăm sóc của chủ thể. Có thể khi còn trẻ, còn sung sức, người ta có thể lãng quên mà phung phí sức lực. Đến khi sức lực hao mòn dần, họ tìm cách để duy trì sự sống. Có thể nói, duy trì và phát triển sự sống là cách biểu hiện đẹp nhất ý muốn

suy phục Thiên Chúa. Thánh Irênê thật chí lý khi nói: *vinh quang Thiên Chúa là con người được sống.* Xét cho cùng, chính Chúa Thánh Thần hằng tái tạo và bổ sức cho con người giúp họ vững bước tiến về quê Trời trong thân xác như thân xác phục sinh của Đức Kitô.(49)

Nếu bản năng sinh tồn giúp con người sống chiều kích hiện hữu thì bản năng tính dục thể hiện chất lượng cuộc sống. Quả thật, qua hành vi tính dục hai vợ chồng nên một với nhau trong thân xác. Chính trong thái độ tôn trọng và yêu thương nhau, họ cùng sống chiều kích đền thờ Chúa Thánh Thần nơi chính thân xác mình. Còn những người có lời khấn sống độc thân vì Nước Trời thì sao ? Đâu là biểu hiện chất lượng của cuộc sống họ qua đời sống này ?

Nếu như trong đời sống vợ chồng, họ đến với nhau rồi mở ra cho mọi người và Thiên Chúa thì các tu sĩ dồn hết năng lực sống hướng về tha nhân. Họ là người *thuộc về* mọi người và về Chúa. Như thế, bản năng tính dục đã được chuyển hướng và thăng hoa. Nếu như yếu tính của hành vi tính dục là truyền sinh sự sống mới thì các tu sĩ sống chiều kích này một cách sâu xa như lời khẳng định của thánh Phaolô: *Tôi quặn đau sinh ra anh em một lần nữa cho đến khi Đức Kitô được thành hình trong anh em* (x. Gl 4,19). Bản năng tính dục đã được nâng lên trong chiều kích siêu nhiên.

Tóm lại, đời sống thể lý chỉ thực sự triển nở trong ý muốn của Chúa khi chủ thể tiếp nhận Chúa Thánh Thần như sức mạnh nội tại giúp tái tạo và phát huy mọi quan năng. Trong đó, thân xác mạnh khỏe, các giác quan thuần khiết và các bản năng đạt đến cứu cánh tính mà Thiên Chúa đã đặt để từ trước.

Để có được đời sống thể lý lành mạnh như ý Chúa muốn, đòi buộc chúng ta phải thanh luyện đời sống tâm lý bên trong.

10.3.Tâm lý

Đời sống tâm lý khá phức tạp, gồm: ký ức, trí tưởng tưởng, cảm xúc…đã được bàn đến trong tác phẩm *Đất bỗng hóa tâm hồn.* Ở đây, chúng ta tìm hiểu thêm dưới nhãn quan nó được sống trong Chúa Thánh Thần. Tất nhiên, vai trò của Người như vị bảo trợ toàn bộ đời sống chúng ta. Người tác động từ bên trong như lời thánh Phaolô khẳng định: "*Vì chính Thiên Chúa tác động đến ý chí cũng như hành động của anh em do lòng yêu thương của Người"*(Pl 2,13). Như thế, động lực thúc đẩy chúng ta sống tốt ở trần gian này là *do lòng yêu thương của Người.*

Nhưng thực tế cho thấy, khuynh hướng con người đi xuống do hậu quả của tội lỗi, một lần nữa Chúa Thánh Thần lại được ban cho ta nhằm tác động và khêu gợi lại "mầm thiện", nghĩa là hướng con người về những thực tại Trời Cao. Thật vậy,

---

49 Mầu nhiệm xác loài người ngày sau sống lại.

Người tác động mọi suy nghĩ tích cực, điều hướng mọi cảm xúc lành mạnh và thúc đẩy mọi hành động thích hợp.

Để có những tư duy tích cực, chúng ta phải hợp tác với ơn Chúa mà tạo nên một hình ảnh tích cực về bản thân và tha nhân. Tự thân, lý trí con người hướng về Chân Lý. Mọi tư duy đều giúp con người hướng thượng. Nhưng thực tế, không phải lúc nào cũng dễ dàng tạo nên những hình ảnh đẹp. Thật vậy, những gì diễn ra trước mắt con người đôi khi là một thảm họa, chỉ có cặp mắt đức tin mới giúp con người hóa giải phần nào. Nếu không có đức tin thì những ngày lênh đênh trên biển, những cuộc đắm tàu suýt chết, đối với thánh Phaolô, quả là tai họa. Từ những kinh nghiệm đau thương ấy ngài lại ngộ ra một điều: *Thiên Chúa vẫn hằng yêu thương do lượng từ bi của Người.* Thiết tưởng, đó là hình ảnh đẹp nhất mà con người có thể đem theo suốt cuộc hành trình dương thế. Thật vậy, hình ảnh đẹp về Vị Thiên Chúa yêu thương sẽ giúp bản thân sống tích cực hơn trong mọi tương quan. Từ đó, giúp hình thành những cảm xúc lành mạnh nơi chính mình.

Có thể nói, cảm nghiệm cá vị về tình yêu Thiên Chúa là cảm xúc yêu thương đáng trân trọng nhất. Thật vậy, cảm xúc này là biểu hiện của tâm hồn đã được biến đổi. Mà Đấng biến đổi tâm hồn là chính Thánh Thần. Chỉ có tình yêu đích thực mới có sức biến đổi tâm hồn. Và một khi đã được biến đổi, họ cũng khát mong điều ấy cho mọi người. Như thế, cảm xúc lành mạnh được đánh giá tùy thuộc sức hấp dẫn của nó đối với người khác. Nói cách khác, cảm xúc này giúp tu sĩ đồng cảm với mọi hoàn cảnh của người đồng loại. Niềm vui nhân đôi, nỗi buồn giảm nửa.

Chúng ta không thể biết người khác suy nghĩ gì nhưng qua biểu hiện cảm xúc, chúng ta có thể thẩm định tư chất của họ. Quả thật, lòng có đầy miệng mới nói ra. Người vốn hiền lành, cảm xúc của họ rất nhẹ nhàng, khoan thai. Nói cách khác, họ dễ làm chủ cảm xúc của mình hơn người nóng tính, bộc trực. Có thể nói, làm chủ cảm xúc là bước đầu thành công trong việc biết mình. Nói như thế, không có nghĩa là chúng ta sống giả dối ngay cả khi gặp những điều bất ưng cũng tỏ ra đồng thuận. Như Chúa Giêsu, chúng ta cũng có thể nổi nóng, giận dữ để khả dĩ trấn áp sự dữ hoành hành trong cuộc sống thường ngày. Vấn đề là mỗi ngày chúng ta phải dần khám phá nét đẹp bản thân là hình ảnh Thiên Chúa trong mình. Đó là "mầm thiện", Người đã đặt để trong lòng mỗi người. Luôn ý thức bản thân mỏng giòn mà bám vào Chúa và luôn ý thức mình mang hình ảnh Người mà phát huy cảm xúc tích cực. Một người yếu đuối luôn cậy nhờ sức mạnh của Đấng lớn hơn mình. Một người cảm nghiệm được yêu thương, họ dễ dàng sống yêu thương.

Như chúng ta đã biết, khoảng cách từ cảm xúc tích cực đến hành động thích hợp là một thách đố lớn của ý thức và ý chí. Cho dù người ta có đặt ra trăm ngàn cảnh huống để giải quyết những vấn đề cuộc sống, thế nhưng cuộc sống gắn liền

với huyền nhiệm của con người là một yếu tố quyết định tất cả. Con người có định liệu mọi sự vẫn luôn gặp bất trắc, do đâu ?

Con người có thể vận dụng mọi lý thuyết như những kỹ năng sống và cho dù, chúng là kinh nghiệm của những người từng trải và thành công đi nữa, bí quyết của họ không là của bạn. Chính mỗi hoàn cảnh của riêng bạn sẽ nhào nắn con người bạn. Chỉ những ai biết mình đủ và có khả năng đọc ra những dấu chỉ thời đại mới khả dĩ hành động thích hợp và đúng đắn, nghĩa là hành động ấy diễn tả thực chất con người mình. Với một ý thức lớn lao và ý chí kiên vững, người ta mới có thể sống như chính *mình là*. Ai cũng có thể hành động từ những cảm xúc sẵn có đang "sôi sục" trong mình nhưng không phải ai cũng hành động nhằm phát huy nhân cách bản thân.

Nơi nhân cách đời tu, hành động lại càng phải thấm đượm đức tin. Một tu sĩ luôn tìm kiếm và hành động theo ý Chúa sẽ giúp phát huy và định hình nhân cách bản thân.

10.4.Tâm linh

Thiết tưởng, định nghĩa đúng đắn nhất về đời sống tâm linh là *đời sống trong Chúa Thánh Thần.* Thật vậy, chính Người là tác giả đời sống nội tâm nơi diễn ra mọi kinh nghiệm trong tương quan với Thiên Chúa. Thánh Phaolô đã nói về vị Thầy Thần Linh này như sau: *Người thấu suốt những gì sâu thẳm nhất nơi Thiên Chúa*. Như thế, Người sẽ dẫn chúng ta vào trung tâm của đời sống Thiên Chúa ngay tận cung thánh lòng mình. Thánh Augustinô thật chí lý khi nói về thực tại này: *Thiên Chúa sâu thẳm hơn những gì sâu thẳm nhất của hữu thể ta.* Tự sức mình, chúng ta không thể về lại lòng mình cách chân thành 50 nếu không nhờ sự dẫn dắt của Thần Khí, huống nữa, là việc chứng nghiệm Thiên Chúa trong sâu thẳm hữu thể mình.

Cả ngày sống, tu sĩ được hít thở trong Chúa Thánh Thần. Thật vậy, chúng ta chỉ cần ý thức và lắng đọng đủ để lắng nghe những soi động từ bên trong của Vị Bảo Trợ này. Kinh nghiệm về linh thao của thánh Inhaxiô cho chúng ta một hướng dẫn, rằng: *lời mời gọi của Thánh Thần vốn âm thầm nhưng đầy hiệu quả, còn lời cám dỗ của thần dữ rất ồn ào và gây xáo trộn nội tâm.* Như thế, nếu chúng ta đã khởi sự nhờ Thần Khí, nghĩa là để Người dắt vào nội tâm lòng mình, thì cũng xin Người giúp hoàn thành trong việc nhận ra ý Chúa hầu chu toàn nhiệm vụ Chúa trao theo ơn gọi mình lãnh nhận.

Do quá đề cao vai trò của Chúa Thánh Thần trong giờ suy niệm và cầu nguyện mà tu sĩ có thể quên đi sự hiện diện của Người trong mọi sinh hoạt đời sống. Như thế, chiều kích tâm linh ví thể muối mặn được ướp vào từng thớ thịt, làn

---

50 Anselm Grun, *Cuộc khủng hoảng giữa đời người,* tr.15.

da…giúp mỗi tu sĩ sống mặn nồng trong mọi tương quan. Thánh Biển Đức khuyên rằng: *hãy cầu nguyện rồi mới hôn bình an.* Nghĩa là tu sĩ cần phải chiêm niệm trước khi hành động. Như thế, họ tránh khỏi những dối lừa tìm về bản thân.

Tiếng rên siết khôn tả của Thần Khí đã đi vào tận nỗi thống khổ của phận người hầu chắt ra lời nguyện tinh ròng của những tâm hồn nhạy cảm nhất. Thay vì đau khổ quật ngã con người lại trở thành phương thế cứu độ hữu hiệu nhất. Chính Đức Kitô đã dùng đau khổ để diễn tả tình yêu cứu độ của Thiên Chúa. Như thế, Người đến thế gian, không phải để hủy bỏ, cũng không phải để giải thích đau khổ, nhưng làm cho đau khổ đầy tràn hiện hữu của Ngài (Paul Claudel).

Chúng ta không thể lược qua hết những gì Chúa Thánh Thần đã làm trong mỗi linh hồn. Tuy nhiên, chúng ta có thể ghi nhận những hoa trái mà một nhân cách đời tu mang lại qua việc giữ các lời khuyên Phúc Âm: *lòng bao dung và bình an nội tâm.*

Sống trong cộng đoàn tu trì, chúng ta dễ dàng nhận ra những ưu thế và giới hạn của nhau. Từ những ưu thế của mỗi cá nhân, sẽ phát sinh nhiều sáng kiến. Tất cả đều qui hướng về lợi ích chung và giúp xây dựng cộng đoàn. Đây là mặt nổi, ai cũng dễ dàng thấy được. Bên cạnh đó, là những giới hạn của mỗi người. Với chủ trương *tốt khoe xấu che,* các thành viên dễ dàng đóng kịch, đôi khi đeo những "mặt nạ" dày không ai hiểu nổi. Lúc ấy, người ta cần sống *lòng bao dung*.

Lòng bao dung không dừng lại ở việc yêu thương và tha thứ cho nhau mà nó hệ tại ở việc chấp nhận những khác biệt, cả những tội lỗi của nhau nữa ! Điều nguy hại lớn nhất là những gì tốt đẹp đều qui làm của chung, còn những gì tiêu cực thì cá nhân phải gánh chịu. Có những thành kiến mà khi chết rồi cũng chẳng mang theo, nhưng chối lại cho người khác. Như thế, sự tổn thương lại càng bị khoét sâu hơn. Điều này, chúng ta có thể đơn cử trường hợp của thánh Têrêsa HĐGS. 9 năm sống trong dòng Kín, chị bị mang tiếng là người chậm chạp và đau bệnh luôn luôn. Đến nỗi, vào ngày chị qua đời, các chị em kháo láo nhau: *Mình sẽ viết gì về lịch sử đời chị ấy ?*. Có chị trả lời: *chẳng có gì đáng viết cả.* Mãi đến khi lập án phong thánh cho chị, một vị chức sắc thuộc giáo triều đã phát biểu: "*Đời chị Têrêsa không có gì lạ cả, chỉ toàn là những việc tầm thường thôi*". Đức Pio XI trả lời ngay: "*Tôi chấp nhận việc phong thánh cho chị, vì chị đã làm những việc tầm thường*".(51) Và sau khi đọc cuốn *Tự thuật* do chị viết, chúng ta mới thấy sự âm thầm và nhân đức anh hùng nơi chị.

Ai cũng biết nét đẹp và cao thượng của lòng bao dung nhưng chỉ những ai thực sự sống trong Chúa Thánh Thần mới thủ đắc phần nào.

Chúng ta có thể khởi động từ việc chấp nhận phận mỏng giòn của bản thân và cảm nhận lòng tha thứ của Thiên Chúa. Kế đến, chúng ta có thể chuyển dịch những

---

51 X. ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, *Những người lữ hành trên đường hy vọng, tr.399.*

tâm tình ấy trên đối tượng kia. Nếu chúng ta được Thiên Chúa tha thứ hoàn toàn thì đến lượt mình, chúng ta cũng cần biết bao dung. Thiên Chúa có thể tha thứ nhưng Người không thể giải thoát nếu chúng ta cứ gặm nhấm và ở lì trong sự kết án người anh em.

Chấp nhận phận người là bước đầu của lòng khiêm tốn. Cảm nhận được thứ tha là bước đầu của sự biến đổi. Mà niềm vui của một tu sĩ được biến đổi phải làm sống động cộng đoàn, nghĩa là họ trở thành một thành viên tích cực góp phần xây dựng tình bác ái. Từ đó, lòng bao dung sẽ được họ thi thố khi xử sự với anh em. Đồng thời, họ dễ nhận ra những thiện chí của anh em và dễ bỏ qua những va vấp thường tình trong cuộc sống. Đó cũng là bước đầu tái lập *bình an nội tâm.*

Bình an nội tâm khác hẳn với bình an *ngoại tâm,* nghĩa là sự kỷ luật hình thức bên ngoài. Thật vậy, trong đời sống cộng đoàn, các tu sĩ sống trong kỷ luật, khuôn phép nhằm tạo nên một trật tự hài hòa trong tập thể đông người. Điều này chỉ là môi trường thuận lợi hầu giúp tạo lập sự bình an nội tâm. Nếu chỉ dừng lại ở bề mặt này, người ta có khuynh hướng lấy lề luật mà áp đặt và làm cứu cánh cho đời sống mình. Như Chúa Giêsu gọi họ là bọn giả hình. Vì thế, mỗi tu sĩ cần biết lợi dụng bầu khí an hòa nhằm tái tạo sự bình an bên trong.

Như chúng ta đã biết cuộc sống vốn biến động người ta không thể đi tìm sự an toàn bên ngoài rồi mới tái lập sự bình an. *Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến,* câu nói này của sư huynh Nguyễn Tấn Kiệt, có thể giúp ta hiểu được thái độ cần có của người thủ đắc bình an nội tâm. Như thế, yêu sách trước tiên đòi buộc chúng ta phải biết linh động trong cuộc sống vốn biến động và phải biết thích ứng trong hoàn cảnh vốn bất ưng. Bình an đích thực không dành cho người dễ dãi sống buông thả nhưng cho người sống ý thức và ý chí cao, biết tự chủ trong mọi hoàn cảnh. Tất nhiên, trong mỗi hoàn cảnh đều tiềm ẩn ý muốn của Thiên Chúa, chỉ khi hít thở bầu khí trong Thánh Thần, các tu sĩ dễ nhận ra cách thức giúp bản thân triển nở trong bầu khí an lành.

Ngoài ra, bình an đích thực cần phải được lượng giá trong nghịch cảnh. Những ai dễ bị tổn thương do người khác làm mình đau khổ, không thể sống bình an. Những ai cảm thấy chán chường vì không được người đời khen ngợi, không thể sống bình an…Bình an không hệ tại việc người khác không làm tôi bị tổn thương hay chán chường nhưng do thái độ sẵn sàng chấp nhận mọi nghịch cảnh. Không ai có thể cướp được sự bình an trong tâm hồn của ĐHY Nguyễn Văn Thuận. Ngay cả khi bị cô lập trong tù giam, ngài vẫn tự do và sống hy vọng. Vì sự bình an của tôi tớ Chúa đặt ở nơi Chúa.

Tóm lại, cho dù có sự phân biệt giữa đời sống thể lý, tâm lý và tâm linh, nhưng cả ba cùng hòa quyện trong một hiện hữu duy nhất. Chính Chúa Thánh Thần sẽ huy động mọi năng lực giúp mỗi tu sĩ phát huy điểm độc đáo của bản thân hầu phục vụ cho cộng đoàn. Còn những giới hạn lại được lấp đầy từ những thế

mạnh của người khác. Chính sự bổ khuyết này làm nên thế mạnh của mỗi cộng đoàn và là chất liệu hình thành nhân cách đời tu cho mỗi thành viên. Đúng thế, tu sĩ chỉ có thể hình thành nhân cách của mình trong một cộng đoàn cụ thể.

11.LINH ĐẠO ĐỜI TU

Có thể nói, mỗi thánh lập dòng đều có linh đạo riêng nhằm hướng dẫn đời sống của các môn sinh, con cái mình. Suy rộng ra, mỗi thánh đều có linh đạo riêng, nghĩa là có một con đường tâm linh riêng để đạt đến chính Chúa. Một cách phổ quát hơn, đời sống mỗi người làm nên một linh đạo độc đáo vì mỗi chúng ta là duy nhất. Tuy nhiên, lược lại hạnh tích các thánh và quan sát hành trình tâm linh của mỗi người, chúng ta vẫn nhận ra điểm rất chung là: *tất cả đều họa lại cách nào đó gương mặt của Đức Kitô trong cuộc đời mình;* nhờ việc theo sát Đức Kitô mà mỗi người sống đời thánh hiến nhắm đến.

11.1. Thuật ngữ

Linh ở đây, được qui về chiều kích thiêng liêng. Còn chữ *Đạo* lại được truyền thống Đông Phương đưa vào nền triết lý sâu xa. Theo Trung Hoa, *Đạo* được chiết tự từ hai bộ "Xược" và bộ "Thu". *Xược* nghĩa là bước đi hay con đường. *Thu* là đầu hay là chính yếu. Như thế, *linh đạo* được hiểu là con đường thiêng liêng chính yếu giúp con người hướng thượng. Cũng theo truyền thống này *đạo* là con đường vĩnh cửu đưa đến bình an nội tâm và hài hòa với tha nhân. Ngoài ra, theo quan niệm của Lão Tử, *Đạo* còn nhắm đến Thực Tại Tối Linh.

Sau đó, chữ *Đạo* trong tiếng Trung Hoa được người Nhật Bản đổi thành *Do*, nghĩa là nghệ thuật như *kyudo* (nghệ thuật bắn cung), *chado* (nghệ thuật uống trà hay trà đạo). Đối với người Nhật, những nghệ thuật này không phải là những sở thích hay thú tiêu khiển đơn thuần. Chúng là những phương pháp rèn luyện tinh thần, không những có mục đích đem lại sự hài hòa nội tâm, mà còn có mục đích tập trung năng lực và hành động một cách thanh thản trong phút hiện tại. Chúng ta cũng thấy chữ *Do* trong các môn võ thuật tại Việt Nam như *Judo* hay *Akido*, những phương pháp rèn luyện thân thể này không chỉ là những phương pháp tự vệ mà còn là một con đường tâm linh toàn diện nhằm đạt đến sự hài hòa trong mọi tương quan. Do đó, để huấn luyện các môn nghệ thuật này, người Nhật không bắt đầu với những kỹ năng thực hành, mà bắt đầu với thiền định.(52)

Có thể nói, từ những quan niệm trên đều được kết tụ trong Kitô giáo và cụ thể nơi Chúa Giêsu. Thật vậy, Người đã công bố *Tôi là con đường.* Còn nói theo Đông Phương *Tôi là Đạo*. Người nói tiếp *Tôi là sự thật và là sự sống.* Như thế, Đạo ấy là

---

52 X. Wikie Au và Norren Cannon, *Sđd,* tr.25.

Đạo Sống Thật. Đạo này sẽ dẫn đến đâu ? Người nói tiếp: *Không ai có thể đến được với Cha mà không qua Tôi* (x. Ga 14,6). Qua đó, Chúa Giêsu muốn mặc khải Chúa Cha là cùng đích của muôn loài, và Người là chiếc cầu nối giữa đôi bên. Như thế, Người trở thành linh đạo cho con người mọi thời muốn hướng về Chúa Cha. Nói cách khác, chúng ta phải qui về chính đời sống của Đức Kitô. Cũng vậy, lời mời gọi *trở về nguồn* để canh tân và thích nghi theo tinh thần cộng đồng Vatican II, nguồn ấy phải hiểu là chính Đức Kitô.

11.2.Tự hủy

Trong tông huấn *Đời sống thánh hiến,* thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã giới thiệu viễn cảnh tốt đẹp tại núi Tabor, nơi Chúa Giêsu thực hiện cuộc biến hình. Có thể nói, cuộc hiển dung ấy là cùng đích của mọi kitô nhắm đến, cách riêng các tu sĩ được mời gọi sống chiều kích chiêm niệm ngay tại đời này khởi đi từ kinh nghiệm của các tông đồ.

Việc các ông đi xuống núi là một cuộc trở về với thực tại đời thường, nơi đó, các ông sẽ chứng kiến chính cái chết đau thương của Thầy mình. Viễn tượng ấy chính là niềm hy vọng cuối cùng cho niềm tin của các ông. Để rồi, chính các ông cũng sống lại chính kinh nghiệm đau thương của Chúa Giêsu trong cuộc đời mình.

Có thể nói, linh đạo *tự hủy* của Chúa Giêsu là nền tảng cho mọi linh đạo đời tu. Thật vậy, Thiên Chúa vốn giàu sang phú quí lại trở nên nghèo để lấy cái nghèo của mình mà làm cho chúng ta trở nên giàu có. Thiên Chúa đã trở nên nghèo trong việc mang lấy thân xác phàm nhân vốn yếu hèn tội lỗi. Để có thể, cùng vui với người vui, khóc với người khóc. Chúa Giêsu vì yêu thương nhân loại muốn cứu con người nên đã chọn cách đi xuống tận cùng thân phận con người để kéo con người lên. Không ai có thể cảm nhận sự kinh tởm của tội lỗi bằng Người. Không ai có thể cứu vớt con người khỏi tình trạng ấy ngoài Người. Đó là lý do khiến Người chọn con đường *tự hủy*, xuống trần gian cứu chuộc con người.

Truyện kể rằng có chàng thanh niên chẳng may sa xuống hố sâu bị thương, khóc kêu la thảm thiết, nhiều người nghe thấy đến chứng kiến cảnh tượng thương tâm này. Mọi người đều cảm thương chàng thanh niên nhưng không ai ra tay cứu giúp.

Khi ấy, một nhà toán học nói rằng: "*Thật là may mắn cho anh ta, rơi xuống độ cao như thế mà còn sống sót",* rồi ông bỏ đi. Một bác sĩ đứng đó cũng lên tiếng: "*Thật đáng thương, có lẽ anh ta mất nhiều máu lắm nhỉ ?"*, rồi cũng bỏ đi. Một nhà đạo đức đứng đó, cũng thêm lời: "*Chịu khổ đời này đi nhé, đời sau Chúa thưởng công !",* rồi cũng bỏ đi. Sau đó, một chàng thanh niên nhảy xuống, đỡ người ấy dậy, vác trên vai và tìm cách đưa người ấy lên trong sự thán phục của mọi người. Chàng thanh niên quảng đại ấy chính là Chúa Giêsu. Người đã hạ mình xuống để nâng loài người sa ngã lên. Tình yêu ấy còn được kéo dài và lớn mãi tới

chân thập giá. Nơi đó, tình yêu của một Vị Thiên Chúa bị lột trần. Ấy là tột đỉnh của mầu nhiệm tự hủy mà mỗi tu sĩ hằng chiêm ngắm và sẽ kinh nghiệm nơi thân xác mình trong cuộc hiện sinh này.

Linh đạo *tự hủy* này chính là kinh nghiệm cuộc sống của Chúa Giêsu, thế nên, nó không được viết ra bằng chữ viết nhưng bằng giá máu châu báu của Người. Linh đạo này không đơn thuần là những chỉ dẫn trong đời sống tâm linh mà còn là không gian giúp tái tạo một cuộc gặp gỡ với Đấng yêu thương mình. Linh đạo trên giấy trắng mực đen một ngày sẽ lỗi thời nhưng hình ảnh một Con Người sống động sẽ không bao giờ phai mờ trong tâm trí chúng ta. Một cuộc gặp gỡ yêu thương như thế sẽ không khép lại ở hai người nhưng mở ra luôn mãi cho mọi tương giao khác. Vì đó là tiêu chuẩn đánh giá một nhân cách lành mạnh.

Làm cách nào giúp tu sĩ sống linh đạo Tự hủy này ?

Thiết nghĩ, một tư tưởng khả dĩ điều hướng đời sống của các tu sĩ là *tôi phải nhỏ đi và Chúa phải lớn lên* (x. Ga 3,30). Còn nói như thánh Phaolô: "*Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi"* (Gl 2,20). Suốt cuộc đời, các tu sĩ không làm gì khác là đi tìm ý Chúa thực hiện trong cuộc đời mình. Nói cách khác, họ sống và dấn thân cho vinh danh Chúa và mở rộng Nước Trời.

Phải chăng khi sống linh đạo này vị tu sĩ đánh mất bản thân ?

Chắc hẳn là không, nhưng ngược lại, họ tìm ra căn tính của mình trong Thiên Chúa. Mỗi tu sĩ vẫn tự do thể hiện bản thân từ những năng lực độc đáo của một nhân vị hầu giúp hình thành một nhân cách đời tu. Đồng thời, họ biểu dương sức năng động của ơn Chúa tác động trong cuộc sống họ. Và chỉ trong Chúa, họ mới đạt đến một nhân cách đời tu đích thực.

11.3.Niềm vui

Nếu nơi Thập giá Đức Kitô mang một màu bi thương, ảm đạm của ngày thứ sáu Tuần Thánh, đỉnh cao của mầu nhiệm tự hủy - mặc dù đó là cách tốt nhất để diễn tả tình yêu Thiên Chúa, thì chúng ta cần khám phá ra niềm vui của ngày Chúa Nhật Phục Sinh.

Có thể nói, linh đạo *niềm vui* bàn bạc trong suốt cuốn Tin Mừng. Ngay chính tên gọi cũng diễn tả một tin mừng, niềm vui lớn lao.

Ngày nay, người ta tạo nên những bức ảnh về một Chúa Giêsu cười, mặc áo thun, quần jeans và trên tay cầm một cây đàn ghi-ta…đây là một cách hội nhập vào trong đời sống tiến bộ của con người thời đại, đồng thời, giúp người trẻ dễ tiếp cận với một Giêsu rất sành điệu. Thế, nhưng, đó không phải là trọn vẹn sứ điệp mà Chúa Giêsu đem lại. Niềm vui mà Người muốn mang đến cho con người là niềm vui được cứu độ. Niềm vui mà Người muốn ban tặng cho con người là niềm vui được giao hòa với Chúa Cha, được gọi Thiên Chúa là Cha. Đó là niềm vui căn bản

nhất của Đạo Thánh. Ngoài ra, cần kể đến niềm vui trong Thánh Thần, niềm vui được chữa lành…

Kể ra những niềm vui này hầu giúp mỗi tu sĩ nhận ra trong mỗi khoảnh khắc dù đau buồn, thất vọng biết bao vẫn còn đó sự hiện diện vô hình của Đấng Phục Sinh. Và ngay khi cửa lòng chúng ta đang đóng kín, Người vẫn hiện đến và chúc bình an cho ta, miễn là chúng ta đừng khước từ Người. Đức Phanxicô đã nhắn nhủ những người sống đời thánh hiến rằng: "*Ở đâu có tu sĩ, ở đấy có niềm vui*".

Thiển nghĩ, khi phát biểu câu nói này, chắc hẳn Đức Thánh Cha đã tưởng nghĩ đến thánh Phanxicô mà ngài đã nhận linh đạo của thánh nhân trong suốt cuộc đời mục vụ với tư cách là vị thủ lãnh của Giáo hội Công giáo.

Có thể nói, cuộc đời của vị Thánh Nghèo là một chuỗi niềm vui và kinh nghiệm thần bí. Chúng ta có thể tưởng tượng một người với bộ dáng đơn sơ và nghèo hèn đã đi khất thực khắp thành Assisi và rêu rao về một tình yêu Thiên Chúa nào đó. Một người vốn giàu có, con của một thương gia lại trở thành một kẻ khất thực lang thang. Điều gì đã khiến thánh nhân làm một chuyện có vẻ "điên rồ" thế ? Nếu không phải vì ngài đã ngộ ra một điều: *Thiên Chúa quá yêu thương tôi và đã tự nguyện sống nghèo vì tôi, ngài đã lấy cái nghèo của mình mà làm cho tôi được giàu có.* Sự giàu có mà thánh nhân nhận, được diễn tả qua niềm vui của người biết cho đi, niềm vui nội tâm của người nghèo khó trong tâm hồn.

Đồng thời, với một nhân cách vui tươi ấy lại là người đã sống kinh nghiệm thần bí bằng những dấu thánh tích trên thân thể ngài. Một vị thánh của niềm vui lại lấy đồi Sọ làm điểm hẹn với một vị Thiên Chúa chịu treo trên Thập Giá. Khi chiêm ngắm mầu nhiệm tự hủy của Một Tình Yêu mà thánh nhân có thể reo lên: *Chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời.* Từ đó, thánh nhân ý thức rằng *niềm vui lớn nhất là niềm vui sống bên Chúa.* Như thế, cuộc đời của thánh nhân như một sự tái diễn cuộc khổ nạn của Thầy Chí Thánh và thông dự niềm vui phục sinh với Người. Nói cách khác, tự hủy và niềm vui là hai nhịp sống căn bản mà thánh nhân đã họa lại trong cuộc đời mình theo gương Đức Kitô.

Ngoài ra, Giáo hội còn tặng ban cho thánh nhân danh hiệu là *vị sứ giả hòa bình.* Thiết tưởng, đây là hoa trái của một cuộc sống đầy yêu thương của vị thánh nghèo.

11.4.Hiệp thông

Nói đến hiệp thông, trước hết và trên hết, tông huấn Vita Consecrata mời gọi mọi người chiêm ngắm Thế giới của Thiên Chúa, trong đó, Ba Ngôi cùng thông chia sự sống trong một bản thể duy nhất. Sự hiệp thông nội tại này được liên kết nhờ tác động của Thánh Thần trong tình yêu Cha-Con. Mà mỗi người trong mức độ có thể, được mời gọi đến hiệp thông trong cùng một tinh thần. Chiều kích này đã được cộng đoàn tiên khởi sống một cách triệt để như lời khẳng định của thánh

sử: “*Họ đồng tâm nhất trí…”* Một ghi nhận rằng cộng đoàn này chỉ sống tinh thần hiệp thông như thế sau biến cố Lễ Ngũ Tuần. Như thế, chúng ta càng xác tín hơn vai trò của Chúa Thánh Thần trong mầu nhiệm hiệp thông.

Tông huấn đã viết: “*Những người tận hiến được yêu cầu trở thành thực sự những chuyên viên về hiệp thông và thực hành linh đạo hiệp thông*”.(53)

Lời mời gọi này đã gần 20 năm nhưng vẫn còn mang tính thời sự; thậm chí, nó còn phải được khẳng định mạnh mẽ hơn nữa trong một xã hội đề cao chủ nghĩa cá nhân, chà đạp nhân phẩm…Thật vậy, làm sao người tận hiến có thể trở thành chuyên viên hiệp thông khi mỗi thành viên chỉ biết đề cao cá nhân mình; làm sao người tận hiến có thể thực hành linh đạo hiệp thông nếu không có chung một hướng nhìn về nhân phẩm và quyền bình đẳng…

Để có thể trở thành “chuyên viên hiệp thông” theo cách nói của Tông huấn Vita Consecrata, và một lần nữa, được Đức Phanxicô nhắc lại, trong cộng đoàn dòng tu, chúng ta cần học bài học “quên mình” của vị thánh thành Assisi.

Ngài nói: *“Chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân”.(54)*

Để hiểu lời khẳng định này, chúng ta tìm sự hướng dẫn nơi tông thư của Đức Phanxicô: “*Không ai xây dựng tương lai khi tách riêng mình ra, cũng không thể chỉ với sức lực riêng của mình, nhưng biết mình đang ở trong sự thật về một tình hiệp thông luôn mở ra cho việc gặp gỡ, cho đối thoại, cho lắng nghe nhau, người này nghe người khác và giữ cho mình khỏi căn bệnh tự quy hướng về mình*”.(55) Thật vậy, làm sao có thể mở ra cho việc gặp gỡ nếu không phải là việc ra khỏi mình; làm sao có thể đối thoại nếu không phải là việc quên mình và chăm chú lắng nghe những nguyện vọng người khác; và làm sao giữ cho mình khỏi căn bệnh tự qui hướng về mình nếu không phải là học bài học *quên mình*. Nhưng làm sao quên mình mà gặp lại bản thân ? Bản thân ấy chắc hẳn là hiện hữu trong sự hiệp thông của Chúa Ba Ngôi.

Tóm lại, cho dù linh đạo có khởi đi từ Thiên Chúa Ba Ngôi hay Đức Kitô, điều đó không đóng khung chúng ta trong một đường hướng cố định và cứng nhắc, nhưng luôn tôn trọng không gian tự do mang tính sáng tạo của mỗi người. Vì Đức Kitô có chuẩn mực đến mấy, Ngài cũng không bắt chúng ta rập khuôn theo Ngài. Tuy nhiên, nhờ tinh thần của Ngài hướng dẫn mà chúng ta tìm được nét đẹp riêng của minh trong nhân cách đời tu.

---

53 Đức Gioan Phaolô II, *Sđd,* số 46.

54 Đây là một câu trích trong *Kinh Hòa Bình* được gán cho sáng tác của thánh nhân. Theo các nhà chuyên môn kinh này không do ngài trước tác mà do một tác giả cùng thời đã sống theo tinh thần của thánh nhân. Tuy nhiên, chúng ta tạm chấp nhận thực tế này vì lòng đạo đức của các tín hữu…

55 Tông thư của Đức Phanxicô gởi tất cả những người sống đời thánh hiến nhân dịp cử hành Năm về Đời sống Thánh hiến.

12.CĂN TÍNH

Nếu hiểu căn tính là nguồn gốc và bản chất của con người thì chúng ta chỉ có câu trả lời trong Thiên Chúa. Thánh Phaolô đã khẳng định rằng: "*Trong Đức Kitô, Người đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ…Theo ý muốn và lòng nhân ái của Người, Người đã tiền định cho ta làm nghĩa tử…*" (Ep 1,4-5) Do tình thương, Thiên Chúa đã cho ta hiện hữu và làm nghĩa tử của Người.

Thật thế, mỗi chúng ta được Thiên Chúa sinh ra hai lần: lần trước, từ muôn thưở, trong trí năng của Người; lần sau, Người cho ta hiện hữu trong thời gian. Do đó, chúng ta có nguồn gốc thần linh. Bản tính của sự thiện là trào tràn và tình yêu là thông ban, chúng ta cũng được sinh ra từ đó. Chúng ta được rút ra từ vinh quang của Người. Thế nên, chúng ta cũng được mời gọi sống để làm vinh danh Chúa ngay chính trong hoàn cảnh hiện tại của mình.

Là tu sĩ, với ý thức nguồn gốc thần linh của mình, tôi khao khát sống đời hoàn thiện như Thiên Chúa là Đấng Hoàn Thiện. Tôi là một tia sáng phát từ vinh quang Người. Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II nhắc nhở rằng: "*Các con hãy sống trọn cuộc hiến dâng cho Chúa, để thế giới này đừng mất đi một tia sáng chiếu ngời vẻ đẹp của Thiên Chúa trên đường đời nhân loại".(56)* Mỗi người đều có nét độc đáo và duy nhất không thể thay thế trong chương trình của Chúa. Vì thế, mọi nỗ lực xây dựng nhân cách đời tu phải được xây dựng trên nền tảng này là *Thiên Chúa sinh ra tôi trong tình thương vô biên của Người.* Và việc tôi hiện hữu trên đời là dấu chứng của tình Chúa yêu tôi. Khi thiết lập tương quan liên vị thân tình với Thiên Chúa dần dà tôi sẽ nhận ra tiếng nói yêu thương của Người trong gió hiu hiu hầu có thể tiếp tục dấn thân triệt để trong tư cách là nghĩa tử của Người.

Như chúng ta đã biết, câu Kinh Thánh làm tiền đề cho mọi suy tư thần học về con người là: "*Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh Ngài".* Theo truyền thống các Giáo Phụ, lý trí và tự do của con người là hai phẩm tính tạo nên việc con người giống hình ảnh Thiên Chúa. Thiển nghĩ, câu nói này còn mang ý nghĩa biểu tượng.

Thật vậy, con người giống hình ảnh Thiên Chúa, con người này trước tiên được hiểu là Đức Kitô như lời thánh Phaolô đã nói: "*Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình"* (Cl 1,15). Con giống Cha, ấy là điều hợp lẽ tự nhiên. Nếu Đức Kitô là con Chúa Cha theo bản tính thì con người cũng được nhận làm con do ân sủng Đức Kitô mang lại.

Cũng từ câu Kinh Thánh này, con người nhận ra những ơn huệ Thiên Chúa ban hầu giúp họ sống và làm sáng tỏ hình ảnh của Người trong cuộc sống mình. Thật vậy, như lời thánh Phaolô khẳng định: "…*những ai Người đã biết từ trước, thì Người đã tiền định cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con của Người* (Rm

---

56 Gioan Phaolô II, *Tông huấn Đời sống thánh hiến,* số 109.

8,29). Chúng ta cần dừng lại ý nghĩa của câu nói này để hiểu rõ hơn mặc khải của Thiên Chúa khi nói: *Ta dựng nên con người giống hình ảnh Mình.* Đúng thế, khi Người *biết từ trước* và *tiền định,* nghĩa là Người đặt để lòng khát khao nơi con người muốn nên *đồng hình đồng dạng với Con của Người* (giống hình ảnh Thiên Chúa).

Như thế, chỉ từ câu Kinh Thánh trong sách Sáng Thế, ngay từ đầu Thiên Chúa đã muốn mặc khải căn tính của con người để từ đó, với ý thức là nghĩa tử, mỗi người sống trọn vẹn ơn gọi của mình ở trần gian để mỗi ngày phác họa rõ nét hình ảnh của Thiên Chúa trong cuộc sống mình.

Vậy chúng ta hiểu sao khi có người nói đến việc các tu sĩ phải giữ căn tính đời tu của mình ? Từ những gì vừa trình bày, chúng ta nhận ra rằng con người có chung một căn tính, nghĩa là có *nguồn gốc* từ Thiên Chúa. Còn *bản chất* của mỗi người sẽ tạo nên sự khác biệt của mỗi nhân vị.

Đúng thế, căn tính ở đây, được giải thích là *nguồn gốc* và *bản chất.* Nếu xét theo *nguồn gốc* thì con người chỉ có chung một nơi phát xuất. Còn xét theo *bản chất*, thì mỗi người cũng đều mang hình ảnh Thiên Chúa trong mình, chỉ có khác là cách thể hiện ra bên ngoài, điều này tùy thuộc vào khí chất, di truyền, ý chí, hoàn cảnh…tạo nên một con người điển hình. Nói cách khác, chính nhân cách của mỗi người tạo nên sự khác biệt, độc nhất, duy nhất trong tổng hòa của nhân vị đó. Từ cách hiểu này, nhân cách nói chung và nhân cách đời tu nói riêng, phải đặt dưới nền tảng căn tính này. Vì mỗi người phải nhận ra: bản thân hiện hữu nhờ đâu, rồi từ đó, khả dĩ xây dựng nhân cách của mình. Một nhân cách không dựa trên căn tính của mình là một nhân cách "hời hợt".

Xét cho cùng, căn tính đời tu chỉ hiểu theo một nghĩa rất giới hạn trong bản chất của con người. Ngày nào các tu sĩ con chăm chú, ý thức giữ vững những lời khuyên Phúc Âm, ngày đó, họ còn giữ được căn tính đời tu của mình. Ngày nào các tu sĩ còn sống trung thành và sáng tạo theo đặc sủng của Dòng, ngày đó, họ còn sống theo tinh thần *Về nguồn* của công đồng Vatican II. Khi ấy, nhân cách đời tu của họ cũng được phát huy và đời sống cộng đoàn nơi họ sống cũng được triển nở.

13.NHÂN CÁCH ĐIỂN HÌNH

13.1.Thánh Phanxicô thành Assisi

Tuổi thơ của cậu được sự bao bộc của người mẹ và sự giáo dục nghiêm khắc của người cha. Cậu nhận được lòng bao dung, sự nhạy bén của người mẹ; đồng thời, cậu nhận được sự tự lập và tính quyết đoán của người cha. Đó là ưu thế giúp cậu phát triển nhân cách lành mạnh. Cộng thêm, hoàn cảnh gia đình giàu có, cậu ít khi bị tự chối một nhu cầu chính đáng nào. Thế nên, cậu dễ dàng sống với những ý

nghĩ của bản thân, ít bị dồn nén trong đời sống nội tâm. Ngoài ra, với tư chất vốn hướng ngoại và trực giác, cậu dễ dàng sống hài hòa với mọi tương quan. Với những ưu thế đó, cậu lớn lên trong tình thương của mọi người.

Tuy nhiên, từ khi đón nhận tiếng Chúa tại nhà nguyện Damiano, chàng thanh niên Phanxicô đã quyết định chọn con đường dấn thân triệt để cho Thiên Chúa. Quyết định này đòi buộc việc từ bỏ gia đình. Hơn nữa, chàng phải cự tuyệt với cha do không thực hiện ước nguyện của cha là trở thành một thương gia. Nhờ quyết tâm sống trọn cho Thiên Chúa mà nhân cách của chàng đã định hình trong đời tu. Chàng biết rằng khi quyết định chọn đời tu là phải đặt Thiên Chúa trên tình cảm gia đình. Chính khi chấp nhận thực tế đó, chàng chọn sống tự lập. Ấy là một lợi thế giúp chàng định hình nhân cách.

Sống trong thời đại mà Giáo hội lẫn xã hội đều phồn thịnh, xa hoa, điều này đã tạo trong tâm khảm chàng một sự trống rỗng, vô vị của những tiện nghi vật chất. Từ đó, chàng đã quyết định sống với thao thức thuộc trọn về Chúa bằng cách từ bỏ mọi sự, kết duyên với Bà Chúa Nghèo. Chắc hẳn, không phải dễ dàng mà ngài quyết định như thế, ngài đã phải trải qua một sự giằng co khốc liệt trong tâm hồn để có thể tìm ra cho mình một linh đạo *vui sống nghèo* và lấy Bà Chúa làm lẽ sống. Với mảnh áo mỏng manh trên người, chàng hát khúc ca yêu đời, đồng thời, cảm tạ hồng ân của Chúa vì được sống hạnh phúc và thanh thoát trong cảnh nghèo. Tấm áo lấm bụi đường không làm phai nhạt tư cách người hành khất, trái lại, còn làm nổi bật thái độ từ bỏ triệt để nơi chàng. Từ đây, khúc ca yêu đời như lời mời gọi mọi người sống nghèo để chiếm trọn tình yêu của Thiên Chúa.

Nhân cách lành mạnh ấy cũng lôi kéo một nhóm người đi theo mình. Từ đó, ngài bắt đầu nghĩ ra những qui tắc hướng dẫn đời sống họ. Vì người ta không phải sống nghèo để bần cùng hóa nhân loại nhưng sống thanh thoát với tất cả tình yêu hiến dâng. Để cuối cùng, họ chiếm đoạt Chúa là hạnh phúc đích thực đời mình.

Bề ngoài, do tư chất lạc quan, ngài cởi mở với mọi tương quan. Thiên nhiên trở thành người anh, người chị, nghĩa là chiếm một chỗ đứng quan trọng trong đời sống bản thân. Điều này được chứng thực qua *Bài ca tạo vật.* Còn với mọi người, ngài trở thành người hòa giải; thế nên, ngài được mệnh danh là sứ giả hòa bình. Thật vậy, vào những ngày cuối đời nằm trên giường bệnh, ngài không ngừng thao thức để Đức Giám Mục và ông thị trưởng ở Assisi làm hòa với nhau. Thiện chí ấy đã được Chúa chúc lành. Như thế, ngài đã thêm vào nhân cách mình nét đẹp của một người bao dung, muốn ôm trọn mọi hiện hữu trong tình yêu của Thiên Chúa. Điều này thể hiện phần nào chiều sâu nội tâm của con người ngài.

Đúng thế, ngài thiết lập một tương quan liên vị thân tình với Chúa. Những thị kiến ngài nhận được là bằng chứng xác thực cho một tâm hồn thuộc trọn về Chúa. Và gần hai năm cuối đời, ngài được phúc nhận năm dấu thánh, được chia sẻ những đau khổ của Đức Kitô trên đồi Calvê. Đồi này trở thành điểm hẹn thường xuyên

giữa Chúa và linh hồn ngài. Nỗi đau trên thân xác và bản thân bị mù lòa không cướp đi niềm vui của một con người lạc quan yêu đời, trái lại, chính khi bản thân chịu nhiều đau đớn và cả cái chết gần kề lại là cơ hội giúp ngài thể hiện ý chí anh hùng, một nhân cách cao thượng.

Ngoài ra, với một ý thức lớn lao trong đời sống tính dục, ngài đã thiết lập một tình bạn thắm thiết với thánh Clara để cùng nhau đưa nhiều linh hồn đến gần Chúa. Đó là dấu hiệu tích cực của một nhân cách đích thực. Thật vậy, một nhân cách lành mạnh luôn ý thức căn tính của mình, đồng thời, sống hài hòa với mọi tương quan.

Tóm lại, nhân cách nơi thánh Phanxicô mang đậm niềm vui của một người đã được giải thoát khỏi mọi của cải vật chất và những hào nhoáng bên ngoài. Chính tình yêu của Đấng chịu đóng đinh đã thúc bách ngài sống một cuộc đời tràn ngập niềm vui. Chính niềm hy vọng vào Đấng Phục sinh đã củng cố cho cuộc từ bỏ triệt để nơi ngài. Có thể nói, chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân, gặp lại chính nhân cách đích thực của mình trong Đấng Phục sinh.

13.2.Thánh Têrêsa HĐGS

Có thể nói, môi trường gia đình giúp hình thành nhân cách nơi thánh Têrêsa. Thật vậy, được sống trong một gia đình truyền thống đạo giáo, bé Têrêsa lớn lên trong sự giáo dục và che chở của cha mẹ. Đến khi mẹ qua đời, bé lại dồn hết tình thương vào người cha. Chính hình ảnh người cha này sẽ mang đậm nét nơi ký ức của Têrêsa trong những năm sống tại dòng Kín sau này.

Với những lợi thế về hoàn cảnh gia đình và tình thương của cha mẹ có thể là cơ hội giúp một nhân cách hình thành lành mạnh; trái lại, đôi khi nó lại là một cản trở cho trường hợp của Têrêsa. Thật thế, nhờ sự bao bọc và yêu thương của gia đình giúp chủ thể sống triển nở thì bé Têrêsa đã bám chặt vào đó như một người lệ thuộc. Điều này được minh chứng qua việc bé chỉ ngủ sau khi nghe từng người khen rằng hôm nay Têrêsa ngoan. Hay một dịp khác, bé cảm thấy khó chịu khi mẹ cho mình mặc một bộ đồ không thích, bé tự nhủ: *phải chi mặc được cái đầm dễ thương kia thì được nhiều người khen đẹp.* Qua đó cho thấy chị vốn là một người lệ thuộc, sống dựa vào lời khen tiếng chê của người đời. Và với tư chất hướng ngoại và cảm giác, chị thích làm một diễn viên hay một nhà viết kịch. Điều này đã được các chị trong dòng Kín cổ võ như một đam mê giúp chị nên thánh. Tất nhiên, khi vào dòng, chị đã phải chiến đấu rất nhiều với những khuynh hướng lệ thuộc của bản thân bằng cách đặt ra một động lực thiêng liêng cho mỗi hành động của mình. Đúng thế, việc người khác nhờ chị cầu nguyện thay vì khoe khoang vì thành công của mình, chị đã cầu nguyện với ý thức vì lợi ích cho các linh hồn.

Chúng ta biết rằng người lệ thuộc hay mua chuộc sự chú ý người khác qua việc tốt họ làm thì chị khi vào dòng chỉ khát khao ví mình như cát dưới chân mọi người hoặc là một cách hoa mọc trong khe đá chỉ mình Chúa thấy mà thôi ! Qua

đó, chúng ta thấy bước tiến của chị thánh khi biết những giới hạn của mình và khắc phục nó một cách ngoạn mục. Có thể nói, đó là những thành công nhỏ góp phần trong việc tiến triển đời sống tâm linh. Trong khi một người lệ thuộc chỉ dừng lại với dáng vẻ bên ngoài và lấy việc làm giúp đỡ người khác mà lắp đầy sự trống rỗng nội tâm, chị đã nhận ra điểm yếu của mình mà hướng tất cả về siêu nhiên.

Chúng ta ghi nhận một bước tiến khác nơi chị thánh. Do khuynh hướng thích cảm giác, chị ấp ủ tình thương của người cha nhân loại. Nhưng khi bước chân vào dòng, chị đã từ bỏ tất cả. Đó là một hy sinh của chị, đồng thời, nó cũng còn bị dồn nén cách nào đó tự bên trong. Phải 6 năm sau, chị mới thực sự được giải thoát. Thật vậy, nếu nhắm đến Thiên Chúa là Cha nhân hậu là ánh sáng duy nhất trong đời sống nội tâm thì mọi chiều kích khác là bóng tối của linh hồn. Suy nghĩ này đã làm cho chị đau lòng khi ôm ấp ký ức về một người cha nhân loại. Cho đến khi khám phá ra linh đạo *Con đường thơ ấu thiêng liêng,* chị mới được giải thoát thực sự. Thật thế, thay vì loại bỏ tình nhân loại cha-con, chị đã thăng hoa bằng tình Phụ-tử trên Trời. Thay vì lệ thuộc tiếng khen người đời, chị hoàn toàn lệ thuộc vào tình yêu Cha, nghĩa là sống phó thác con thơ. Như thế, sự lệ thuộc tình cảm vào người cha nhân loại đã giúp chị cảm nghiệm sâu xa vào tình yêu Thiên Chúa là Cha. Chính trong sự lệ thuộc tưởng chừng như kéo ghì con người xa đời sống nội tâm thì chị thánh đã làm nên một việc đích đáng là khai mở một linh đạo thiết thực, *Con đường thơ ấu thiêng liêng.*

Qua những phân tích sơ bộ theo nhãn quan tâm lý học, chúng ta có thể rút ra một kết luận: *mọi mẫu người với những ưu thế và những hạn chế đều có thểnên hoàn thiện tùy mức độ đương sự cộng tác với ơn Chúa.* Như thế, nét đẹp nhân cách nơi chị thánh là *tùy thuộc vào tình yêu Thiên Chúa là Cha.* Thiết tưởng, đó cũng là phương thế thích hợp giúp người lệ thuộc sống tinh thần phó thác vào tình yêu Thiên Chúa là Cha.

KẾT LUẬN

Nhân cách mỗi thời có một mô phạm điển hình nào đó, vì nó phụ thuộc phần lớn vào môi trường. Điều này giả thiết tính độc đáo của mỗi nhân vị và tất nhiên, không loại bỏ ý chí và tự do của cá nhân. Đời tu cũng thế, mỗi thời mỗi thách đố luôn đặt ra những đòi hỏi buộc các tu sĩ phải đối diện. Với 3 thách đố lớn: *danh, lợi* và *thú,* 3 cái lăng nhăng nó quấy ta, đã được các tu sĩ điều hướng khi sống trọn vẹn 3 lời khấn: *vâng lời, khó nghèo* và *khiết tịnh.* Nếu các tu sĩ quyết tâm sống triệt để 3 lời khấn này thì 3 thách đố kia bị giảm trừ trong đời sống cộng đoàn.

Ngày nay, khi tâm lý học đã khám phá ra những chiều sâu của vô thức con người, xem ra, những gì trước kia là thánh thiện, đạo đức cũng chịu sự phán xét của những động lực vô thức đôi khi làm đánh mất sự tinh ròng trong đời sống tâm linh. Chưa hết, những cơ chế tự vệ đã đánh mất sự quân bình trong đời sống, mặc

dù nhân danh sự thánh thiện nào đó. Đôi khi, đời sống thánh hiến trong một cộng đoàn, các tu sĩ sống đối phó, nếu không muốn nói là giả dối. Điều này làm vương hại đến cái tôi và kéo theo sự trì trệ của hành trình tâm linh. Vì thế, cầu nguyện trở thành phương thế hữu hiệu giúp các tu sĩ được chữa lành và giải thoát.

Sống trong một cộng đoàn, điều khó khăn lớn nhất là sự hòa nhập với mọi người mà không mất đi tính độc đáo, duy nhất và không thể thay thế của mỗi nhân vị. Đôi lúc, trong hành trình tâm linh, mỗi tu sĩ phải chấp nhận trạng thái một mình trong tương giao với chính Chúa. Điều này thuộc kinh nghiệm cá nhân mà sau mỗi cuộc chinh phục tâm linh, mỗi tu sĩ không ngừng làm trổ sinh hoa trái trong đời sống thực tế của mỗi người. Trong tập sách này chỉ đề cập đến hoa trái thấy được của tình huynh đệ, còn kinh nghiệm sống một mình với Chúa thuộc chiều kích cá nhân.

Nhân cách tôn giáo cũng thế, nhân cách đời tu cũng vậy, luôn đề cao thái độ sống ý thức dưới sự hiện diện của Thiên Chúa. Có thế, các tu sĩ sống tinh thần chiêm niệm ngay trong chính từng khoảnh khắc của cuộc sống hiện tại. Mà động lực cao cả nhất thúc đẩy các tu sĩ sống đời tu cách tích cực là *cảm nghiệm tình yêu của Chúa Kitô*. Tình yêu ấy được diễn tả sâu sắc trong *mầu nhiệm tự hủy.* Không dừng lại ở động lực này, Chúa còn trở thành mô phạm cho mọi nhân cách đời tu. Chắc hẳn, tu sĩ không thể nào rập khuôn cứng nhắc trong việc bắt chước Người, mà phải biết thích ứng trong hoàn cảnh cụ thể với một năng lực riêng biệt của bản thân nhằm xây dựng nhân cách đời tu.

Để kết thúc, xin gởi đến bạn độc một câu chuyện trong truyền thống tâm linh của nhân loại.

Có một bậc tu hành đắc đạo, mỗi ngày dành nhiều giờ để ngồi thiền. "*Hữu xạ tự nhiên hương",* hương thơm thánh thiện của ngài đã được nhiều người chứng kiến và thán phục, có kẻ muốn theo ngài tầm sư học đạo. Tuy nhiên, do việc ngồi thiền lâu giờ, có chú chuột cứ đến cắn phá và xé tan chiếc áo nhà tu. Để xử lý tình huống này, mọi người đã tặng thầy một con mèo để bắt chuột và như thế, ngài sẽ tiếp tục an tâm sống đời chiêm niệm, trong những công án thiền giải thoát. Thế rồi, khi có con mèo, lại không có sữa để nuôi nó, buộc lòng mọi người lại hiến dâng một con bò cho sữa hầu nuôi con mèo. Đến lượt con bò, cũng phải cần cỏ để làm thức ăn và giúp nó tạo sữa. Thế là, nhà sư quyết định cưới luôn một cô vợ để trồng cỏ cho bò ăn và chăm luôn cả con mèo bắt chuột. Thời gian sau, những người ái mộ khi xưa cũng đến, họ ngỡ ngàng vì sự việc xảy ra, con chuột cũng chẳng còn mà chiếc áo thầy tu, thầy cũng không khoác nữa. Bù lại, ngài đã có một cô vợ xinh đẹp, hằng ngày hầu hạ mình.

Có thể nói, đó là một hình thức nhân cách đời tu bị tục hóa và đánh mất. Phong cách ngồi thiền lâu giờ là một trạng thái hiện hữu của nhà tu hành. Con chuột là đại diện những mánh lới của thế gian. Chú mèo, con bò…là những cách

đối phó trong từng thách đố của cuộc sống. Cuối cùng, nhà tu hành đánh mất chính ơn gọi và nhân cách làm nên cuộc đời mình. Có thể vì bám vào việc bảo vệ chiếc áo dòng bên ngoài mà trở nên xa lạ với con người nội tâm. Vì không con khả năng kết nối với tiếng nói bên trong là Chúa Thánh Thần mà bạn có thể đánh mất chính sứ mạng chính Thiên Chúa trao cho bạn ở trần gian.

Nhân cách đời tu vẫn còn đó những thách đố mà các tu sĩ phải thực sự tỉnh táo trong việc đưa ra những quyết định liên quan đến chính ơn gọi đời đời của mình. Ơn gọi mà Thiên Chúa đã đặt để trong lòng cùng với những tài năng, cơ hội khác nhau, giúp mỗi người sống sung mãn, tích cực, độc nhất, khác biệt và không thể thay thế. Mỗi chúng ta có một chỗ đứng nhất định trong lòng Giáo hội, cũng như có một chỗ duy nhất trong trái tim Chúa. Chính khi cảm nghiệm tình Chúa yêu thương mà mỗi người muốn dấn thân triệt để nhằm xây dựng bản thân thành toàn cùng hòa điệu với vũ trụ, hòa đồng với mọi người và hòa hiệp với Thiên Chúa.

Xét cho cùng, nhân cách đời tu là thái độ sống của mỗi tu sĩ muốn họa lại hình ảnh của Thiên Chúa trong tâm hồn. Cụ thể hơn, mỗi tu sĩ khát khao sống đồng hình đồng dạng với Đức Kitô. Nói cách khác, nhân cách đời tu là tình trạng mà mỗi tu sĩ phải đảm nhận và làm cho triển nở đạt đến tầm vóc viên mãn của Đức Kitô.